THERAVADĀ

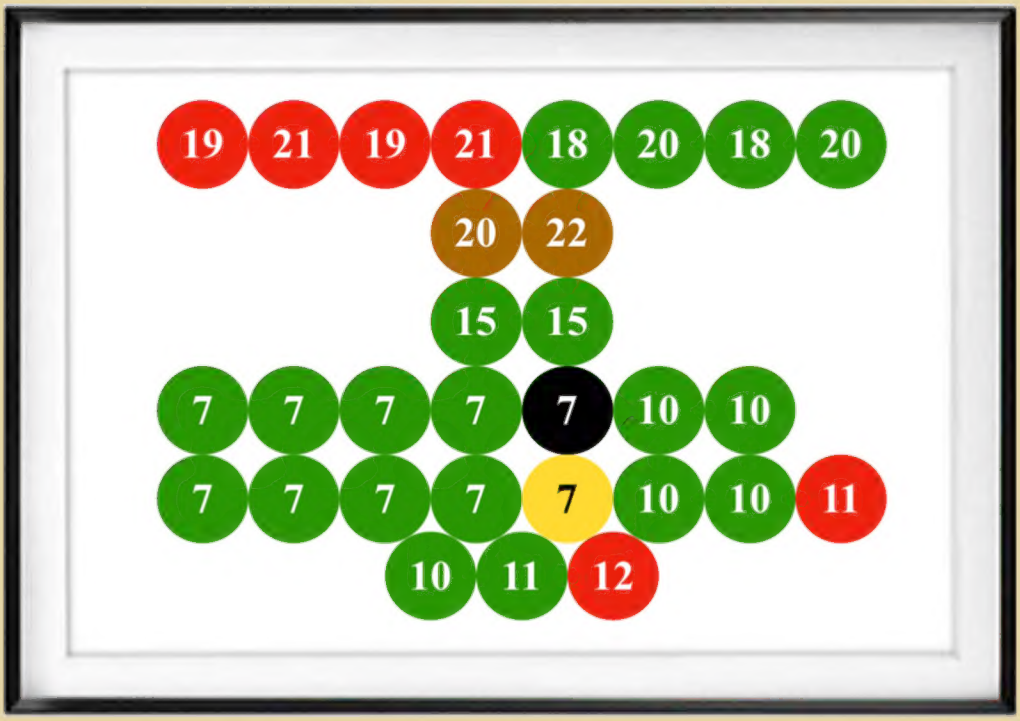

GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP I

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyên Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahan cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng

thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học nầy hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Thật may mắn thay cho chúng con, Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh trong chuyến đi hoằng pháp tại

Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã dừng chân tại Chân Lý Thiền Đường, và Chùa Metta, là những ngôi chùa nhỏ ấm cúng thuộc hệ phái Theravada ở Virginia. Với tâm từ và lòng bi mẫn, sư phụ Bửu Chánh như một người cha từ phương xa trở về. Ngài đã chỉ dạy cho chúng con từng ly từng tí từ cách Chia Pháp, tới cách Gồm Pháp, tới các sơ đồ cơ bản và những định nghĩa thật là dễ hiểu. Sư phụ Bửu Chánh đã đem môn học Vi Diệu Pháp này tới tận tay những người cư sĩ ở Hải Ngoại như chúng con.

Chúng con đã cố gắng vẽ ra sơ đồ và trình bày những lời dạy của sư phụ bằng hình màu để phần

nào làm môn học này dễ thâm nhập hơn vào tâm khảm của những vị muốn nghiên cứu tạng Vi Diệu Pháp.

Chúng con cũng đã tạo thêm một tự điển Pali - Việt - Anh nho nhỏ để giúp quý vị có thêm tài liệu tham khảo.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyên Như kính bút
Tháng Tư 2020, Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **Giáo Trình Vi Diệu Pháp Sơ Đẳng** này, cũng như đã tận tình chỉ dạy cho chúng con trong công trình vẽ các sơ đồ minh họa.

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Kim Triệu, Sư Thanh Tâm, Sư Chánh Hạnh đã giúp cho chúng con trong việc tìm kiếm tài liệu tham khảo.

Chúng con cũng xin có lời tri ân đến các bạn đạo Nguyên Trang, Kim Nhung, Hà Nguyễn, Lý Phạm, Cavin Lê, và Bình Đỗ đã giúp đỡ cho chúng con trong việc chỉnh sửa quyển sách nhỏ này.

Và cuối cùng xin tri ân nhóm Vi Diệu Pháp 822, và lớp Nguyên Như Kỳ Viên Paltalk đã động viên và sách tấn cho chúng con trong thời gian thực hiện giáo trình này.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác

Nguyên Như kính bút
Tháng Tư 2020, Virginia

HỒI HƯỚNG

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.
Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;
Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

SÁCH THAM KHẢO

* Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự
* Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh
* Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên
* A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera
* A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

ABHIDHAMMA

CITTA - TÂM VƯƠNG

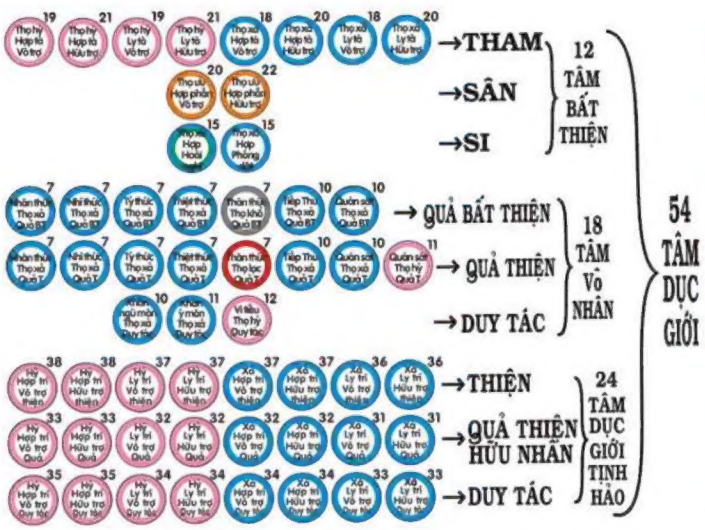

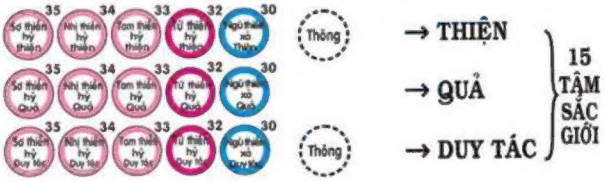

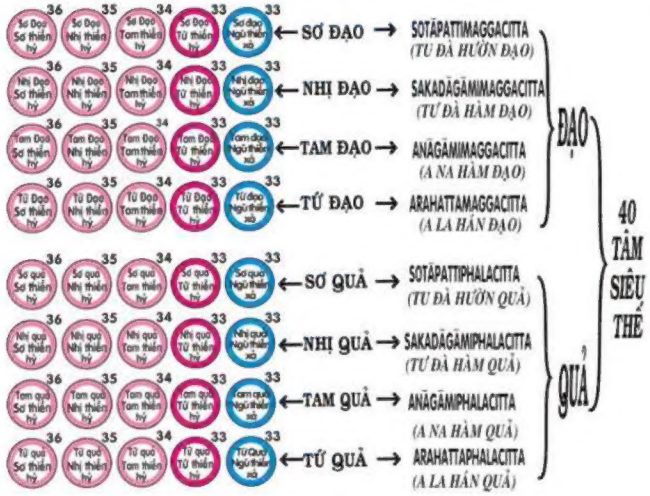

CETASIKA-TÂM SỞ

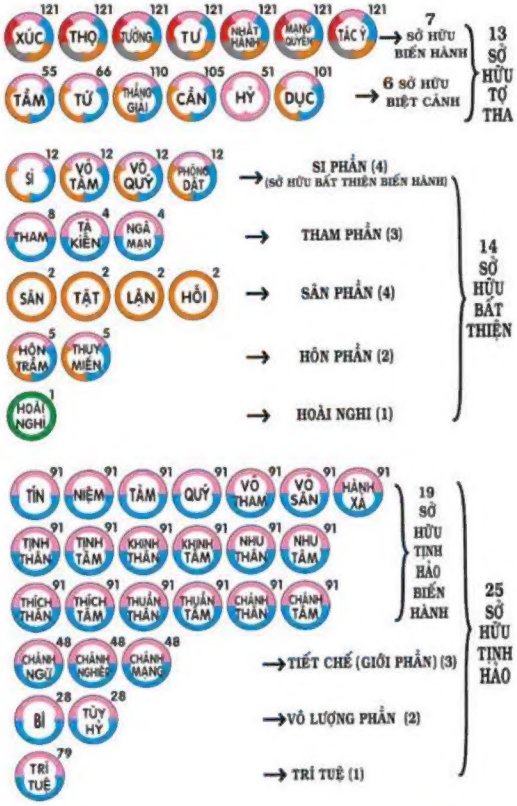

RŪPA SẮC = 28 {12 SẮC THÔ + 16 SẮC TẾ}

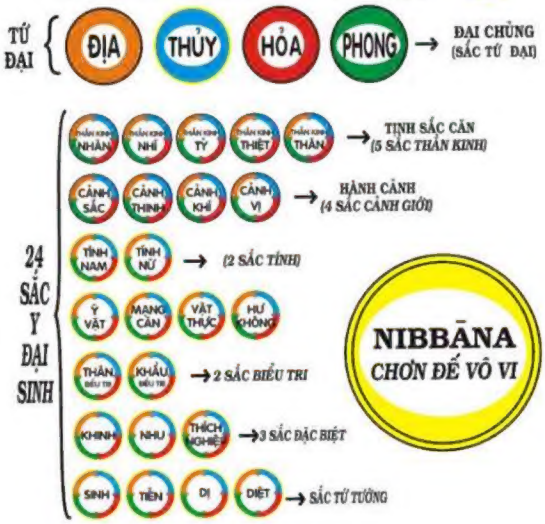

NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH

ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH

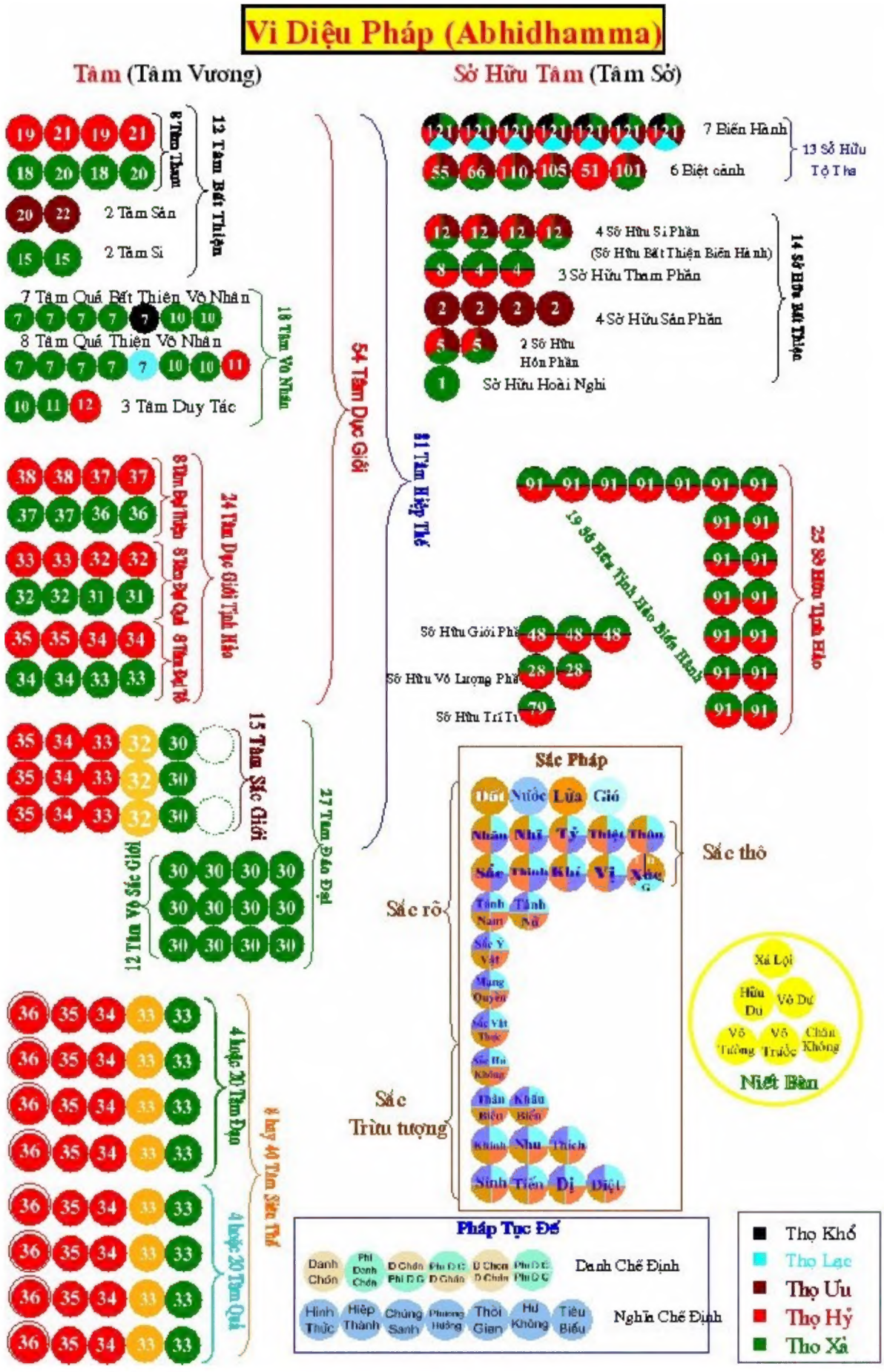
Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)
Tâm (Tâm Vương)
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)
12 Tâm Bất Thiện
8 Tâm Tham
2 Tâm Sân
2 Tâm Si
7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân
3 Tâm Duy Tác
18 Tâm Vô Nhân
54 Tâm Dục Giới
8 Tâm Đại Thiện
8 Tâm Đại Quả
8 Tâm Đại Tố
24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo
15 Tâm Sắc Giới
12 Tâm Vô Sắc Giới
27 Tâm Đáo Đại
4 hoặc 20 Tâm Đạo
4 hoặc 20 Tâm Quả
8 hay 40 Tâm Siêu Thế
81 Tâm Hiệp Thế
7 Biến Hành
6 Biệt cảnh
13 Sở Hữu Tợ Tha
4 Sở Hữu Si Phần
(Sở Hữu Bất Thiện Biến Hành)
3 Sở Hữu Tham Phần
4 Sở Hữu Sân Phần
2 Sở Hữu Hôn Phần
Sở Hữu Hoài Nghi
14 Sở Hữu Bất Thiện
19 Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành
Sở Hữu Giới Phần
Sở Hữu Vô Lượng Phần
Sở Hữu Trí Tuệ
25 Sở Hữu Tịnh Hảo
Sắc Pháp
Đất
Nước
Lửa
Gió
Nhãn
Nhĩ
Tỷ
Thiệt
Thân
Sắc
Thinh
Khí
Vị
Xúc
Tính Nam
Tính Nữ
Sắc Ý Vật
Mạng Quyền
Sắc Vật Thực
Sắc Hư Không
Thân Biểu
Khẩu Biểu
Khinh
Nhu
Thích
Sinh
Tiến
Dị
Diệt
Sắc thô
Sắc rõ
Sắc Trừu tượng
Xá Lợi
Hữu Dư
Vô Dư
Vô Tướng
Vô Tướng
Chân Không
Niết Bàn
Pháp Tục Đế
Danh Chế Định
Nghĩa Chế Định
Hình Thức
Hiệp Thành
Chúng Sanh
Phương Hướng
Thời Gian
Hư Không
Tiêu Biểu
Thọ Khổ
Thọ Lạc
Thọ Ưu
Thọ Hỷ
Thọ Xả

ABHIDHAMMA

Created by: Bhikkhu Tịnh Sự

Computer Design by: Jean Dan 04/04/2000

CHƯƠNG I
(BÀI 1)

PHẦN CHIA PHÁP

1. Tất cả là Pháp.

2. Pháp được chia làm 2:
   Pháp tục đế
   Pháp chơn đế

3. Pháp chơn đế được chia làm 2:
   Chơn đế vô vi
   Chơn đế hữu vi

4. Chơn đế hữu vi được chia làm 2:
   Sắc pháp
   Danh pháp

5. Danh pháp được chia làm 2:
   Sở hữu tâm
   Tâm

6. Tâm được chia làm 2:
   Tâm siêu thế
   Tâm hiệp thế

7. Tâm hiệp thế được chia làm 2:

Tâm đáo đại
Tâm dục giới

8. Tâm dục giới được chia làm 2:
   Tâm dục giới tịnh hảo
   Tâm dục giới vô tịnh hảo

9. Tâm dục giới vô tịnh hảo được chia làm 2:
   Tâm vô nhân
   Tâm bất thiện

10. Tâm bất thiện được chia làm 3:
   Tâm tham
   Tâm sân
   Tâm si

11. Tâm tham được chia làm 8:
   Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ
   Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
   Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
   Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
   Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
   Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ

Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ

12. Tâm sân được chia làm 2:
    Tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ
    Tâm sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ

13. Tâm si được chia làm 2:
    Tâm si thọ xả hợp hoài nghi
    Tâm si thọ xả hợp phóng dật

14. Tâm vô nhân được chia làm 2:
    Tâm quả vô nhân
    Tâm duy tác vô nhân

15. Tâm quả vô nhân được chia làm 2:
    Tâm quả bất thiện vô nhân
    Tâm quả thiện vô nhân

16. Tâm quả bất thiện vô nhân được chia làm 7:
    Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
    Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
    Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân

17. Tâm quả thiện vô nhân được chia làm 8:
Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

18. Tâm duy tác vô nhân được chia làm 3:
Tâm khán ngũ môn thọ xả
Tâm khán ý môn thọ xả
Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ

19. Tâm dục giới tịnh hảo được chia làm 3:
Tâm thiện dục giới tịnh hảo
Tâm quả dục giới tịnh hảo

Tâm duy tác dục giới tịnh hảo

20. Tâm thiện dục giới tịnh hảo được chia làm 8:
    Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ
    Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ

21. Tâm quả dục giới tịnh hảo được chia làm 8:
    Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ
    Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ

22. Tâm duy tác dục giới tịnh hảo được chia làm 8:

Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ
Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ
Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ

23. Tâm đáo đại được chia làm 2:
Tâm sắc giới
Tâm vô sắc giới

24. Tâm sắc giới được chia làm 3:
Tâm thiện sắc giới
Tâm quả sắc giới
Tâm duy tác sắc giới

25. Tâm thiện sắc giới được chia làm 5:
Tâm thiện sơ thiền sắc giới

Tâm thiện nhị thiền sắc giới
Tâm thiện tam thiền sắc giới
Tâm thiện tứ thiền sắc giới
Tâm thiện ngũ thiền sắc giới

26. Tâm quả sắc giới được chia làm 5:
Tâm quả sơ thiền sắc giới
Tâm quả nhị thiền sắc giới
Tâm quả tam thiền sắc giới
Tâm quả tứ thiền sắc giới
Tâm quả ngũ thiền sắc giới

27. Tâm duy tác sắc giới được chia làm 5:
Tâm duy tác sơ thiền sắc giới
Tâm duy tác nhị thiền sắc giới
Tâm duy tác tam thiền sắc giới
Tâm duy tác tứ thiền sắc giới
Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới

28. Tâm vô sắc giới được chia làm 3:
Tâm thiện vô sắc giới
Tâm quả vô sắc giới
Tâm duy tác vô sắc giới

29. Tâm thiện vô sắc giới được chia làm 4:
    Tâm thiện không vô biên xứ
    Tâm thiện thức vô biên xứ
    Tâm thiện vô sở hữu xứ
    Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ

30. Tâm quả vô sắc giới được chia làm 4:
    Tâm quả không vô biên xứ
    Tâm quả thức vô biên xứ
    Tâm quả vô sở hữu xứ
    Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ

31. Tâm duy tác vô sắc giới được chia làm 4:
    Tâm duy tác không vô biên xứ
    Tâm duy tác thức vô biên xứ
    Tâm duy tác vô sở hữu xứ
    Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ

32. Tâm siêu thế được chia làm 2:
    Tâm đạo
    Tâm quả siêu thế

33. Tâm đạo được chia làm 4:

Tâm sơ đạo
Tâm nhị đạo
Tâm tam đạo
Tâm tứ đạo

34. Tâm sơ đạo được chia làm 5:
Tâm sơ đạo sơ thiền
Tâm sơ đạo nhị thiền
Tâm sơ đạo tam thiền
Tâm sơ đạo tứ thiền
Tâm sơ đạo ngũ thiền

35. Tâm nhị đạo được chia làm 5:
Tâm nhị đạo sơ thiền
Tâm nhị đạo nhị thiền
Tâm nhị đạo tam thiền
Tâm nhị đạo tứ thiền
Tâm nhị đạo ngũ thiền

36. Tâm tam đạo được chia làm 5
Tâm tam đạo sơ thiền
Tâm tam đạo nhị thiền
Tâm tam đạo tam thiền

Tâm tam đạo tứ thiền
Tâm tam đạo ngũ thiền

37. Tâm tứ đạo được chia làm 5:
    Tâm tứ đạo sơ thiền
    Tâm tứ đạo nhị thiền
    Tâm tứ đạo tam thiền
    Tâm tứ đạo tứ thiền
    Tâm tứ đạo ngũ thiền

38. Tâm quả siêu thế được chia làm 4:
    Tâm sơ quả
    Tâm nhị quả
    Tâm tam quả
    Tâm tứ quả

39. Tâm sơ quả được chia làm 5:
    Tâm sơ quả sơ thiền
    Tâm sơ quả nhị thiền
    Tâm sơ quả tam thiền
    Tâm sơ quả tứ thiền
    Tâm sơ quả ngũ thiền

40. Tâm nhị quả được chia làm 5:
    Tâm nhị quả sơ thiền
    Tâm nhị quả nhị thiền
    Tâm nhị quả tam thiền
    Tâm nhị quả tứ thiền
    Tâm nhị quả ngũ thiền

41. Tâm tam quả được chia làm 5:
    Tâm tam quả sơ thiền
    Tâm tam quả nhị thiền
    Tâm tam quả tam thiền
    Tâm tam quả tứ thiền
    Tâm tam quả ngũ thiền

42. Tâm tứ quả được chia làm 5:
    Tâm tứ quả sơ thiền
    Tâm tứ quả nhị thiền
    Tâm tứ quả tam thiền
    Tâm tứ quả tứ thiền
    Tâm tứ quả ngũ thiền

43. Sở hữu tâm được chia làm 3:
    Sở hữu tợ tha

Sở hữu bất thiện
Sở hữu tịnh hảo

44. Sở hữu tợ tha được chia làm 2:
Sở hữu biến hành
Sở hữu biệt cảnh

45. Sở hữu biến hành được chia làm 7:
Xúc
Thọ
Tưởng
Tư
Nhất hành
Mạng quyền
Tác ý

46. Sở hữu biệt cảnh được chia làm 6:
Tầm
Tứ
Thắng giải
Cần
Hỷ
Dục

47. Sở hữu bất thiện được chia làm 5:
    Sở hữu bất thiện biến hành
    Sở hữu tham phần
    Sở hữu sân phần
    Sở hữu hôn phần
    Sở hữu hoài nghi

48. Sở hữu bất thiện biến hành được chia làm 4:
    Si
    Vô tàm
    Vô úy
    Phóng dật

49. Sở hữu tham phần được chia làm 3:
    Tham
    Tà kiến
    Ngã mạn

50. Sở hữu sân phần được chia làm 4:
    Sân
    Tật
    Lận
    Hối

51. Sở hữu hôn phần được chia làm 2:
    Hôn trầm
    Thụy miên

52. Sở hữu hoài nghi có 1.

53. Sở hữu tịnh hảo được chia làm 4:
    Sở hữu tịnh hảo biến hành
    Sở hữu giới phần
    Sở hữu vô lượng phần
    Sở hữu trí tuệ

54. Sở hữu tịnh hảo biến hành được chia làm 19:
    Tín
    Niệm
    Tàm
    Quý
    Vô tham
    Vô sân
    Hành xả
    Tịnh thân
    Tịnh tâm
    Khinh thân

Khinh tâm
Nhu thân
Nhu tâm
Thích thân
Thích tâm
Thuần thân
Thuần tâm
Chánh thân
Chánh tâm

55. Sở hữu giới phần được chia làm 3:
    Chánh ngữ
    Chánh nghiệp
    Chánh mạng

56. Sở hữu vô lượng phần được chia làm 2:
    Bi
    Tùy hỷ

57. Sở hữu trí tuệ có 1.

58. Sắc pháp được chia làm 2:
    Sắc tứ đại

Sắc y đại sinh

59. Sắc tứ đại được chia làm 4:
    Sắc đất
    Sắc nước
    Sắc lửa
    Sắc gió

60. Sắc y đại sinh được chia làm 10:
    Sắc thần kinh
    Sắc cảnh giới
    Sắc tính
    Sắc ý vật
    Sắc mạng quyền
    Sắc vật thực
    Sắc hư không
    Sắc biểu tri
    Sắc đặc biệt
    Sắc tứ tướng

61. Sắc thần kinh được chia làm 5:
    Sắc thần kinh nhãn
    Sắc thần kinh nhĩ

Sắc thần kinh tỷ
Sắc thần kinh thiệt
Sắc thần kinh thân

62. Sắc cảnh giới được chia làm 4:
    Sắc cảnh sắc
    Sắc cảnh thinh
    Sắc cảnh khí
    Sắc cảnh vị

63. Sắc tính được chia làm 2:
    Sắc nam tính
    Sắc nữ tính

64. Sắc ý vật có 1.

65. Sắc mạng quyền có 1.

66. Sắc vật thực có 1

67. Sắc hư không có 1

68. Sắc biểu tri được chia làm 2:

Sắc thân biểu tri
Sắc khẩu biểu tri

69. Sắc đặc biệt được chia làm 3:
Sắc khinh
Sắc nhu
Sắc thích nghiệp

70. Sắc tứ tướng được chia làm 4:
Sắc sinh
Sắc tiến
Sắc dị
Sắc diệt

71. Pháp tục đế được chia làm 2:
Danh chế định
Nghĩa chế định

72. Danh chế định được chia làm 6:
Danh chơn chế định
Phi danh chơn chế định
Danh chơn phi danh chơn chế định
Phi danh chơn danh chơn chế định

Danh chơn danh chơn chế định
Phi danh chơn, phi danh chơn chế định

73. Nghĩa chế định được chia làm 7:
Hình thức chế định
Hiệp thành chế định
Chúng sanh chế định
Phương hướng chế định
Thời gian chế định
Hư không chế định
Hình tướng chế định.

Thiền viện Phước Sơn - Chùa Đồi Lá Giang
Ngày 01/03/2020
Hòa Thượng Bửu Chánh biên soạn.

CHƯƠNG II
(BÀI 2)

SƠ ĐỒ CHIA PHÁP BẰNG CHỮ

PHÁP
1
PHÁP CHƠN ĐẾ
PHÁP TỤC ĐẾ
CHƠN ĐẾ HỮU VI
CHƠN ĐẾ VÔ VI
DANH PHÁP
SẮC PHÁP
TÂM
SỞ HỮU TÂM
TÂM HIỆP THẾ
TÂM SIÊU THẾ
TÂM DỤC GIỚI
TÂM ĐÁO ĐẠI
TÂM DỤC GIỚI VÔ TỊNH HẢO
TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO
TÂM BẤT THIỆN
TÂM VÔ NHÂN

TÂM BẤT THIỆN
Được chia làm 3:
2
TÂM THAM
được chia
làm 8:
Tâm tham
thọ hỷ
hợp tà
vô trợ
hữu trợ
ly tà
vô trợ
hữu trợ
thọ xả
hợp tà
vô trợ
hữu trợ
ly tà
vô trợ
hữu trợ
TÂM SÂN
được chia
làm 2:
Tâm sân thọ ưu
hợp phấn
vô trợ
hữu trợ
TÂM SI
được chia
làm 2:
Tâm si thọ xả
hợp hoài
nghi
hợp
phóng dật

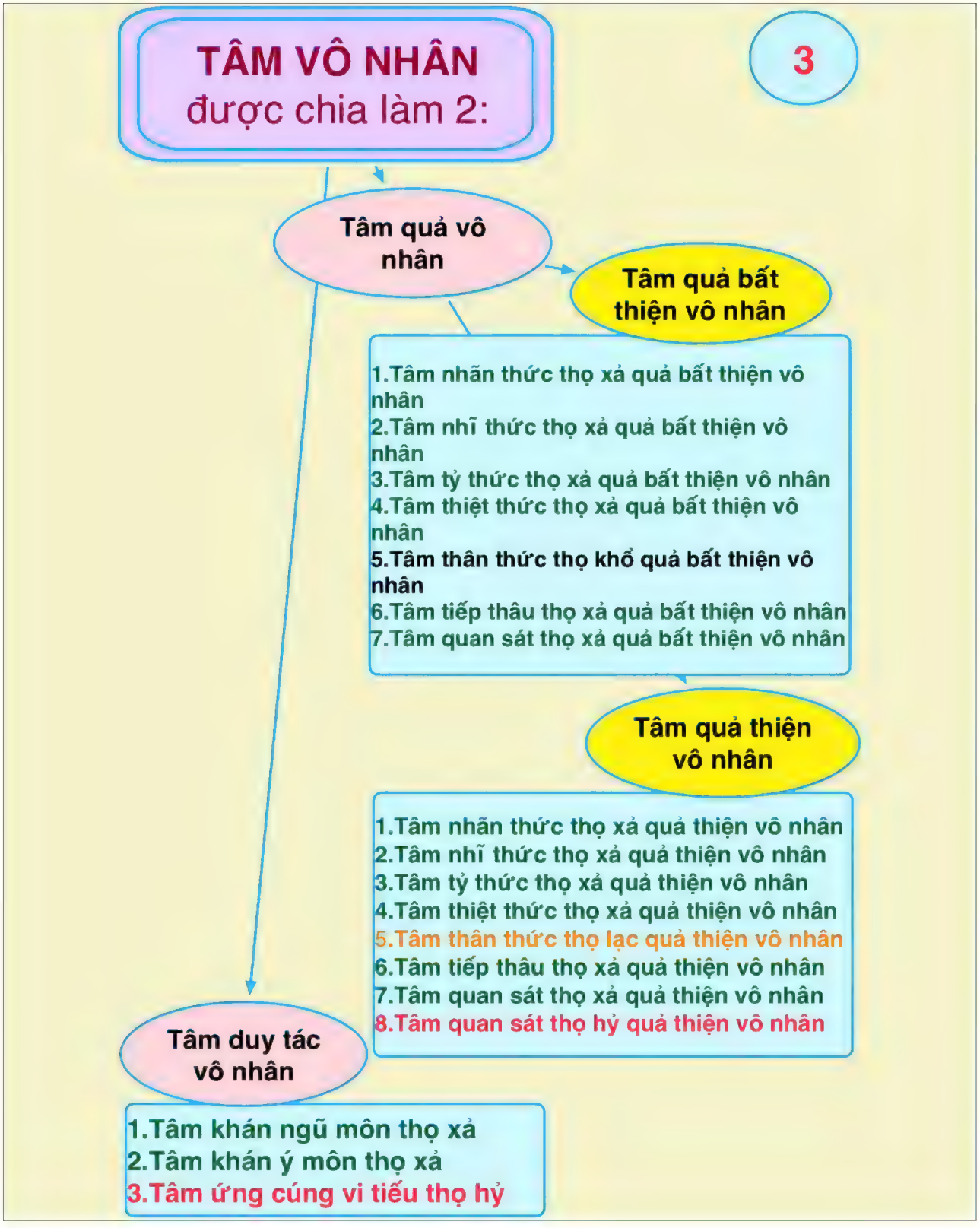
TÂM VÔ NHÂN
được chia làm 2:
3
Tâm quả vô nhân
Tâm quả bất thiện vô nhân
1.Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
2.Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
3.Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
4.Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
5.Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
6.Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
7.Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
Tâm quả thiện vô nhân
1.Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân
2.Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
3.Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
4.Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
5.Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
6.Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
7.Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
8.Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
Tâm duy tác vô nhân
1.Tâm khán ngũ môn thọ xả
2.Tâm khán ý môn thọ xả
3.Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ

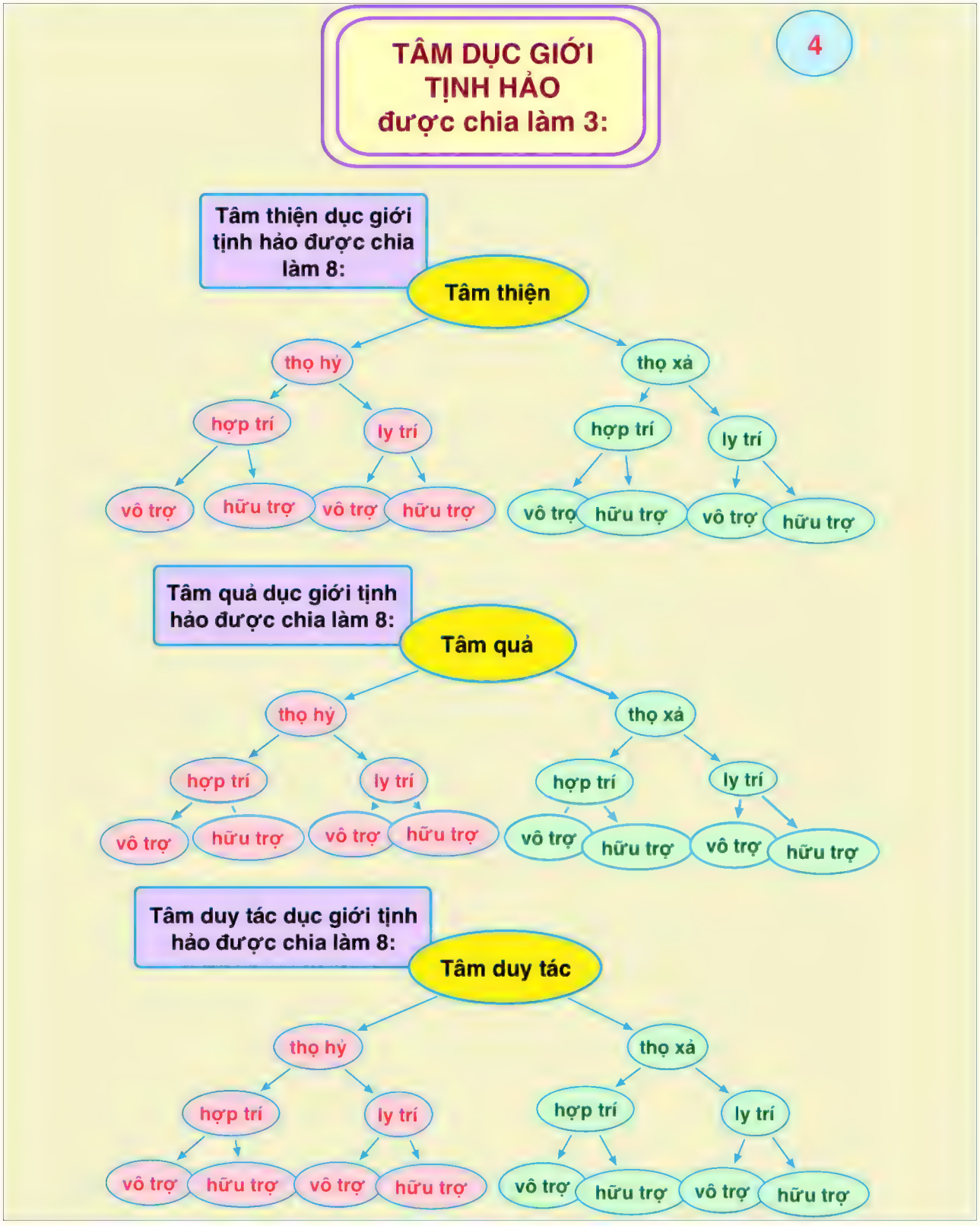
4
TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO được chia làm 3:
Tâm thiện dục giới tịnh hảo được chia làm 8:
Tâm thiện
thọ hỷ
thọ xả
hợp trí
ly trí
hợp trí
ly trí
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
Tâm quả dục giới tịnh hảo được chia làm 8:
Tâm quả
thọ hỷ
thọ xả
hợp trí
ly trí
hợp trí
ly trí
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
Tâm duy tác dục giới tịnh hảo được chia làm 8:
Tâm duy tác
thọ hỷ
thọ xả
hợp trí
ly trí
hợp trí
ly trí
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ

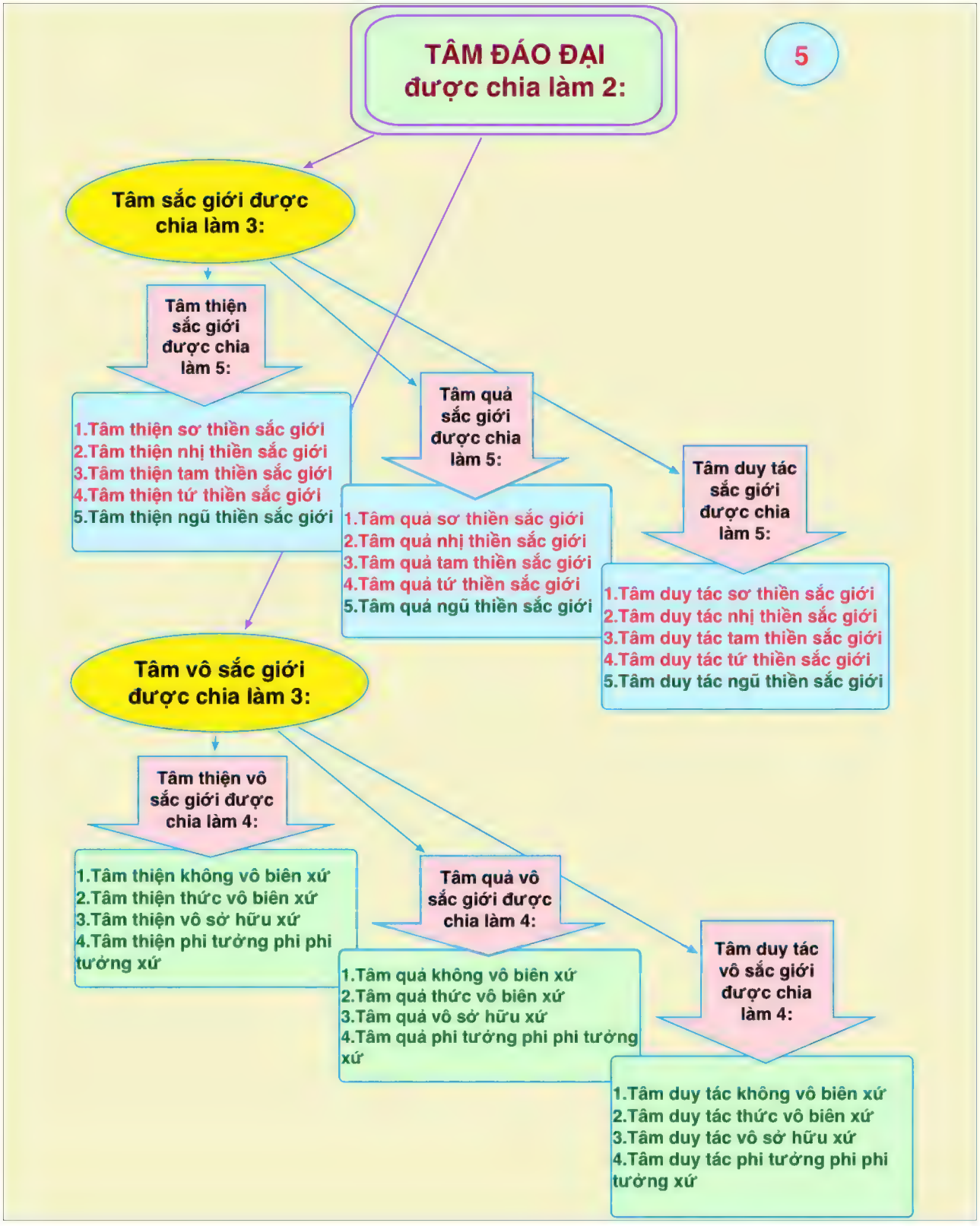
TÂM ĐÁO ĐẠI
được chia làm 2:
5
Tâm sắc giới được chia làm 3:
Tâm thiện sắc giới được chia làm 5:
1.Tâm thiện sơ thiền sắc giới
2.Tâm thiện nhị thiền sắc giới
3.Tâm thiện tam thiền sắc giới
4.Tâm thiện tứ thiền sắc giới
5.Tâm thiện ngũ thiền sắc giới
Tâm quả sắc giới được chia làm 5:
1.Tâm quả sơ thiền sắc giới
2.Tâm quả nhị thiền sắc giới
3.Tâm quả tam thiền sắc giới
4.Tâm quả tứ thiền sắc giới
5.Tâm quả ngũ thiền sắc giới
Tâm duy tác sắc giới được chia làm 5:
1.Tâm duy tác sơ thiền sắc giới
2.Tâm duy tác nhị thiền sắc giới
3.Tâm duy tác tam thiền sắc giới
4.Tâm duy tác tứ thiền sắc giới
5.Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới
Tâm vô sắc giới được chia làm 3:
Tâm thiện vô sắc giới được chia làm 4:
1.Tâm thiện không vô biên xứ
2.Tâm thiện thức vô biên xứ
3.Tâm thiện vô sở hữu xứ
4.Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ
Tâm quả vô sắc giới được chia làm 4:
1.Tâm quả không vô biên xứ
2.Tâm quả thức vô biên xứ
3.Tâm quả vô sở hữu xứ
4.Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ
Tâm duy tác vô sắc giới được chia làm 4:
1.Tâm duy tác không vô biên xứ
2.Tâm duy tác thức vô biên xứ
3.Tâm duy tác vô sở hữu xứ
4.Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ

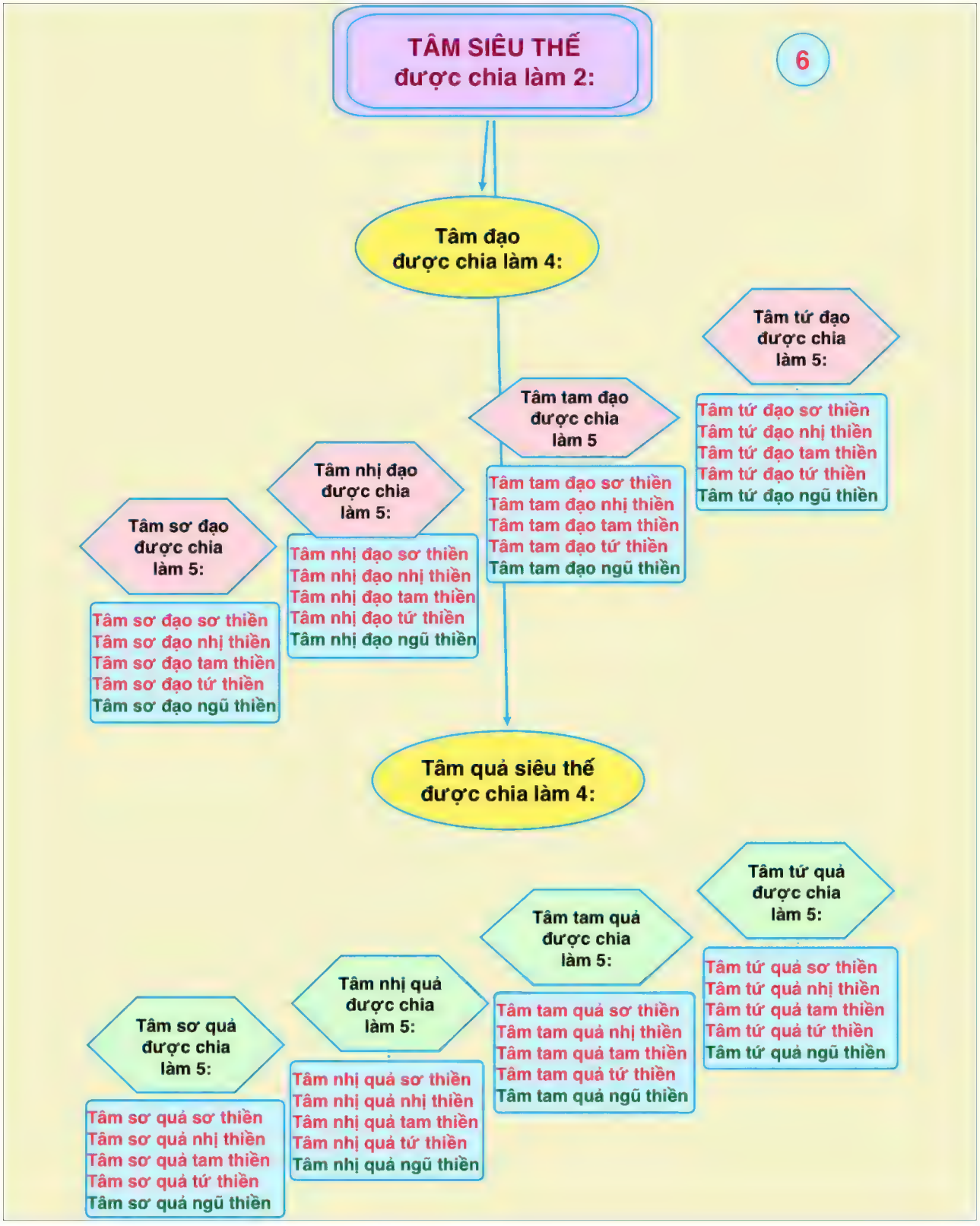
TÂM SIÊU THẾ
được chia làm 2:
6
Tâm đạo
được chia làm 4:
Tâm tứ đạo
được chia
làm 5:
Tâm tứ đạo sơ thiền
Tâm tứ đạo nhị thiền
Tâm tứ đạo tam thiền
Tâm tứ đạo tứ thiền
Tâm tứ đạo ngũ thiền
Tâm tam đạo
được chia
làm 5
Tâm tam đạo sơ thiền
Tâm tam đạo nhị thiền
Tâm tam đạo tam thiền
Tâm tam đạo tứ thiền
Tâm tam đạo ngũ thiền
Tâm nhị đạo
được chia
làm 5:
Tâm nhị đạo sơ thiền
Tâm nhị đạo nhị thiền
Tâm nhị đạo tam thiền
Tâm nhị đạo tứ thiền
Tâm nhị đạo ngũ thiền
Tâm sơ đạo
được chia
làm 5:
Tâm sơ đạo sơ thiền
Tâm sơ đạo nhị thiền
Tâm sơ đạo tam thiền
Tâm sơ đạo tứ thiền
Tâm sơ đạo ngũ thiền
Tâm quả siêu thế
được chia làm 4:
Tâm tứ quả
được chia
làm 5:
Tâm tứ quả sơ thiền
Tâm tứ quả nhị thiền
Tâm tứ quả tam thiền
Tâm tứ quả tứ thiền
Tâm tứ quả ngũ thiền
Tâm tam quả
được chia
làm 5:
Tâm tam quả sơ thiền
Tâm tam quả nhị thiền
Tâm tam quả tam thiền
Tâm tam quả tứ thiền
Tâm tam quả ngũ thiền
Tâm nhị quả
được chia
làm 5:
Tâm nhị quả sơ thiền
Tâm nhị quả nhị thiền
Tâm nhị quả tam thiền
Tâm nhị quả tứ thiền
Tâm nhị quả ngũ thiền
Tâm sơ quả
được chia
làm 5:
Tâm sơ quả sơ thiền
Tâm sơ quả nhị thiền
Tâm sơ quả tam thiền
Tâm sơ quả tứ thiền
Tâm sơ quả ngũ thiền

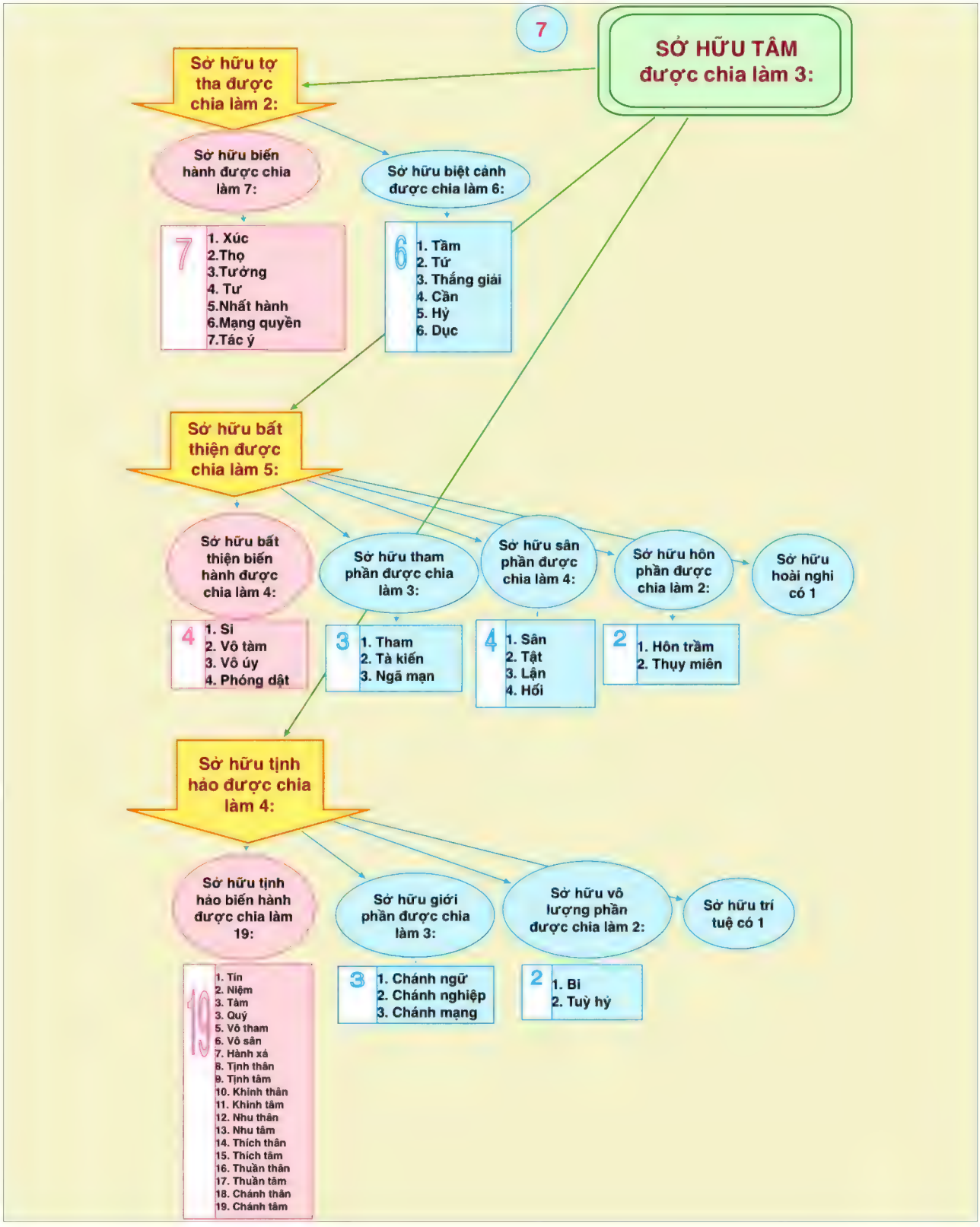
7
SỞ HỮU TÂM được chia làm 3:
Sở hữu tợ tha được chia làm 2:
Sở hữu biến hành được chia làm 7:
Sở hữu biệt cảnh được chia làm 6:
7
1. Xúc
2.Thọ
3.Tưởng
4. Tư
5.Nhất hành
6.Mạng quyền
7.Tác ý
6
1. Tầm
2. Tứ
3. Thắng giải
4. Cần
5. Hỷ
6. Dục
Sở hữu bất thiện được chia làm 5:
Sở hữu bất thiện biến hành được chia làm 4:
Sở hữu tham phần được chia làm 3:
Sở hữu sân phần được chia làm 4:
Sở hữu hôn phần được chia làm 2:
Sở hữu hoài nghi có 1
4
1. Si
2. Vô tàm
3. Vô úy
4. Phóng dật
3
1. Tham
2. Tà kiến
3. Ngã mạn
4
1. Sân
2. Tật
3. Lận
4. Hối
2
1. Hôn trầm
2. Thụy miên
Sở hữu tịnh hảo được chia làm 4:
Sở hữu tịnh hảo biến hành được chia làm 19:
Sở hữu giới phần được chia làm 3:
Sở hữu vô lượng phần được chia làm 2:
Sở hữu trí tuệ có 1
19
1. Tín
2. Niệm
3. Tàm
3. Quý
5. Vô tham
6. Vô sân
7. Hành xả
8. Tịnh thân
9. Tịnh tâm
10. Khinh thân
11. Khinh tâm
12. Nhu thân
13. Nhu tâm
14. Thích thân
15. Thích tâm
16. Thuần thân
17. Thuần tâm
18. Chánh thân
19. Chánh tâm
3
1. Chánh ngữ
2. Chánh nghiệp
3. Chánh mạng
2
1. Bi
2. Tuỳ hỷ

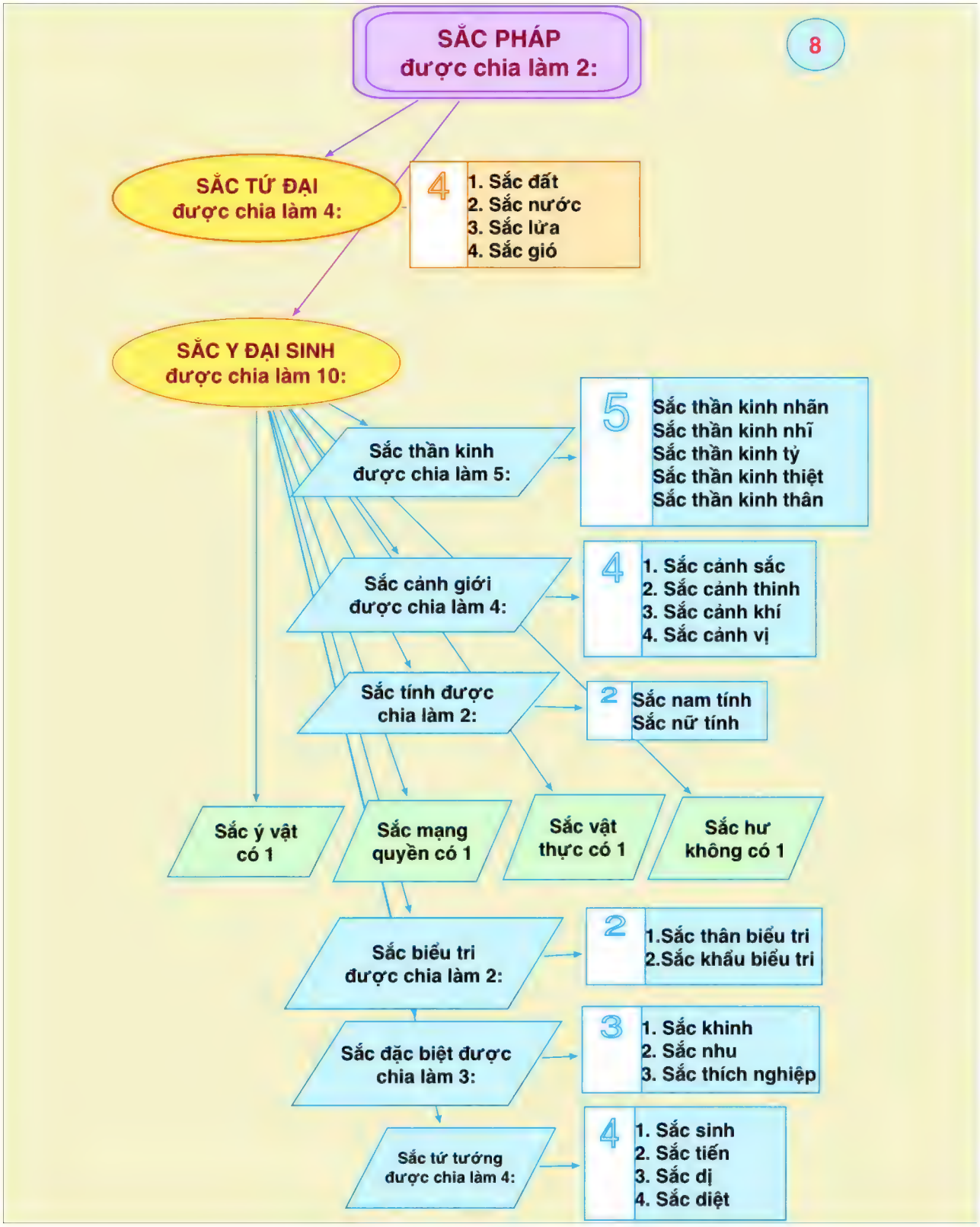
SẮC PHÁP
được chia làm 2:
8
SẮC TỨ ĐẠI
được chia làm 4:
4
1. Sắc đất
2. Sắc nước
3. Sắc lửa
4. Sắc gió
SẮC Y ĐẠI SINH
được chia làm 10:
Sắc thần kinh
được chia làm 5:
5
Sắc thần kinh nhãn
Sắc thần kinh nhĩ
Sắc thần kinh tỷ
Sắc thần kinh thiệt
Sắc thần kinh thân
Sắc cảnh giới
được chia làm 4:
4
1. Sắc cảnh sắc
2. Sắc cảnh thinh
3. Sắc cảnh khí
4. Sắc cảnh vị
Sắc tính được
chia làm 2:
2
Sắc nam tính
Sắc nữ tính
Sắc ý vật
có 1
Sắc mạng
quyền có 1
Sắc vật
thực có 1
Sắc hư
không có 1
Sắc biểu tri
được chia làm 2:
2
1.Sắc thân biểu tri
2.Sắc khẩu biểu tri
Sắc đặc biệt được
chia làm 3:
3
1. Sắc khinh
2. Sắc nhu
3. Sắc thích nghiệp
Sắc tứ tướng
được chia làm 4:
4
1. Sắc sinh
2. Sắc tiến
3. Sắc dị
4. Sắc diệt

PHÁP TỤC ĐẾ
được chia làm 2:
9
Danh chế định
được chia làm 6:
6
1. Danh chơn chế định
2. Phi danh chơn chế định
3. Danh chơn phi danh chơn chế định
4. Phi danh chơn danh chơn chế định
5. Danh chơn danh chơn chế định
6.Phi danh chơn phi danh chơn chế định
Nghĩa chế định
được chia làm 7:
7
1. Hình thức chế định
2. Hiệp thành chế định
3. Chúng sanh chế định
4. Phương hướng chế định
5. Thời gian chế định
6. Hư không chế định
7. Hình tướng chế định.

CHƯƠNG III
(BÀI 3)

SƠ ĐỒ CHIA PHÁP BẰNG SỐ

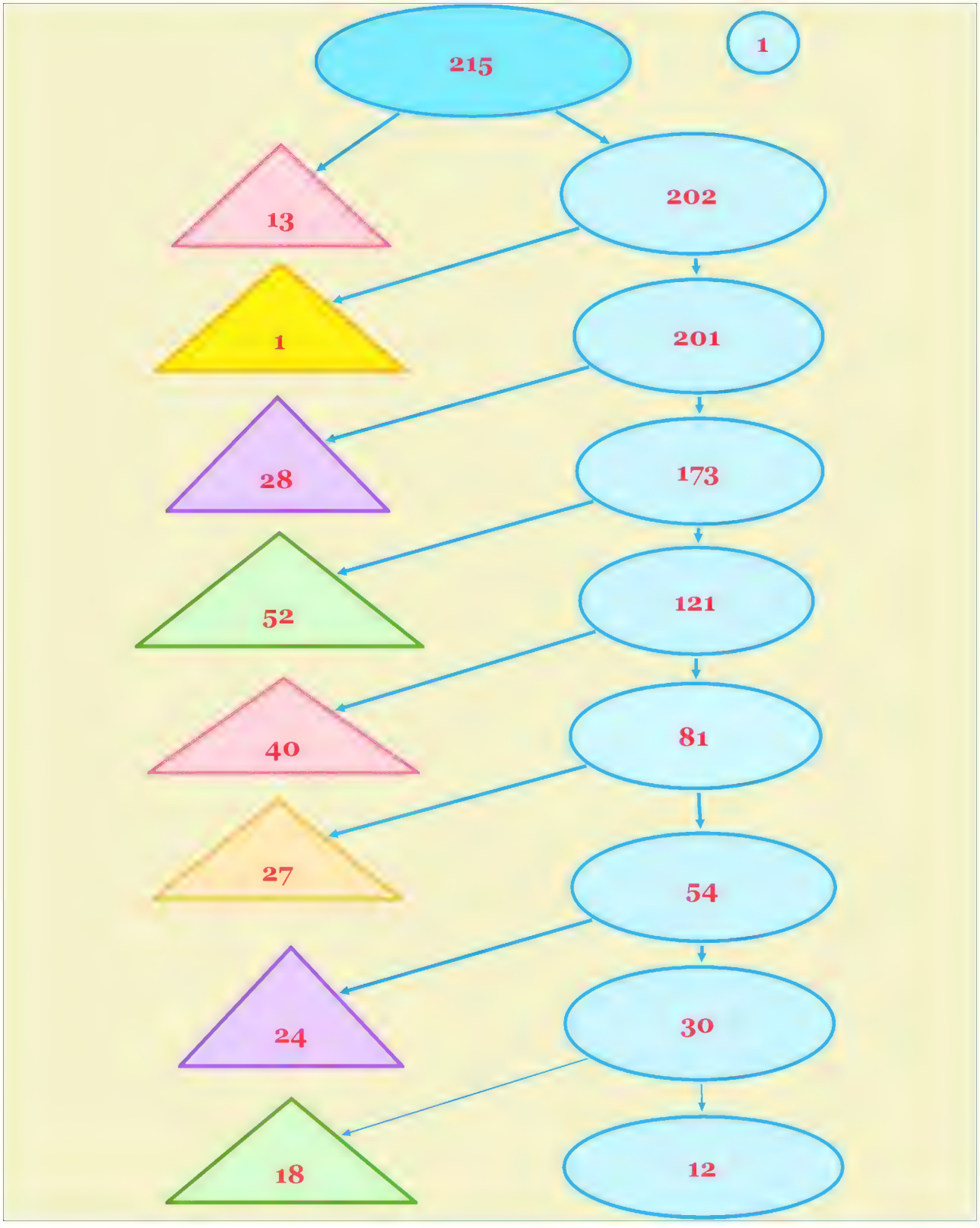
215
1
13
202
1
201
28
173
52
121
40
81
27
54
24
30
18
12

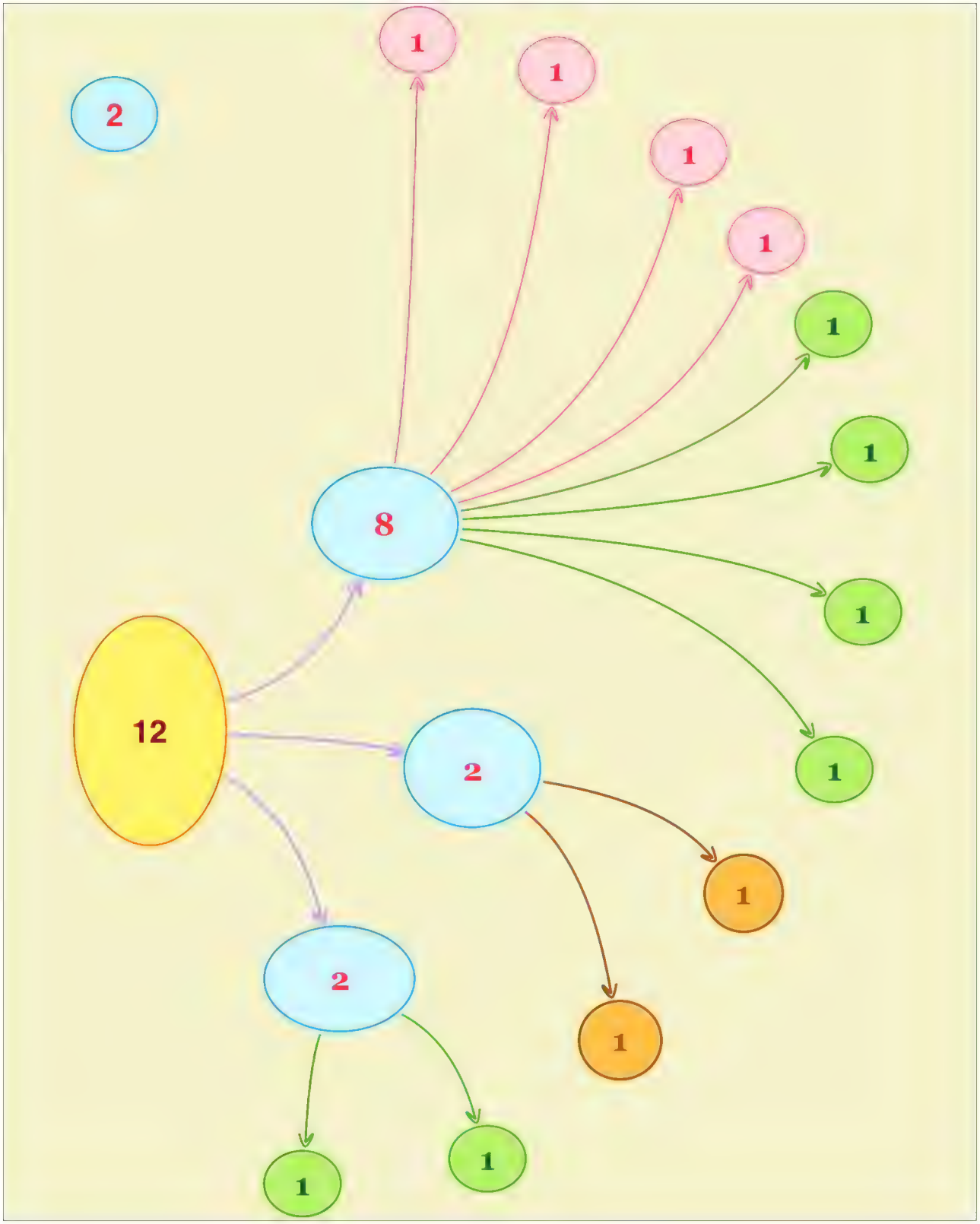
1
1
2
1
1
1
1
8
1
1
12
1
2
1
2
1
1
1

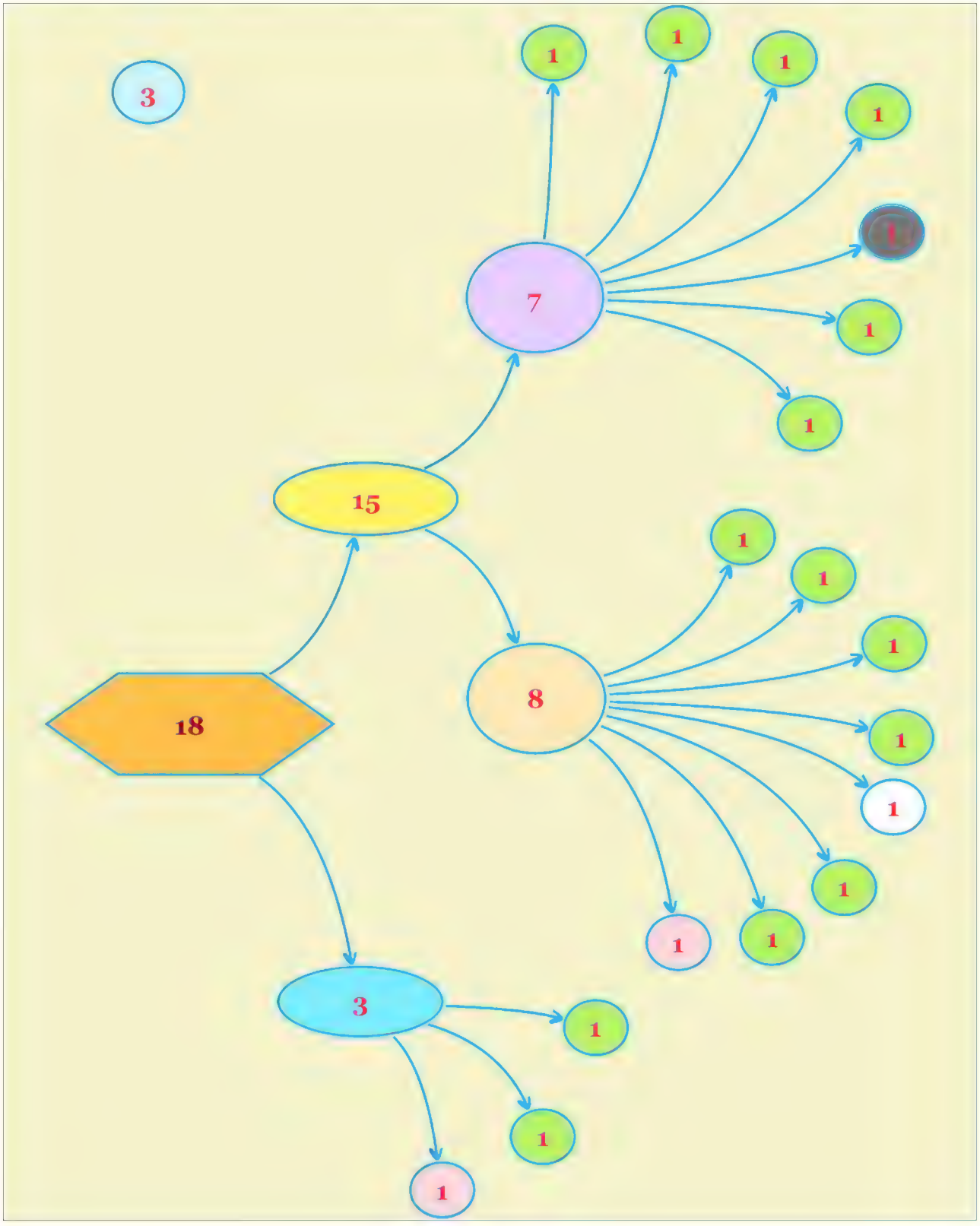
3
1
1
1
1
1
7
1
1
1
15
1
1
1
8
1
1
1
18
1
1
1
3
1
1
1

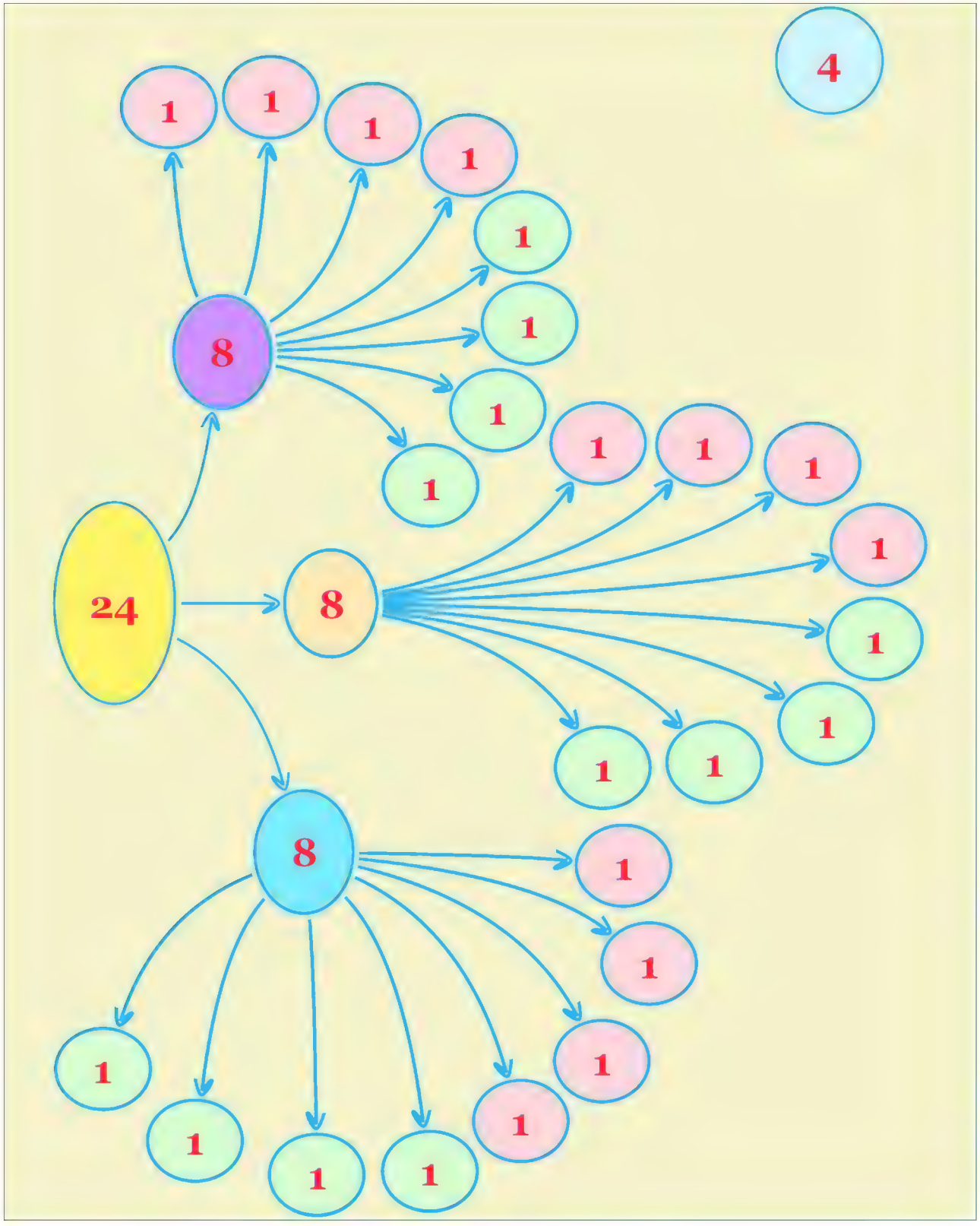
4
1
1
1
1
1
1
8
1
1
1
1
1
1
1
24
8
1
1
1
1
1
1
1
1
8
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1

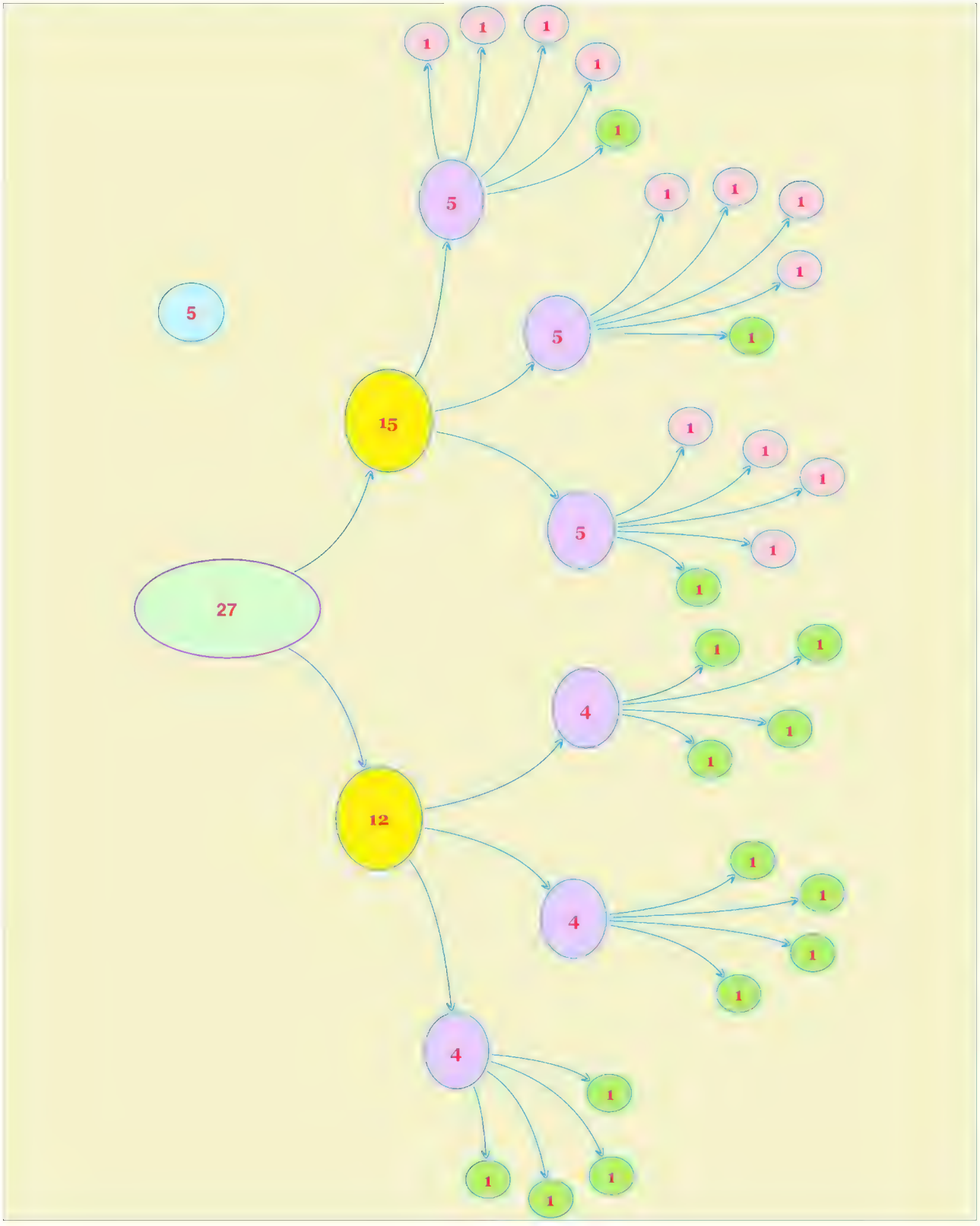
27
5
15
5
5
5
12
4
4
4
1

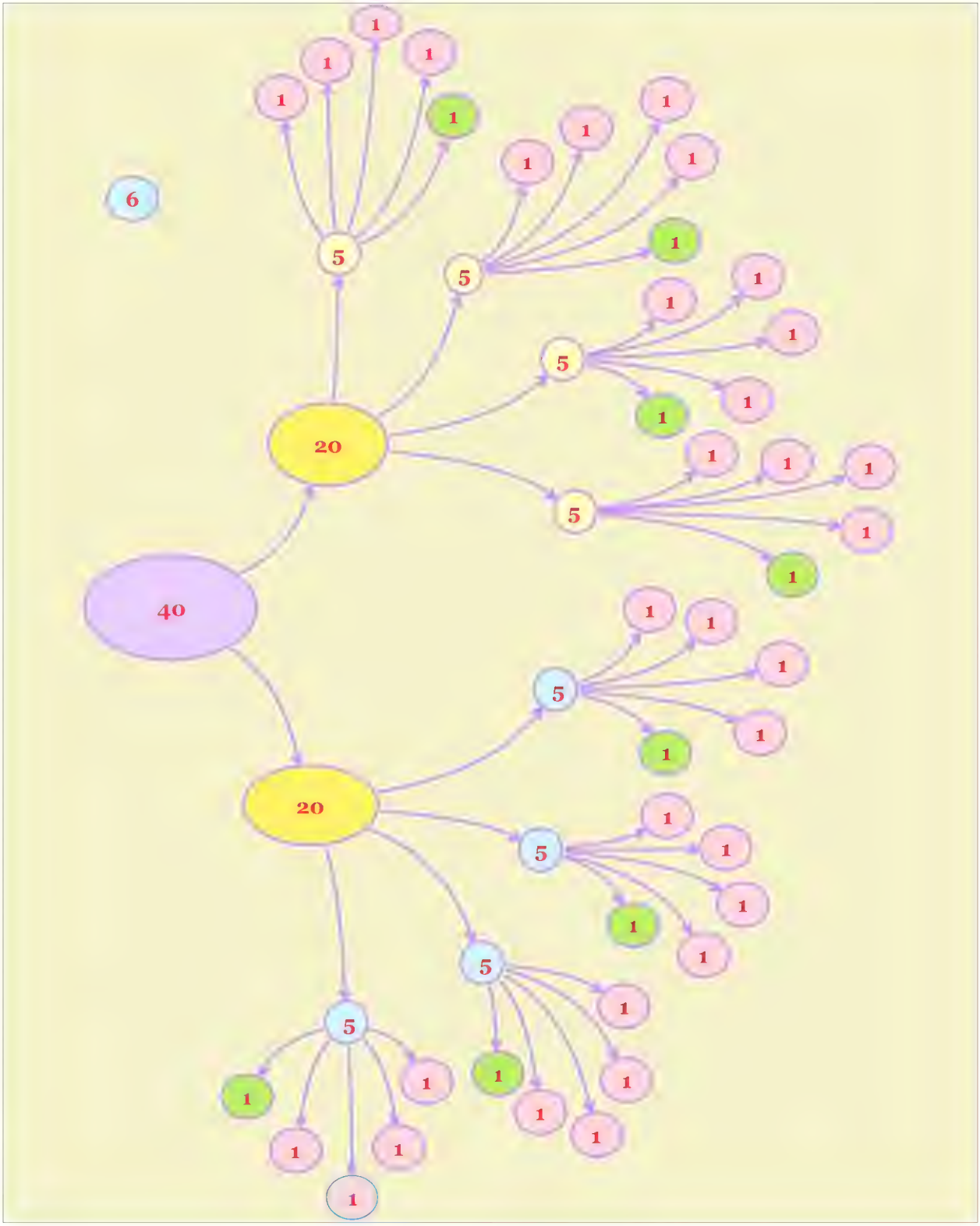
6
40
20
5
1
20
5
1

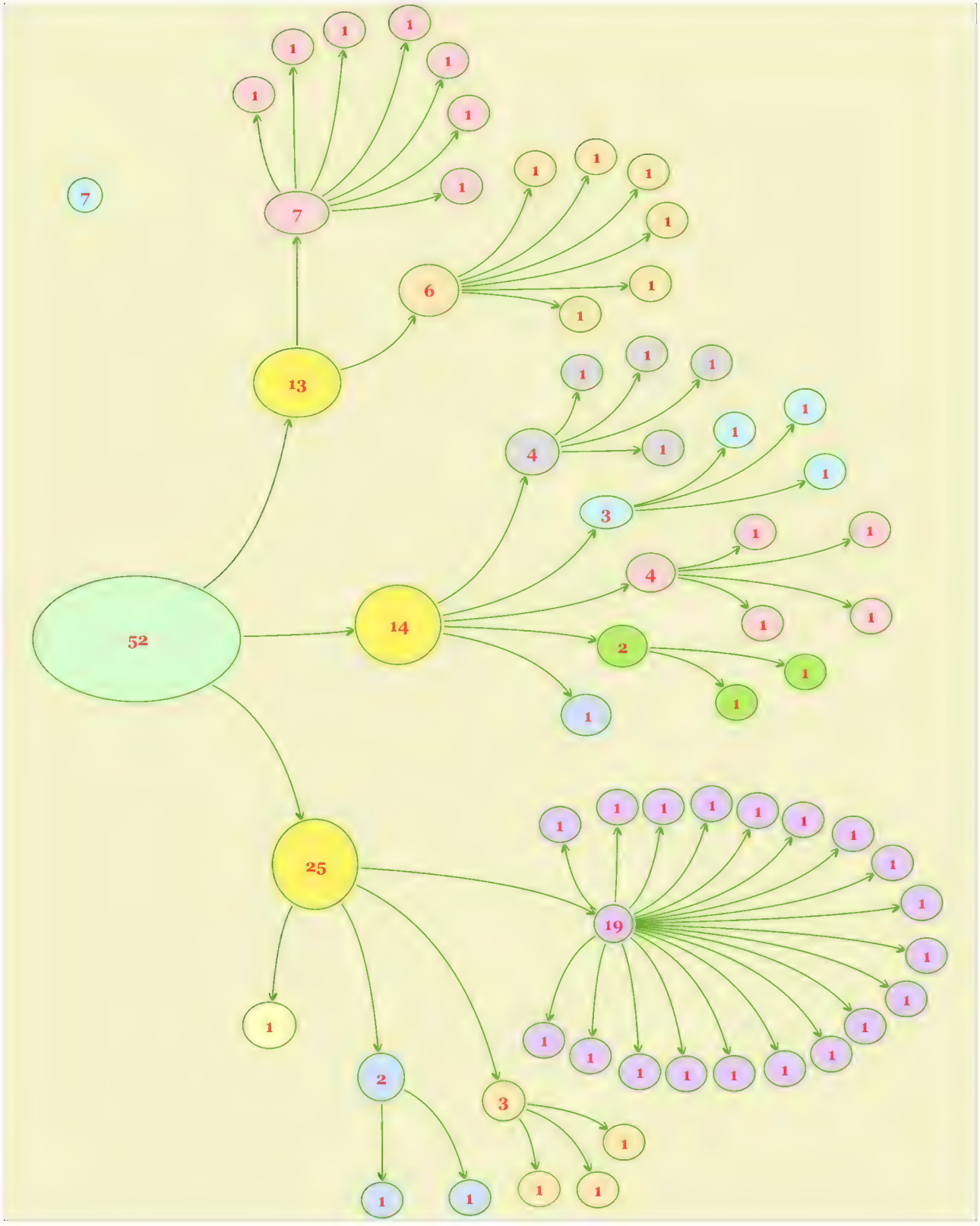
7
52
13
7
6
14
4
3
4
2
25
19
2
3

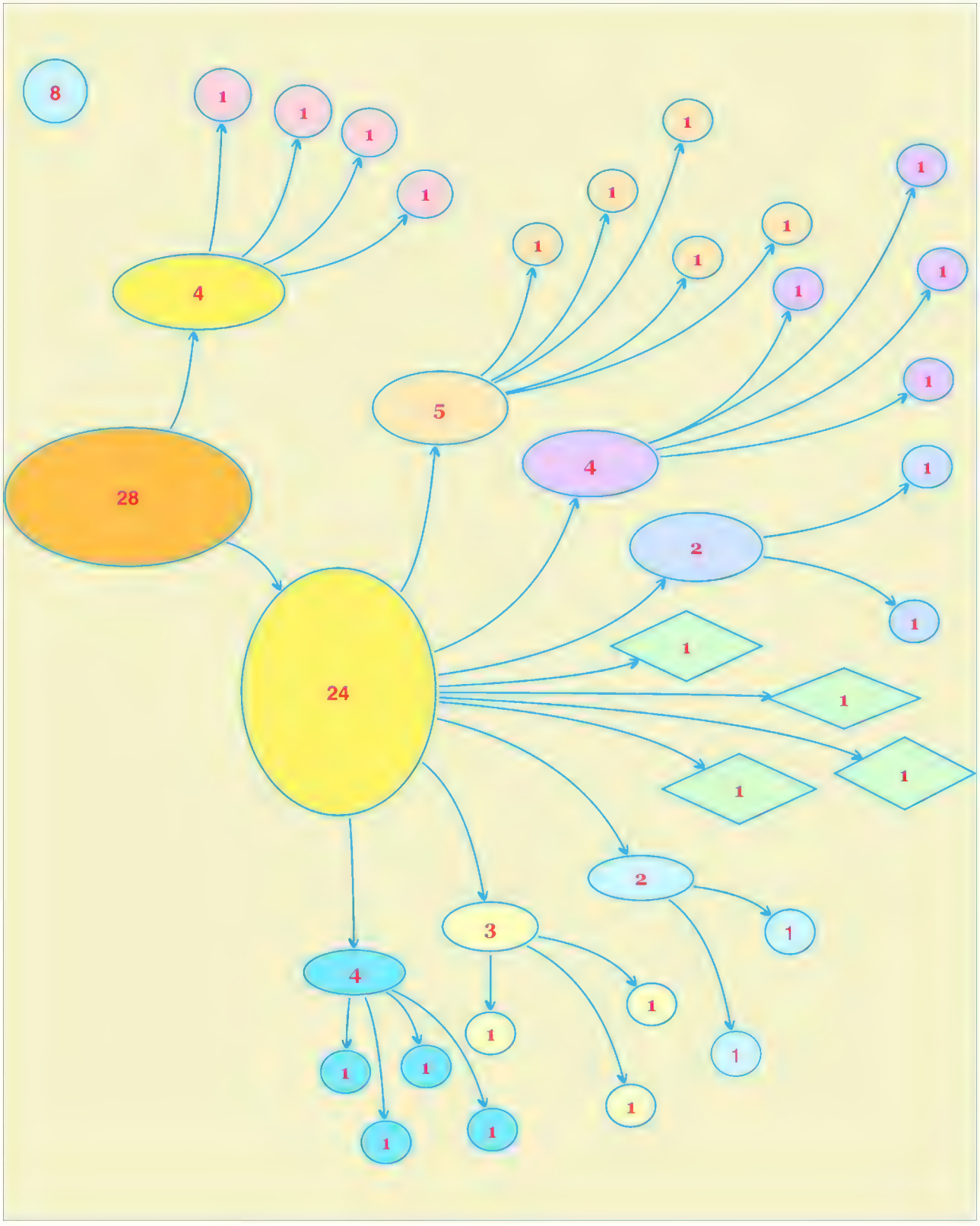
8
1
1
1
1
4
1
1
1
1
1
1
1
1
5
4
1
28
2
1
24
1
1
1
1
2
1
3
4
1
1
1
1
1
1
1
1

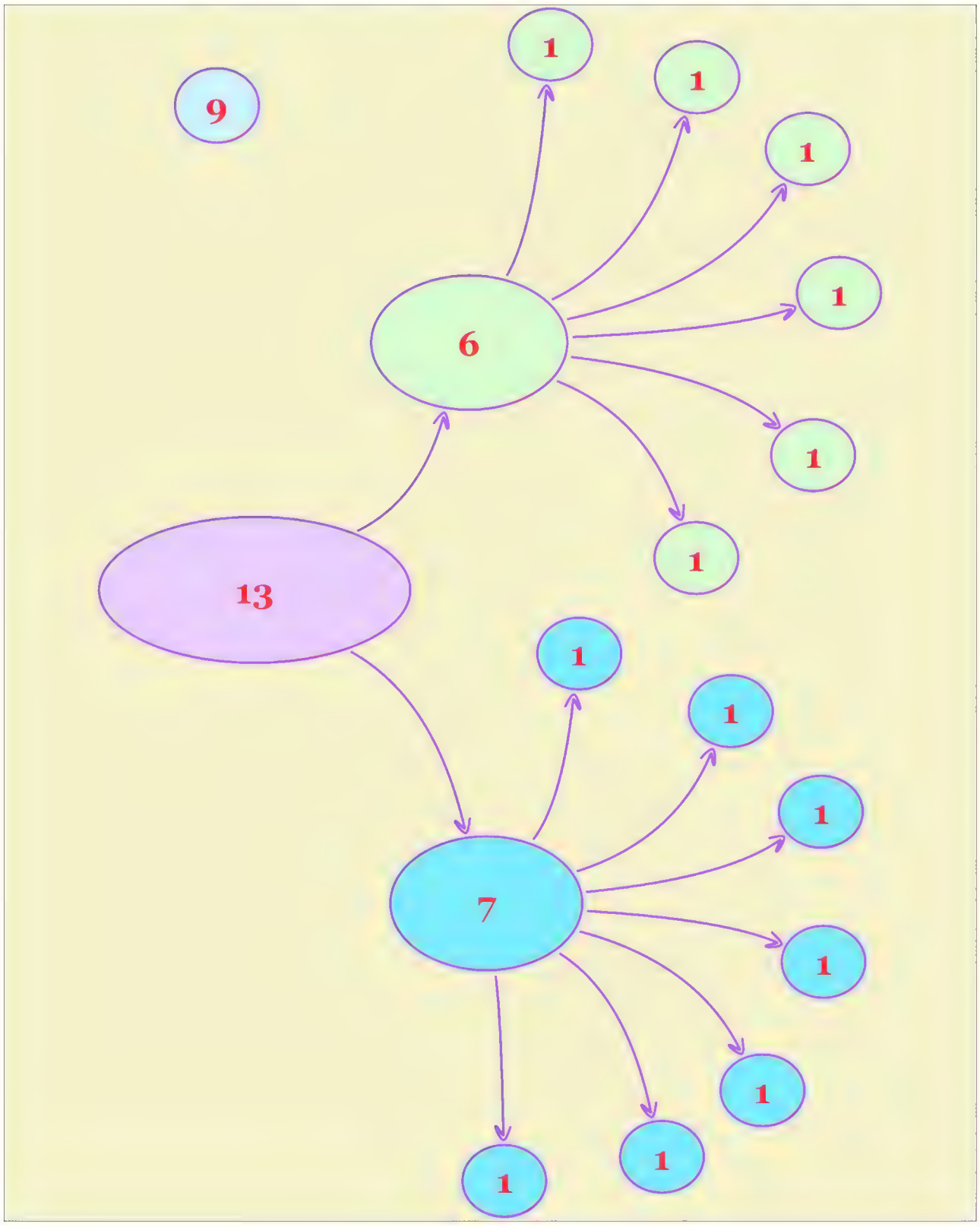
9
1
1
1
1
1
6
1
13
1
1
1
1
7
1
1
1
1
1

CHƯƠNG IV

SƠ ĐỒ
CHIA PHÁP TRỐNG

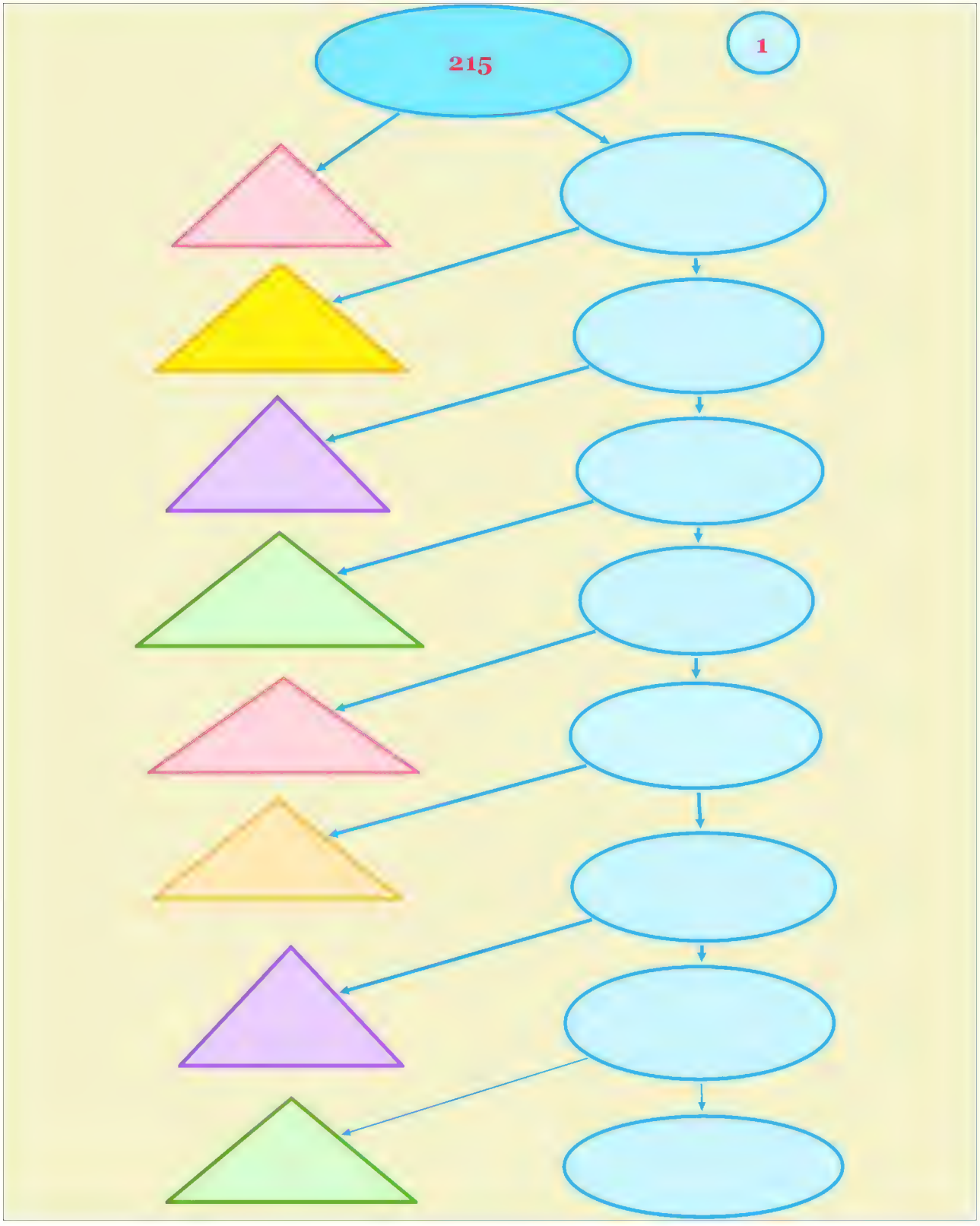
215
1

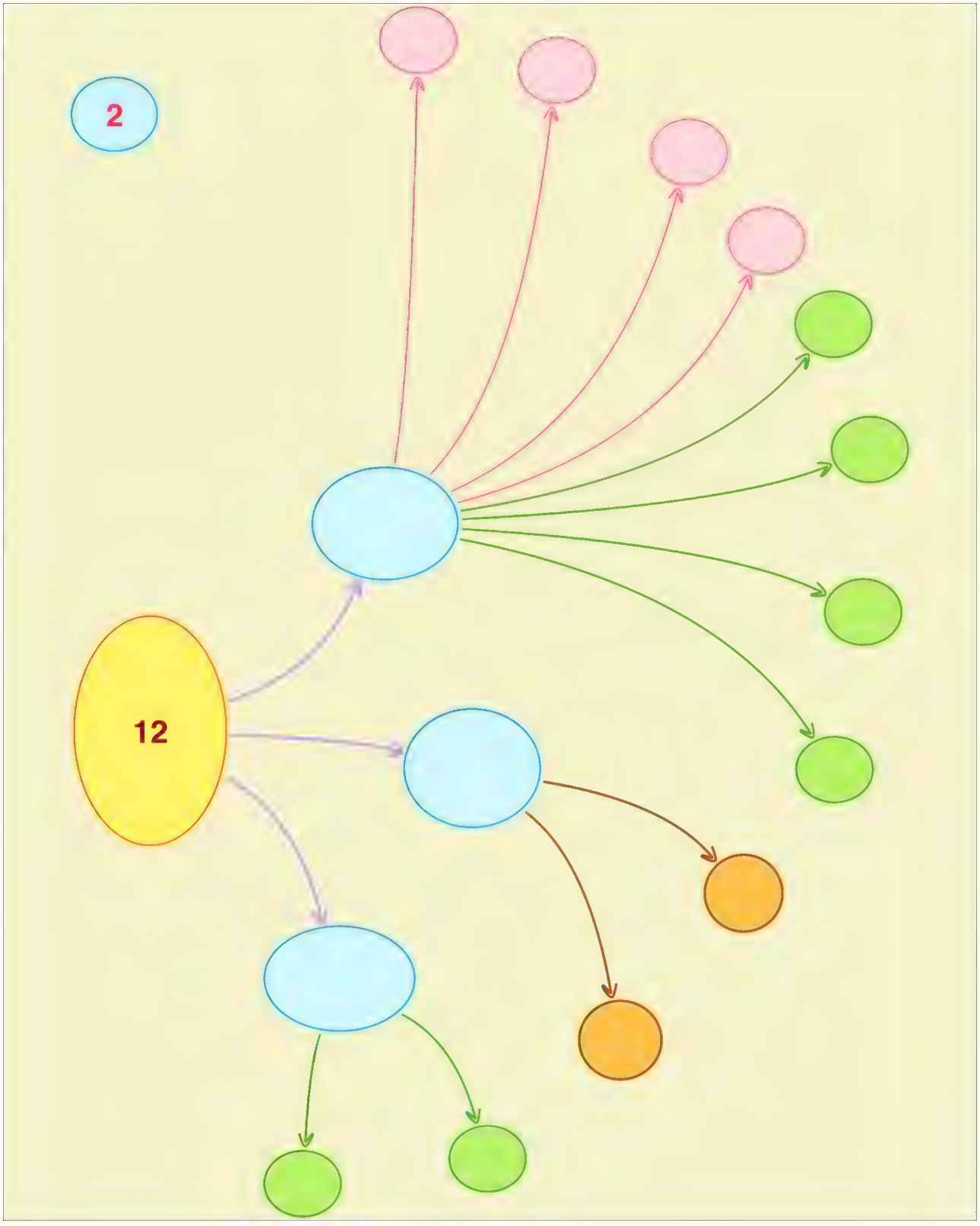
2
12

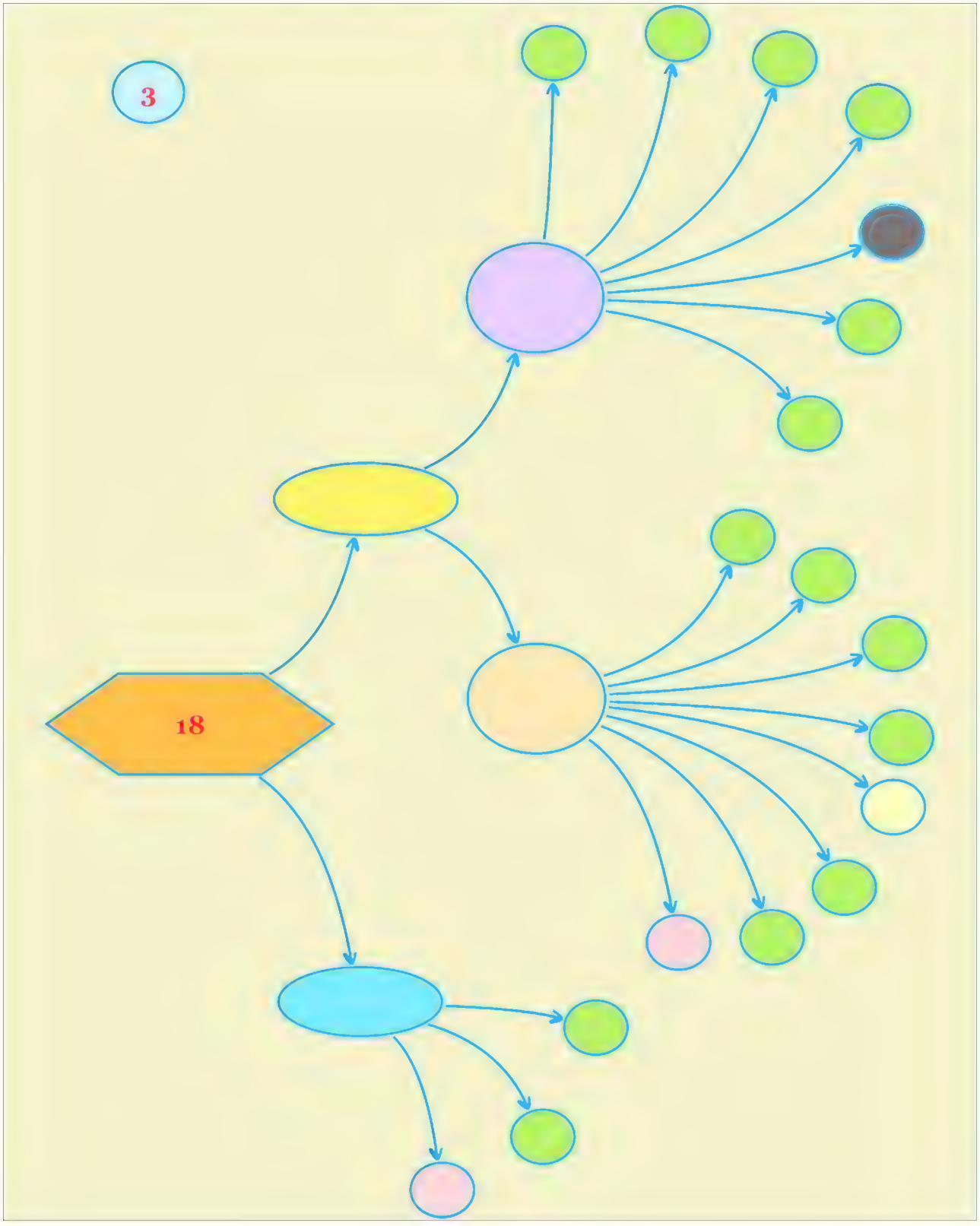
3
18

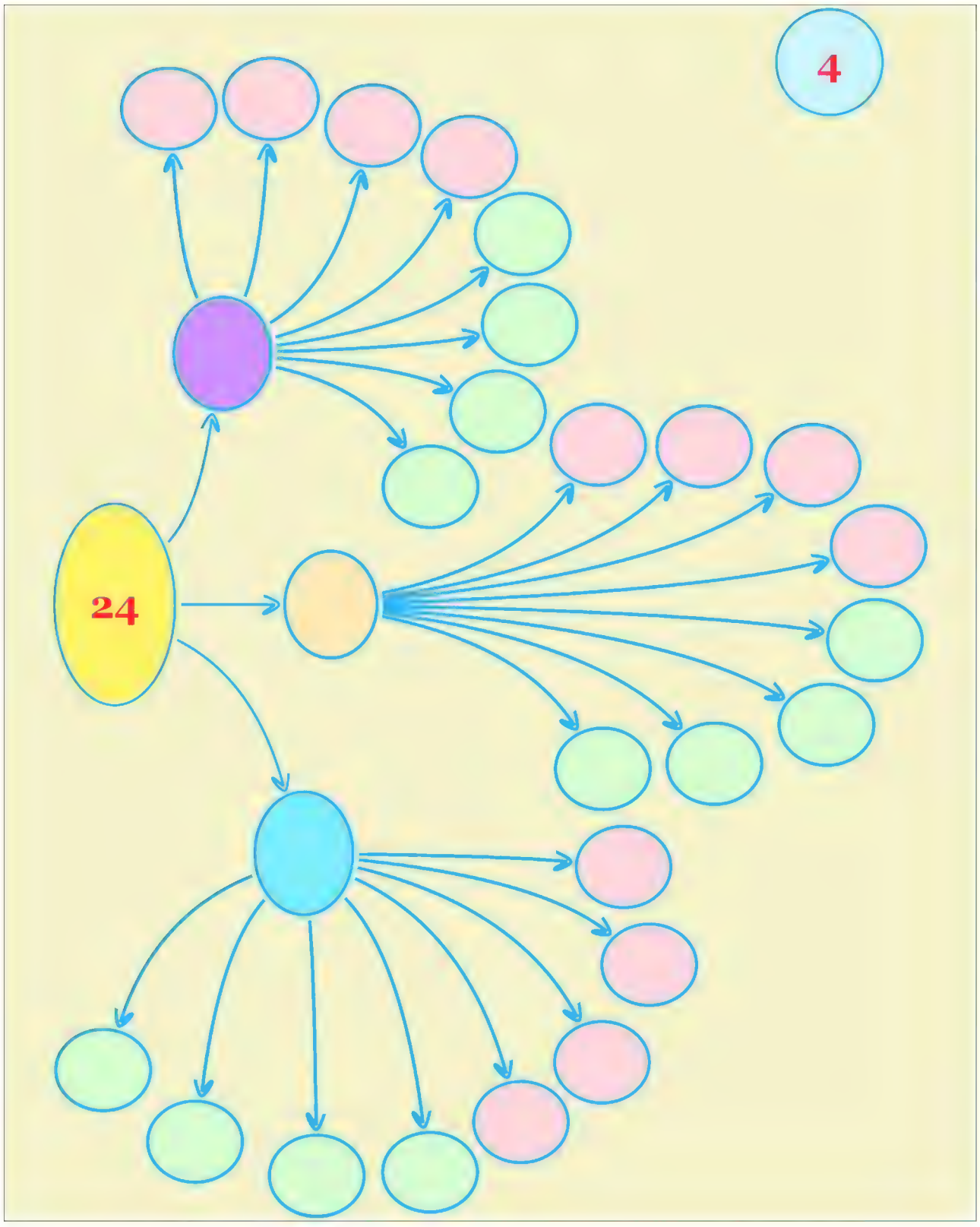
4
24

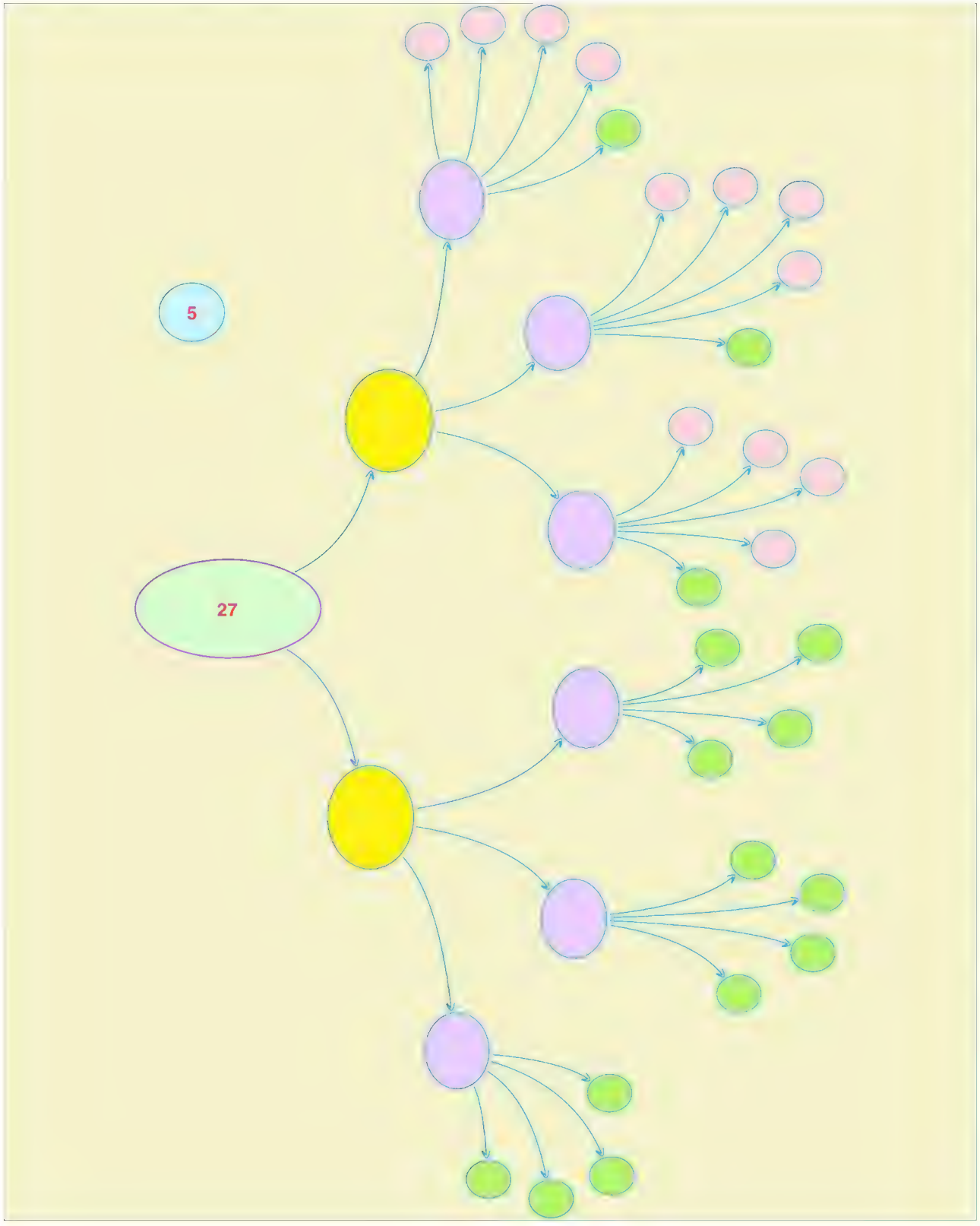
5
27

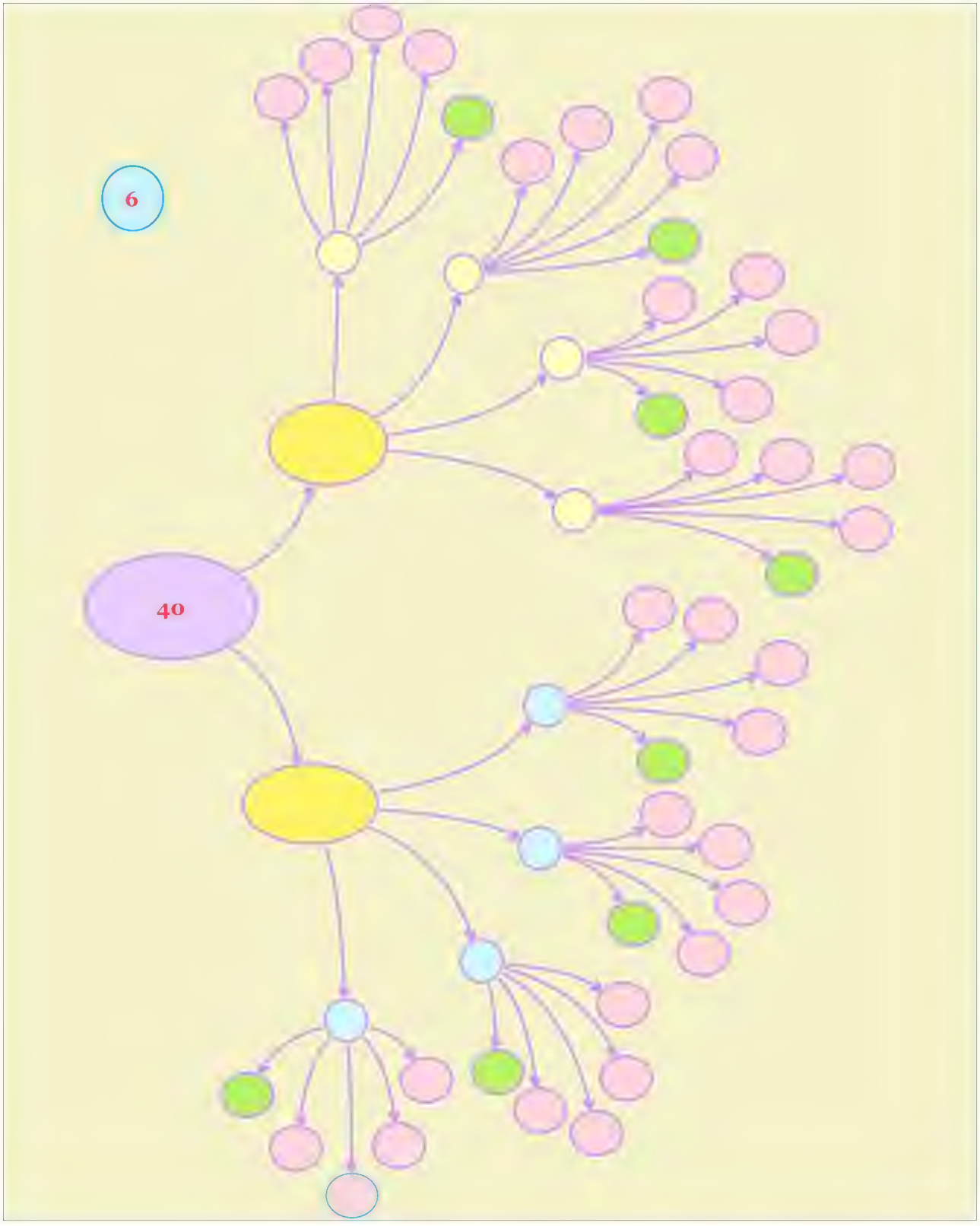
6
40

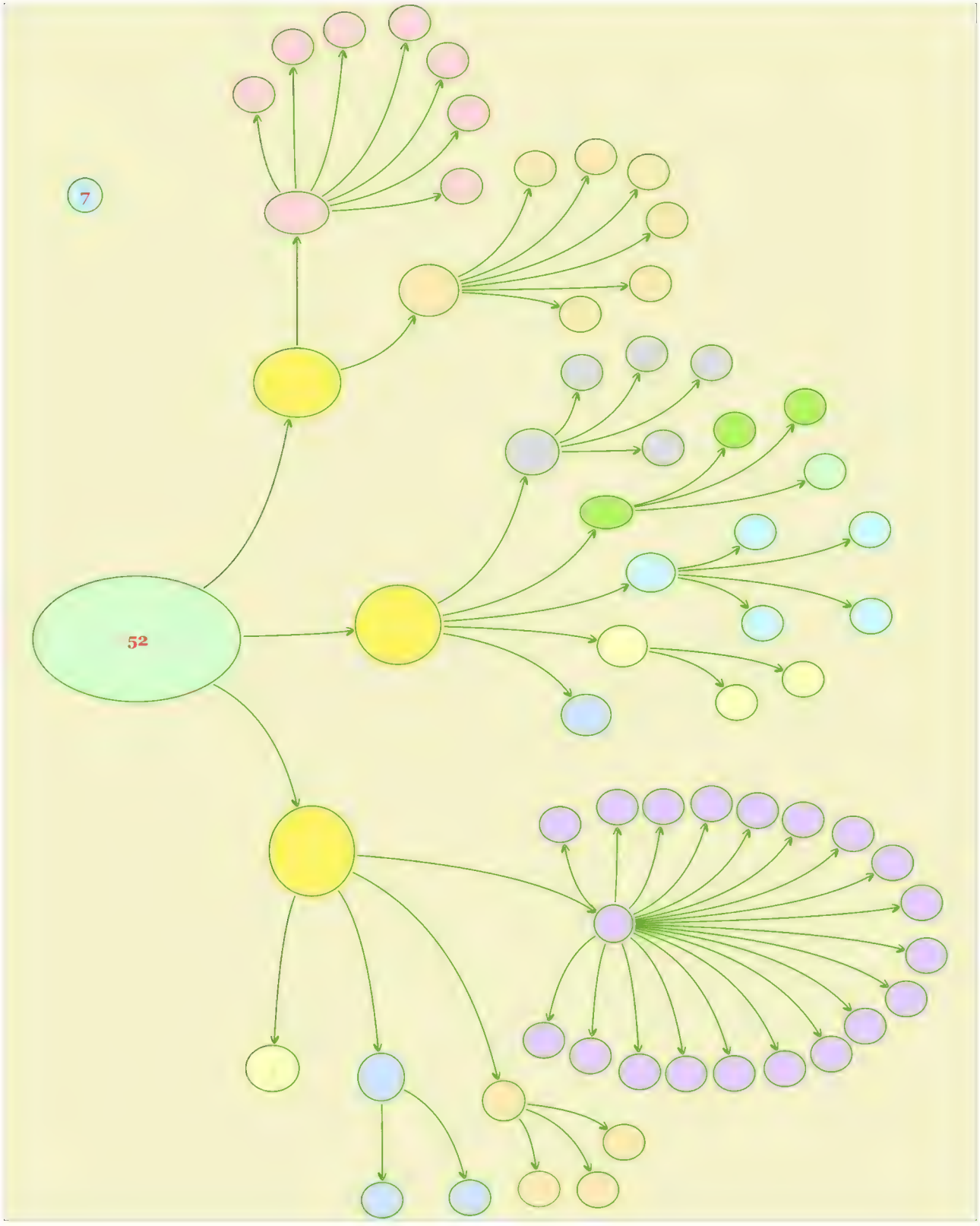
7
52

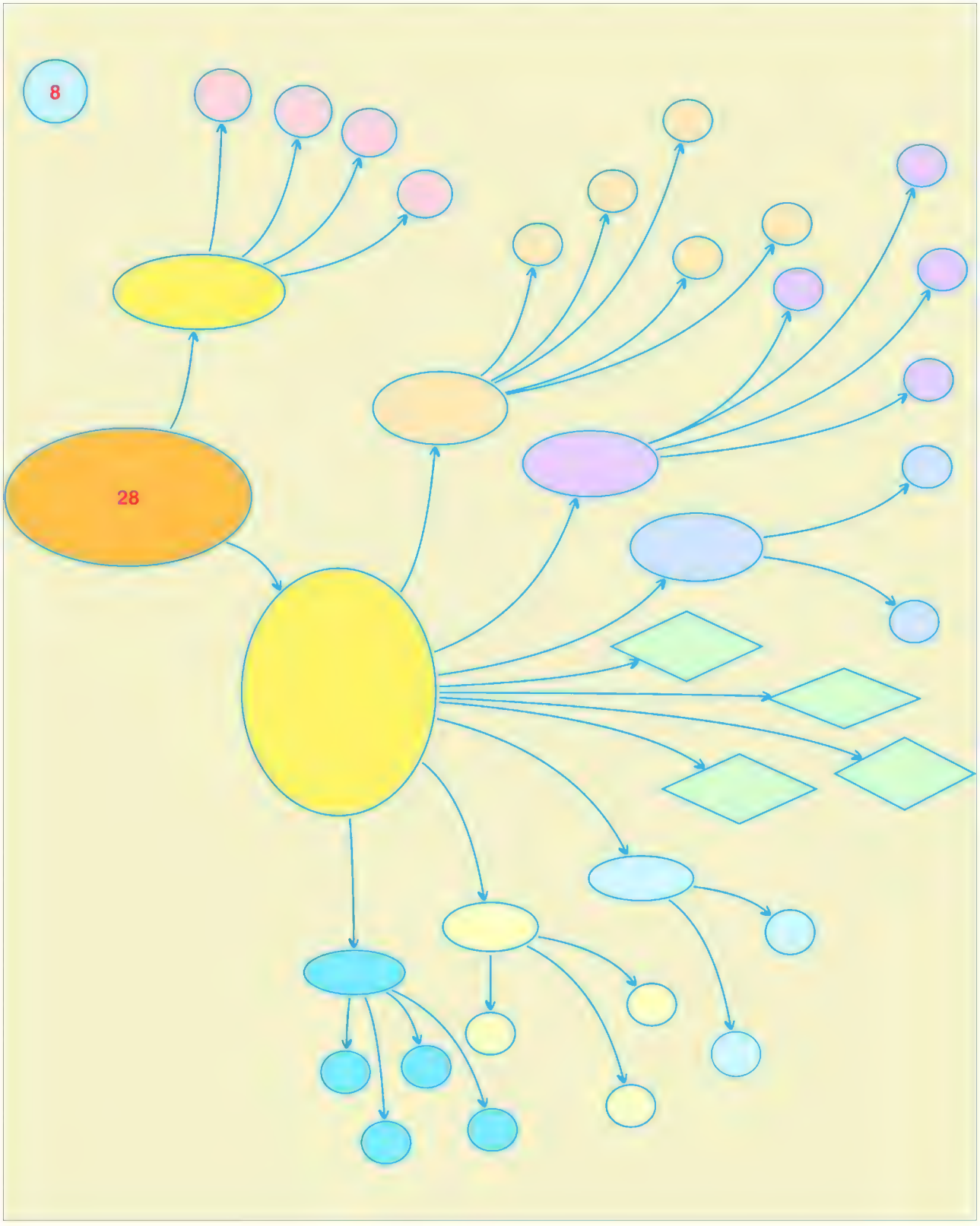
8
28

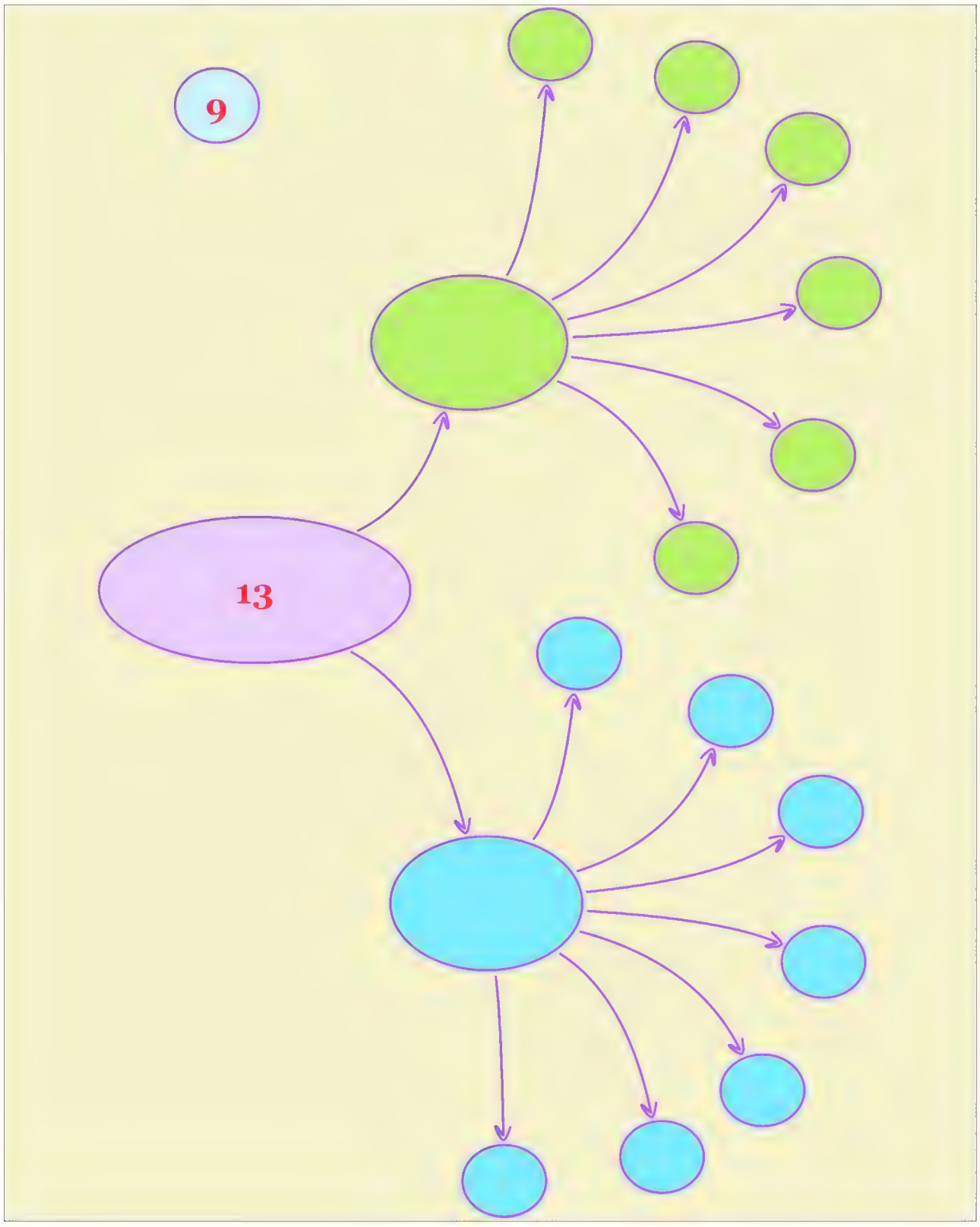
9
13

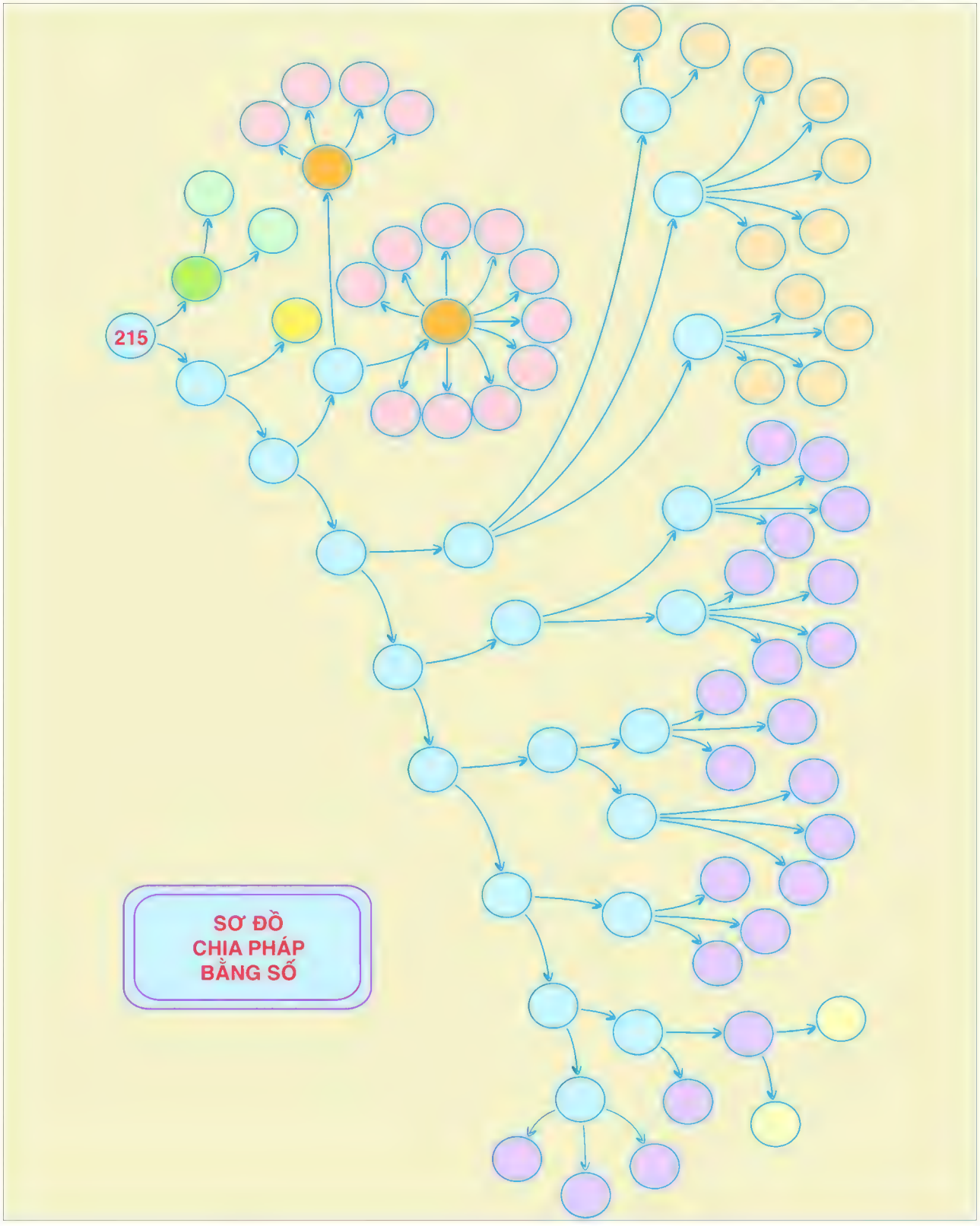
215
SƠ ĐỒ
CHIA PHÁP
BẰNG SỐ

CHƯƠNG V
(BÀI 4)

PHẦN GỒM PHÁP ABHIDHAMMA

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ.
   Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
   Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
   Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
   Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
   Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ
   Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
   Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ
   Gồm lại gọi là 8 tâm tham

2. Tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ.
   Tâm sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ
   Gồm lại gọi là 2 tâm sân

3. Tâm si thọ xả hợp hoài nghi.
   Tâm si thọ xả hợp phóng dật
   Gồm lại gọi là 2 tâm si
4. 8 Tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si
   Gồm lại gọi là 12 tâm bất thiện

5. Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
   Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
   Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân

Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 7 tâm quả bất thiện vô nhân.

6. Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân.
Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 8 tâm quả thiện vô nhân.

7. 7 Tâm quả bất thiện vô nhân
8 Tâm quả thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 15 tâm quả vô nhân.

8. Tâm khán ngũ môn thọ xả
Tâm khán ý môn thọ xả
Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ
Gồm lại gọi là 3 tâm duy tác vô nhân.

9. 15 Tâm quả vô nhân
3 Tâm duy tác vô nhân
Gồm lại gọi là 18 tâm vô nhân.

10. 12 Tâm bất thiện
    18 Tâm vô nhân
    Gồm lại gọi là 30 tâm dục giới vô tịnh hảo.

11. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ
    Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ
    Gồm lại gọi là 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo

12. Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ
    Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ
    Gồm lại gọi là 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.

13. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ
Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ
Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ
Gồm lại gọi là 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo.

14. 8 Tâm thiện dục giới tịnh hảo
8 Tâm quả dục giới tịnh hảo
8 Tâm duy tác dục giới tịnh hảo
Gồm lại gọi là 24 tâm dục giới tịnh hảo.

15. 30 Tâm dục giới vô tịnh hảo
24 Tâm dục giới tịnh hảo
Gồm lại gọi là 54 tâm dục giới.

16. Tâm thiện sơ thiền sắc giới.
Tâm thiện nhị thiền sắc giới.
Tâm thiện tam thiền sắc giới.
Tâm thiện tứ thiền sắc giới.
Tâm thiện ngũ thiền sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm thiện sắc giới.

17. Tâm quả sơ thiền sắc giới.
Tâm quả nhị thiền sắc giới.

Tâm quả tam thiền sắc giới.
Tâm quả tứ thiền sắc giới.
Tâm quả ngũ thiền sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm quả sắc giới.

18. Tâm duy tác sơ thiền sắc giới.
Tâm duy tác nhị thiền sắc giới.
Tâm duy tác tam thiền sắc giới.
Tâm duy tác tứ thiền sắc giới.
Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm duy tác sắc giới.

19. 5 Tâm thiện sắc giới.
5 Tâm quả sắc giới.
5 Tâm duy tác sắc giới.
Gồm lại gọi là 15 tâm sắc giới.

20. Tâm thiện không vô biên xứ
Tâm thiện thức vô biên xứ
Tâm thiện vô sở hữu xứ
Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm thiện vô sắc giới.

21. Tâm quả không vô biên xứ
Tâm quả thức vô biên xứ
Tâm quả vô sở hữu xứ

Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm quả vô sắc giới.

22. Tâm duy tác không vô biên xứ
Tâm duy tác thức vô biên xứ
Tâm duy tác vô sở hữu xứ
Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm duy tác vô sắc giới.

23. 4 Tâm thiện vô sắc giới.
4 Tâm quả vô sắc giới.
4 Tâm duy tác vô sắc giới.
Gồm lại gọi là 12 tâm vô sắc giới.

24. 15 Tâm sắc giới.
12 Tâm vô sắc giới.
Gồm lại gọi là 27 tâm đáo đại.

25. 54 Tâm dục giới.
27 Tâm đáo đại.
Gồm lại gọi là 81 tâm hiệp thế.

26. Tâm sơ đạo sơ thiền.
Tâm sơ đạo nhị thiền.
Tâm sơ đạo tam thiền.
Tâm sơ đạo tứ thiền.

Tâm sơ đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm sơ đạo.

27. Tâm nhị đạo sơ thiền.
Tâm nhị đạo nhị thiền.
Tâm nhị đạo tam thiền.
Tâm nhị đạo tứ thiền.
Tâm nhị đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm nhị đạo.

28. Tâm tam đạo sơ thiền.
Tâm tam đạo nhị thiền.
Tâm tam đạo tam thiền.
Tâm tam đạo tứ thiền.
Tâm tam đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tam đạo.

29. Tâm tứ đạo sơ thiền.
Tâm tứ đạo nhị thiền.
Tâm tứ đạo tam thiền.
Tâm tứ đạo tứ thiền.
Tâm tứ đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tứ đạo.

30. 5 Tâm sơ đạo.
5 Tâm nhị đạo.

5 Tâm tam đạo.
5 Tâm tứ đạo.
Gồm lại gọi là 20 tâm đạo

31. Tâm sơ quả sơ thiền.
Tâm sơ quả nhị thiền.
Tâm sơ quả tam thiền.
Tâm sơ quả tứ thiền.
Tâm sơ quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm sơ quả

32. Tâm nhị quả sơ thiền.
Tâm nhị quả nhị thiền.
Tâm nhị quả tam thiền.
Tâm nhị quả tứ thiền.
Tâm nhị quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm nhị quả

33. Tâm tam quả sơ thiền.
Tâm tam quả nhị thiền.
Tâm tam quả tam thiền.
Tâm tam quả tứ thiền.
Tâm tam quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tam quả

34. Tâm tứ quả sơ thiền.
Tâm tứ quả nhị thiền.
Tâm tứ quả tam thiền.
Tâm tứ quả tứ thiền.
Tâm tứ quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tứ quả

35. 5 Tâm sơ quả.
5 Tâm nhị quả.
5 Tâm tam quả.
5 Tâm tứ quả.
Gồm lại gọi là 20 tâm quả siêu thế.

36. 20 Tâm đạo.
20 Tâm quả siêu thế
Gồm lại gọi là 40 tâm siêu thế.

37. 81 Tâm hiệp thế.
40 Tâm siêu thế
Gồm lại gọi là 121 tâm.

38. Xúc
Thọ
Tưởng
Tư
Nhất hành

Mạng quyền
Tác ý
Gồm lại gọi là 7 sở hữu biến hành.

39. Tầm
Tứ
Thắng giải
Cần
Hỷ
Dục
Gồm lại gọi là 6 sở hữu biệt cảnh.

40. 7 Sở hữu biến hành
6 Sở hữu biệt cảnh
Gồm lại gọi là 13 sở hữu tợ tha.

41. Si
Vô tàm
Vô úy
Phóng dật
Gồm lại gọi là 4 sở hữu bất thiện biến hành.

42. Tham
Tà kiến
Ngã mạn
Gồm lại gọi là 3 sở hữu tham phần.

43. Sân
Tật
Lận
Hối
Gồm lại gọi là 4 sở hữu sân phần.

44. Hôn trầm
Thụy miên
Gồm lại gọi là 2 sở hữu hôn phần.

45. Sở hữu hoài nghi có 1.

46. 4 Sở hữu bất thiện biến hành
3 Sở hữu tham phần
4 Sở hữu sân phần
2 Sở hữu hôn phần
1 Sở hữu hoài nghi
Gồm lại gọi là 14 sở hữu bất thiện.

47. Tín
Niệm
Tàm
Quý
Vô tham
Vô sân

Hành xả
Tịnh thân
Tịnh tâm
Khinh thân
Khinh tâm
Nhu thân
Nhu tâm
Thích thân
Thích tâm
Thuần thân
Thuần tâm
Chánh thân
Chánh tâm
Gồm lại gọi là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành.

48. Chánh ngữ
Chánh nghiệp
Chánh mạng
Gồm lại gọi là 3 sở hữu giới phần.

49. Bi
Tùy hỷ
Gồm lại gọi là 2 sở hữu vô lượng phần.

50. Sở hữu trí tuệ có 1

51. 19 Sở hữu tịnh hảo
3 Sở hữu giới phần
2 Sở hữu vô lượng phần
1 sở hữu trí tuệ
Gồm lại gọi là 25 sở hữu tịnh hảo.

52. 13 Sở hữu tợ tha
14 Sở hữu bất thiện
25 Sở hữu tịnh hảo
Gồm lại gọi là 52 sở hữu tâm.

53. 121 Tâm
52 Sở hữu tâm
Gồm lại gọi là 173 danh pháp

54. Sắc đất
Sắc nước
Sắc lửa
Sắc gió
Gồm lại gọi là 4 sắc tứ đại.

55. Sắc thần kinh nhãn
Sắc thần kinh nhĩ
Sắc thần kinh tỷ
Sắc thần kinh thiệt
Sắc thần kinh thân
Gồm lại gọi là 5 sắc thần kinh.

56. Sắc cảnh sắc
    Sắc cảnh thinh
    Sắc cảnh khí
    Sắc cảnh vị
    Gồm lại gọi là 4 sắc cảnh giới.

57. Sắc nam tính
    Sắc nữ tính
    Gồm lại gọi là 2 sắc tính.

58. Sắc ý vật có 1

59. Sắc mạng quyền có 1

60. Sắc vật thực có 1

61. Sắc hư không có 1

62. Sắc thân biểu tri
    Sắc khẩu biểu tri
    Gồm lại gọi là 2 sắc biểu tri.

63. Sắc khinh
    Sắc nhu
    Sắc thích nghiệp
    Gồm lại gọi là 3 sắc đặc biệt.

64. Sắc sinh
    Sắc tiến
    Sắc dị
    Sắc diệt
    Gồm lại gọi là 4 sắc tứ tướng.

65. 5 Sắc thần kinh
    4 Sắc cảnh giới
    2 Sắc tính
    1 Sắc ý vật
    1 Sắc mạng quyền
    1 Sắc vật thực
    1 Sắc hư không
    2 Sắc biểu tri
    3 Sắc đặc biệt
    4 Sắc tứ tướng
    Gồm lại gọi là 24 sắc y đại sinh.

66. 4 Sắc tứ đại
    24 Sắc y đại sinh
    Gồm lại gọi là 28 sắc pháp.

67. 173 Danh pháp
    28 Sắc pháp
    Gồm lại gọi là 201 chơn đế hữu vi.

68. 1 Chơn đế vô vi

201 chơn đế hữu vi
Gồm lại gọi là 202 pháp chơn đế.

69. Danh chơn chế định
Phi danh chơn chế định
Danh chơn phi danh chơn chế định
Phi danh chơn danh chơn chế định
Danh chơn danh chơn chế định
Phi danh chơn phi danh chơn chế định
Gồm lại gọi là 6 danh chế định.

70. Hình thức chế định.
Hiệp thành chế định
Chúng sanh chế định
Phương hướng chế định
Thời gian chế định
Hư không chế định
Hình tướng chế định
Gồm lại gọi là 7 nghĩa chế định.

71. 6 Danh chế định
7 Nghĩa chế định
Gồm lại gọi là 13 pháp tục đế.

72. 202 pháp chơn đế
13 pháp tục đế
Gồm lại gọi là 215 pháp.

Thiền viện Phước Sơn - Chùa Đồi Lá Giang
Ngày 01/03/2020
Hòa Thượng Bửu Chánh biên soạn.

CHƯƠNG VI
(BÀI 5)

SƠ ĐỒ GỒM PHÁP BẰNG CHỮ

Tâm tham
thọ hỷ
hợp tà
vô trợ
hữu trợ
ly tà
vô trợ
hữu trợ
thọ xả
hợp tà
vô trợ
hữu trợ
ly tà
vô trợ
hữu trợ
Gồm lại gọi là 8 TÂM THAM
1
Tâm sân thọ ưu hợp phẩn
vô trợ
hữu trợ
Gồm lại gọi là 2 TÂM SÂN
Gồm lại gọi là 12 TÂM BẤT THIỆN
Tâm si thọ xả
hợp hoài nghi
hợp phóng dật
Gồm lại gọi là 2 TÂM SI

1.Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
2.Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
3.Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
4.Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
5.Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
6.Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
7.Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 7 TÂM QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN
Gồm lại gọi là 15 TÂM QUẢ VÔ NHÂN
1.Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân
2.Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
3.Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
4.Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
5.Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
6.Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
7.Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
8.Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
Gồm lại gọi là 8 TÂM QUẢ THIỆN VÔ NHÂN
1.Tâm khán ngũ môn thọ xả
2.Tâm khán ý môn thọ xả
3.Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ
Gồm lại gọi là 3 TÂM DUY TÁC VÔ NHÂN
12 TÂM BẤT THIỆN
Gồm lại gọi là 18 TÂM VÔ NHÂN
Gồm lại gọi là 30 TÂM DỤC GIỚI VÔ TỊNH HẢO
2

TÂM THIỆN
thọ hỷ
thọ xả
hợp trí
ly trí
hợp trí
ly trí
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
Gồm lại gọi là
8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI
TỊNH HẢO
3
TÂM QUẢ
thọ hỷ
thọ xả
hợp trí
ly trí
hợp trí
ly trí
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
Gồm lại gọi là
8 TÂM QUẢ DỤC GIỚI
TỊNH HẢO
Gồm lại gọi là
24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO
Gồm lại gọi là
54 TÂM DỤC GIỚI
30 TÂM DỤC GIỚI TỊNH VÔ HẢO
TÂM DUY TÁC
thọ hỷ
thọ xả
hợp trí
ly trí
hợp trí
ly trí
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
vô trợ
hữu trợ
Gồm lại gọi là
8 TÂM DUY TÁC DỤC
GIỚI TỊNH HẢO

1.Tâm thiện sơ thiền sắc giới
2.Tâm thiện nhị thiền sắc giới
3.Tâm thiện tam thiền sắc giới
4.Tâm thiện tứ thiền sắc giới
5.Tâm thiện ngũ thiền sắc giới
Gồm lại gọi là
5 Tâm Thiện
sắc giới
1.Tâm thiện không vô biên xứ
2.Tâm thiện thức vô biên xứ
3.Tâm thiện vô sở hữu xứ
4.Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ
Gồm lại gọi là
4 Tâm Thiện
vô sắc giới
1.Tâm quả sơ thiền sắc giới
2.Tâm quả nhị thiền sắc giới
3.Tâm quả tam thiền sắc giới
4.Tâm quả tứ thiền sắc giới
5.Tâm quả ngũ thiền sắc giới
Gồm lại gọi là
5 Tâm Quả
sắc giới
1.Tâm quả không vô biên xứ
2.Tâm quả thức vô biên xứ
3.Tâm quả vô sở hữu xứ
4.Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ
Gồm lại gọi là
4 Tâm Quả
vô sắc giới
1.Tâm duy tác sơ thiền sắc giới
2.Tâm duy tác nhị thiền sắc giới
3.Tâm duy tác tam thiền sắc giới
4.Tâm duy tác tứ thiền sắc giới
5.Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới
Gồm lại gọi là
5 Tâm Duy tác
sắc giới
1.Tâm duy tác không vô biên xứ
2.Tâm duy tác thức vô biên xứ
3.Tâm duy tác vô sở hữu xứ
4.Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ
Gồm lại gọi là
4 Tâm Duy tác
vô sắc giới
Gồm lại gọi là
15 Tâm sắc giới
Gồm lại gọi là
12 Tâm vô sắc giới
Gồm lại gọi là
27 TÂM ĐÁO ĐẠI
54 TÂM DỤC GIỚI
Gồm lại gọi là
81 TÂM HIỆP THẾ
4

Tâm sơ đạo sơ thiền
Tâm sơ đạo nhị thiền
Tâm sơ đạo tam thiền
Tâm sơ đạo tứ thiền
Tâm sơ đạo ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm sơ đạo
Tâm nhị đạo sơ thiền
Tâm nhị đạo nhị thiền
Tâm nhị đạo tam thiền
Tâm nhị đạo tứ thiền
Tâm nhị đạo ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm nhị đạo
Tâm tam đạo sơ thiền
Tâm tam đạo nhị thiền
Tâm tam đạo tam thiền
Tâm tam đạo tứ thiền
Tâm tam đạo ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm tam đạo
Tâm tứ đạo sơ thiền
Tâm tứ đạo nhị thiền
Tâm tứ đạo tam thiền
Tâm tứ đạo tứ thiền
Tâm tứ đạo ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm tứ đạo
Gồm lại gọi là
20 TÂM ĐẠO
Tâm sơ quả sơ thiền
Tâm sơ quả nhị thiền
Tâm sơ quả tam thiền
Tâm sơ quả tứ thiền
Tâm sơ quả ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm sơ quả
Tâm nhị quả sơ thiền
Tâm nhị quả nhị thiền
Tâm nhị quả tam thiền
Tâm nhị quả tứ thiền
Tâm nhị quả ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm nhị quả
Tâm tam quả sơ thiền
Tâm tam quả nhị thiền
Tâm tam quả tam thiền
Tâm tam quả tứ thiền
Tâm tam quả ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm tam quả
Tâm tứ quả sơ thiền
Tâm tứ quả nhị thiền
Tâm tứ quả tam thiền
Tâm tứ quả tứ thiền
Tâm tứ quả ngũ thiền
Gồm lại gọi là
5 Tâm tứ quả
Gồm lại gọi là
20 TÂM QUẢ SIÊU THẾ
Gồm lại gọi là
40 TÂM SIÊU
THẾ
Gồm lại gọi là
121 TÂM
81 TÂM HIỆP
THẾ
5

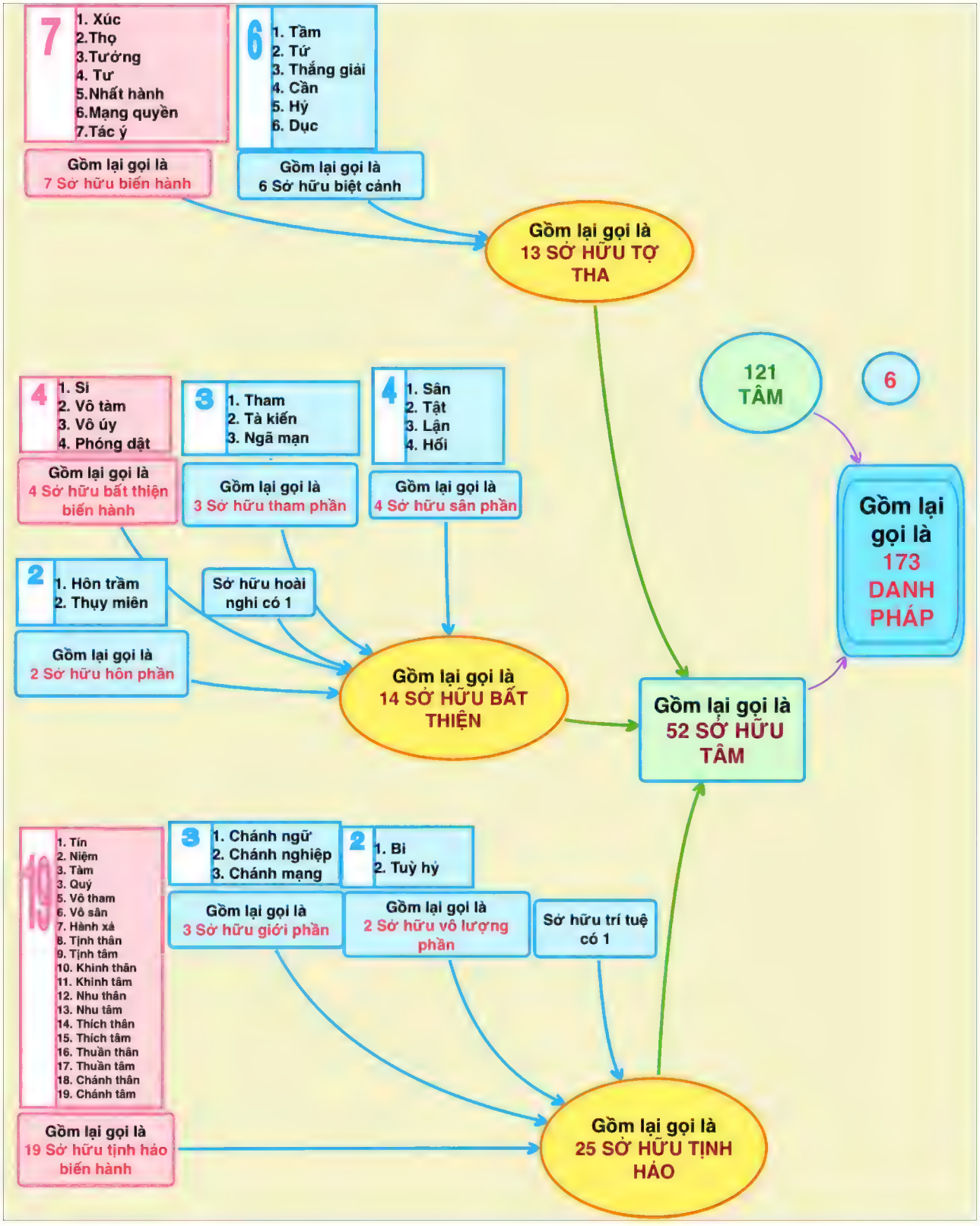
7
1. Xúc
2.Thọ
3.Tưởng
4. Tư
5.Nhất hành
6.Mạng quyền
7.Tác ý
Gồm lại gọi là
7 Sở hữu biến hành
6
1. Tầm
2. Tứ
3. Thắng giải
4. Cần
5. Hỷ
6. Dục
Gồm lại gọi là
6 Sở hữu biệt cảnh
Gồm lại gọi là
13 SỞ HỮU TỢ THA
121
TÂM
6
Gồm lại gọi là
173
DANH PHÁP
4
1. Si
2. Vô tàm
3. Vô úy
4. Phóng dật
Gồm lại gọi là
4 Sở hữu bất thiện biến hành
3
1. Tham
2. Tà kiến
3. Ngã mạn
Gồm lại gọi là
3 Sở hữu tham phần
4
1. Sân
2. Tật
3. Lận
4. Hối
Gồm lại gọi là
4 Sở hữu sân phần
2
1. Hôn trầm
2. Thụy miên
Gồm lại gọi là
2 Sở hữu hôn phần
Sở hữu hoài nghi có 1
Gồm lại gọi là
14 SỞ HỮU BẤT THIỆN
Gồm lại gọi là
52 SỞ HỮU TÂM
19
1. Tín
2. Niệm
3. Tàm
3. Quý
5. Vô tham
6. Vô sân
7. Hành xả
8. Tịnh thân
9. Tịnh tâm
10. Khinh thân
11. Khinh tâm
12. Nhu thân
13. Nhu tâm
14. Thích thân
15. Thích tâm
16. Thuần thân
17. Thuần tâm
18. Chánh thân
19. Chánh tâm
Gồm lại gọi là
19 Sở hữu tịnh hảo biến hành
3
1. Chánh ngữ
2. Chánh nghiệp
3. Chánh mạng
Gồm lại gọi là
3 Sở hữu giới phần
2
1. Bi
2. Tuệ hỷ
Gồm lại gọi là
2 Sở hữu vô lượng phần
Sở hữu trí tuệ có 1
Gồm lại gọi là
25 SỞ HỮU TỊNH HẢO

1. Xúc
2. Thọ
3. Tưởng
4. Tư
5. Nhất Hành
6. Mạng Quyền
7. Tác Ý
Gồm lại gọi là 7 SỞ HỮU BIẾN HÀNH
6a
Gồm lại gọi là 13 SỞ HỮU TỢ THA
1. Tầm
2. Tứ
3. Thắng Giải
4. Cần
5. Hỷ
6. Dục
Gồm lại gọi là 6 SỞ HỮU BIỆT CẢNH

Si
Vô tàm
Vô quý
Phóng dật
Gồm lại gọi là
4 SỞ HỮU BẤT
THIỆN BIẾN HÀNH
6b
Tham
Gồm lại gọi là
3 SỞ HỮU
THAM PHẦN
Tà kiến
Ngã mạn
Gồm lại
gọi là
14 SỞ
HỮU
BẤT
THIỆN
Gồm lại gọi là
4 SỞ HỮU
SÂN PHẦN
Sân
Tật
Lận
Hối
Gồm lại gọi là
2 SỞ HỮU HÔN
PHẦN
Hôn trầm
Thụy
miên
SỞ HỮU
HOÀI NGHI
có 1

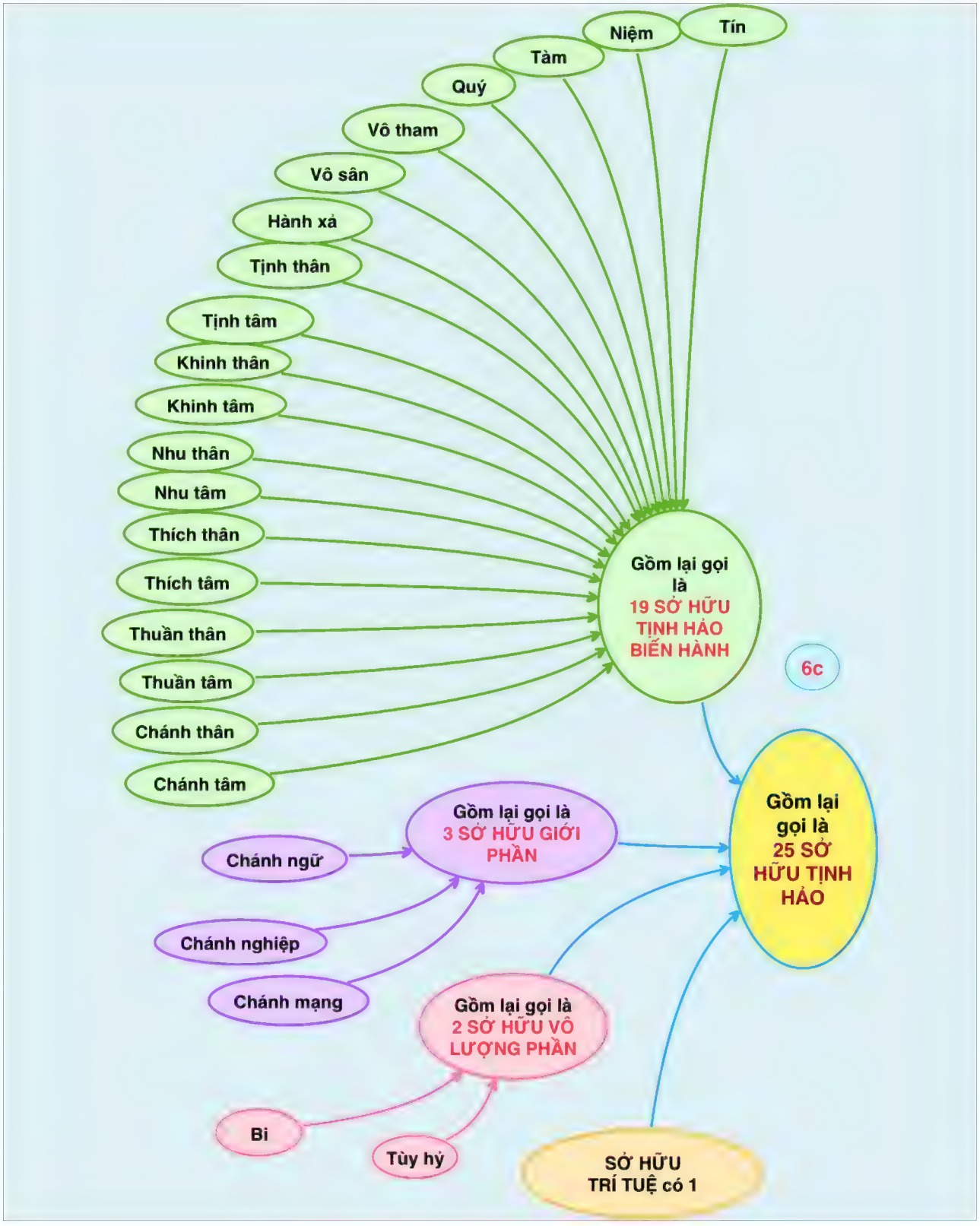
Tín
Niệm
Tàm
Quý
Vô tham
Vô sân
Hành xả
Tịnh thân
Tịnh tâm
Khinh thân
Khinh tâm
Nhu thân
Nhu tâm
Thích thân
Thích tâm
Thuần thân
Thuần tâm
Chánh thân
Chánh tâm
Gồm lại gọi là 19 SỞ HỮU TỊNH HẢO BIẾN HÀNH
6c
Gồm lại gọi là 25 SỞ HỮU TỊNH HẢO
Gồm lại gọi là 3 SỞ HỮU GIỚI PHẦN
Chánh ngữ
Chánh nghiệp
Chánh mạng
Gồm lại gọi là 2 SỞ HỮU VÔ LƯỢNG PHẦN
Bi
Tùy hỷ
SỞ HỮU TRÍ TUỆ có 1

13 SỞ HỮU TỢ THA
14 SỞ HỮU BẤT THIỆN
25 SỞ HỮU TỊNH HẢO
Gồm lại gọi là 52 SỞ HỮU TÂM
121 TÂM
6d
Gồm lại gọi là 173 DANH PHÁP

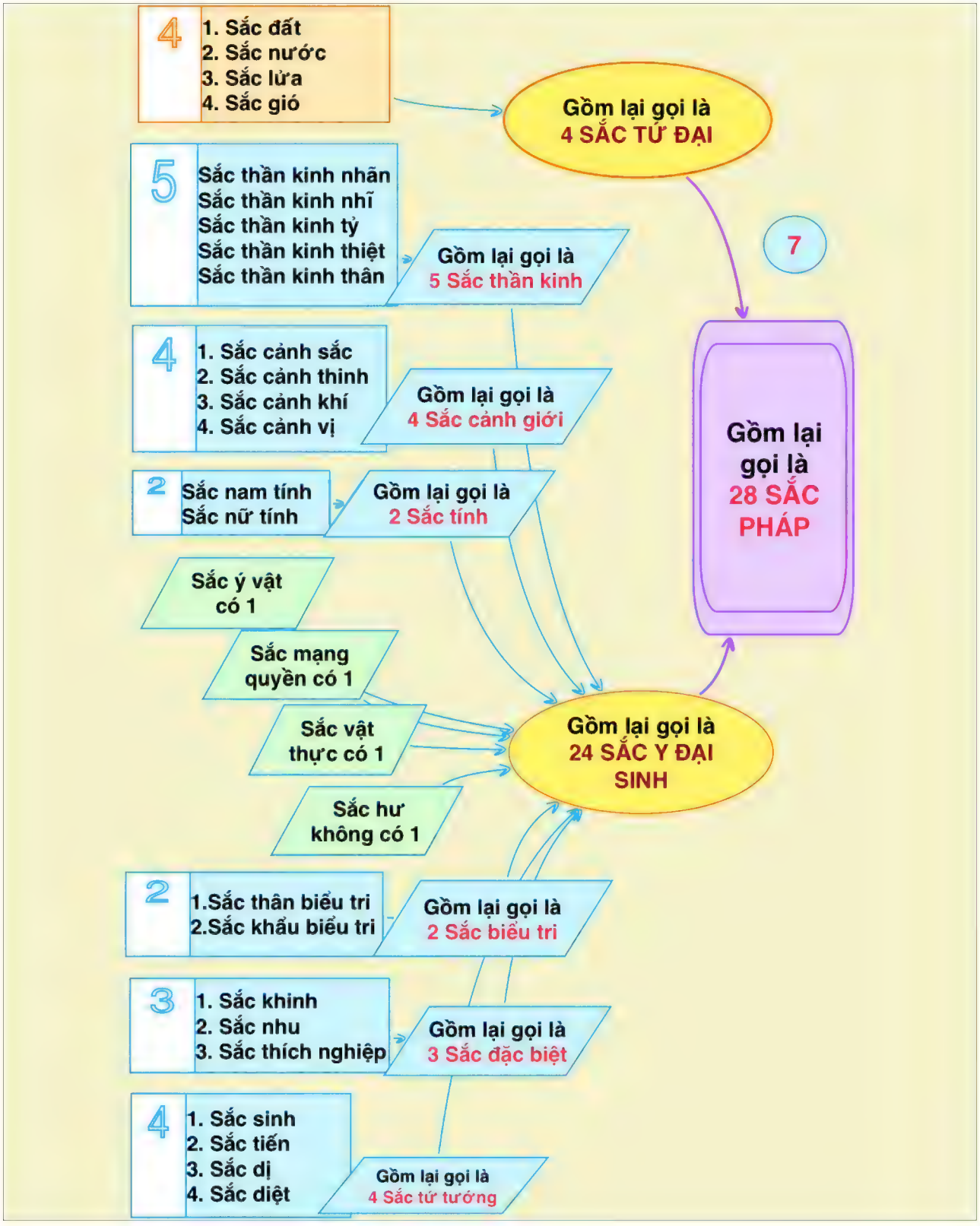
4
1. Sắc đất
2. Sắc nước
3. Sắc lửa
4. Sắc gió
Gồm lại gọi là
4 SẮC TỨ ĐẠI
5
Sắc thần kinh nhãn
Sắc thần kinh nhĩ
Sắc thần kinh tỷ
Sắc thần kinh thiệt
Sắc thần kinh thân
Gồm lại gọi là
5 Sắc thần kinh
7
4
1. Sắc cảnh sắc
2. Sắc cảnh thinh
3. Sắc cảnh khí
4. Sắc cảnh vị
Gồm lại gọi là
4 Sắc cảnh giới
Gồm lại
gọi là
28 SẮC
PHÁP
2
Sắc nam tính
Sắc nữ tính
Gồm lại gọi là
2 Sắc tính
Sắc ý vật
có 1
Sắc mạng
quyền có 1
Sắc vật
thực có 1
Sắc hư
không có 1
Gồm lại gọi là
24 SẮC Y ĐẠI
SINH
2
1.Sắc thân biểu tri
2.Sắc khẩu biểu tri
Gồm lại gọi là
2 Sắc biểu tri
3
1. Sắc khinh
2. Sắc nhu
3. Sắc thích nghiệp
Gồm lại gọi là
3 Sắc đặc biệt
4
1. Sắc sinh
2. Sắc tiến
3. Sắc dị
4. Sắc diệt
Gồm lại gọi là
4 Sắc tứ tướng

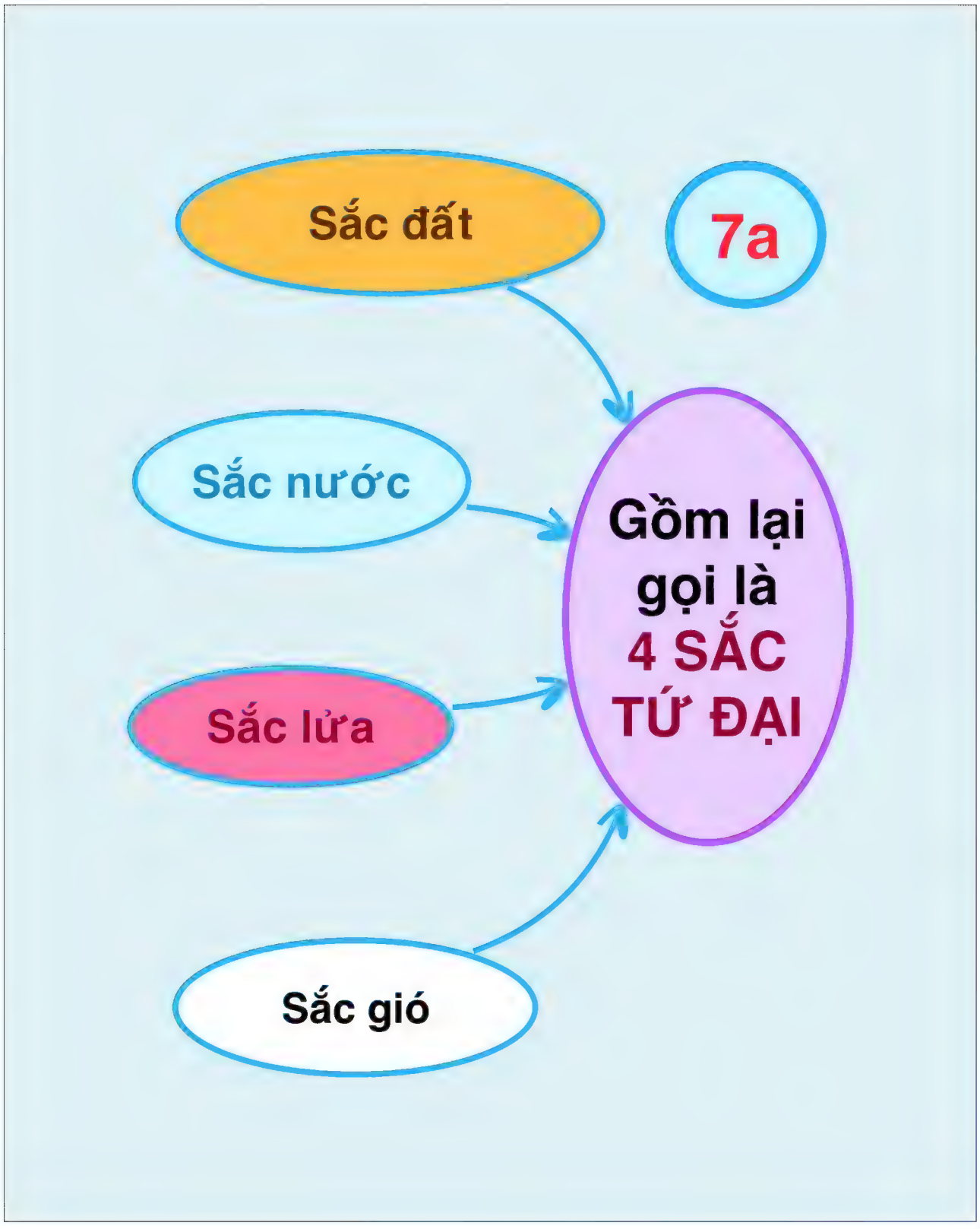
Sắc đất
7a
Sắc nước
Gồm lại gọi là 4 SẮC TỨ ĐẠI
Sắc lửa
Sắc gió

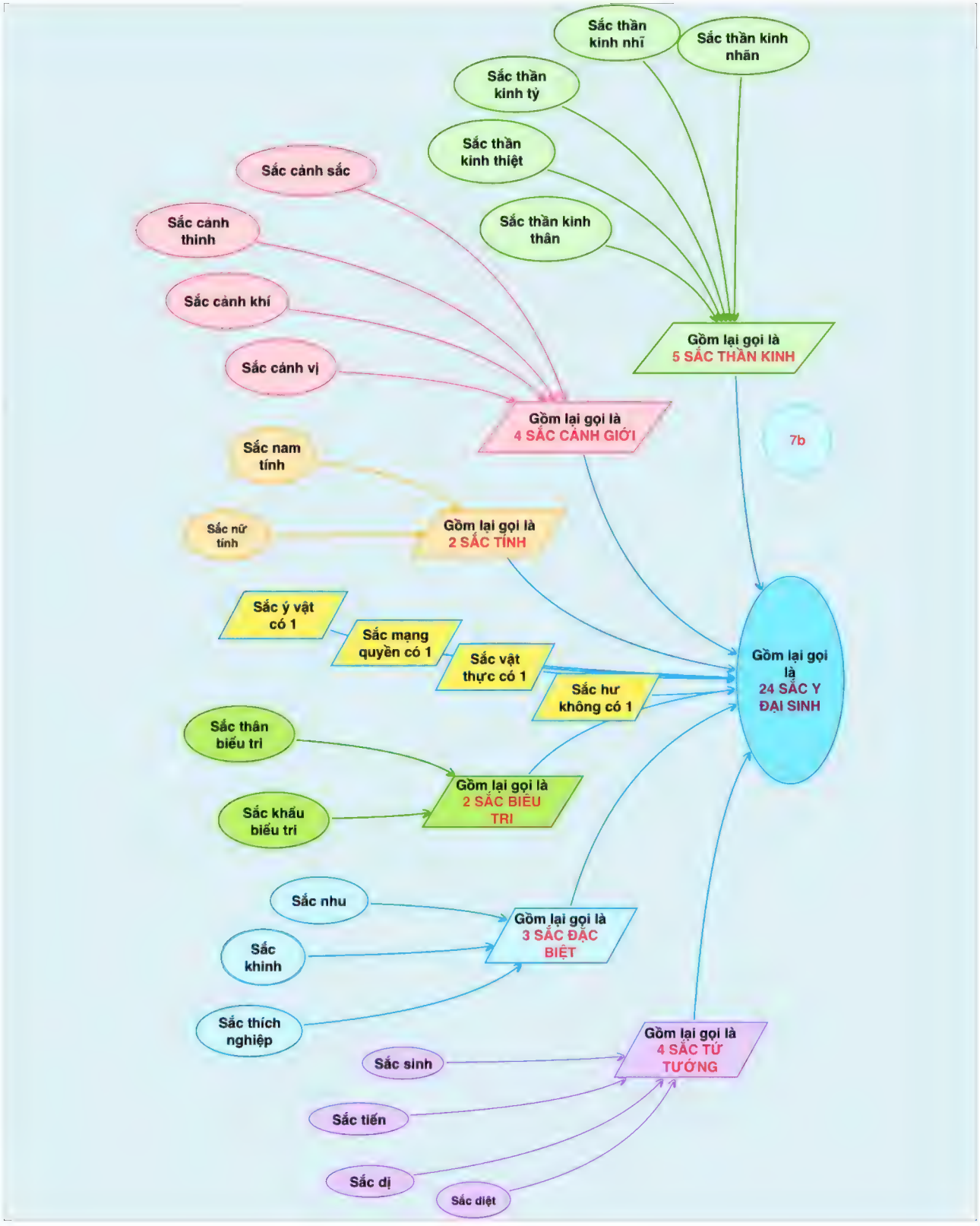
Sắc thần kinh nhĩ
Sắc thần kinh nhãn
Sắc thần kinh tỷ
Sắc thần kinh thiệt
Sắc cảnh sắc
Sắc thần kinh thân
Sắc cảnh thinh
Sắc cảnh khí
Gồm lại gọi là 5 SẮC THẦN KINH
Sắc cảnh vị
Gồm lại gọi là 4 SẮC CẢNH GIỚI
7b
Sắc nam tính
Sắc nữ tính
Gồm lại gọi là 2 SẮC TÍNH
Sắc ý vật có 1
Sắc mạng quyền có 1
Sắc vật thực có 1
Sắc hư không có 1
Gồm lại gọi là 24 SẮC Y ĐẠI SINH
Sắc thân biểu tri
Gồm lại gọi là 2 SẮC BIỂU TRI
Sắc khẩu biểu tri
Sắc nhu
Gồm lại gọi là 3 SẮC ĐẶC BIỆT
Sắc khinh
Sắc thích nghiệp
Gồm lại gọi là 4 SẮC TỨ TƯỚNG
Sắc sinh
Sắc tiến
Sắc dị
Sắc diệt

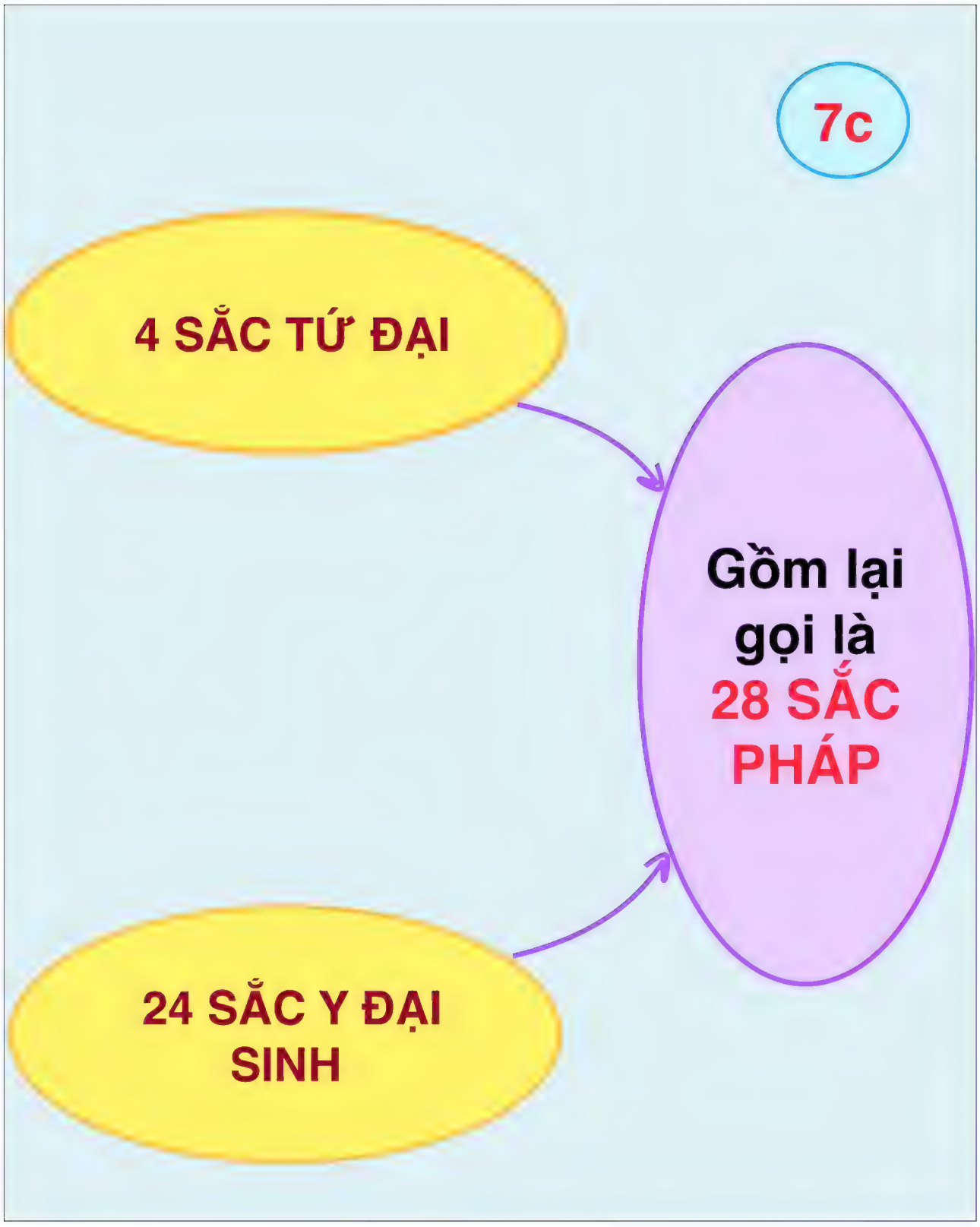
7c
4 SẮC TỨ ĐẠI
24 SẮC Y ĐẠI SINH
Gồm lại gọi là 28 SẮC PHÁP

28 SẮC PHÁP
Gồm lại gọi là 201 CHÂN ĐẾ HỮU VI
8
173 DANH PHÁP
Gồm lại gọi là 202 PHÁP CHÂN ĐẾ
1 CHÂN ĐẾ VÔ VI

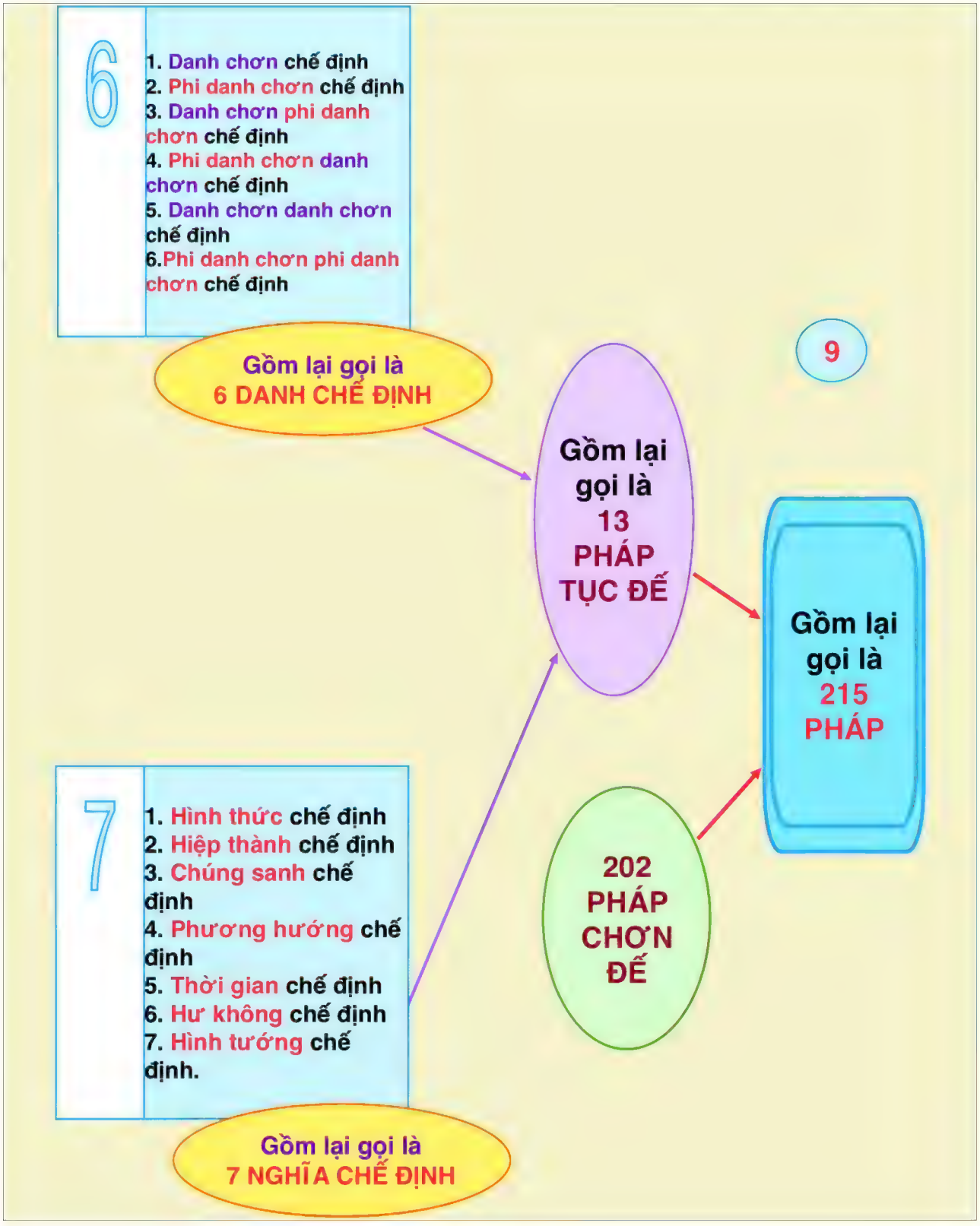
6
1. Danh chơn chế định
2. Phi danh chơn chế định
3. Danh chơn phi danh chơn chế định
4. Phi danh chơn danh chơn chế định
5. Danh chơn danh chơn chế định
6.Phi danh chơn phi danh chơn chế định
Gồm lại gọi là 6 DANH CHẾ ĐỊNH
9
Gồm lại gọi là 13 PHÁP TỤC ĐẾ
Gồm lại gọi là 215 PHÁP
202 PHÁP CHƠN ĐẾ
7
1. Hình thức chế định
2. Hiệp thành chế định
3. Chúng sanh chế định
4. Phương hướng chế định
5. Thời gian chế định
6. Hư không chế định
7. Hình tướng chế định.
Gồm lại gọi là 7 NGHĨA CHẾ ĐỊNH

CHƯƠNG VII
(BÀI 6)

SƠ ĐỒ GỒM PHÁP BẰNG SỐ

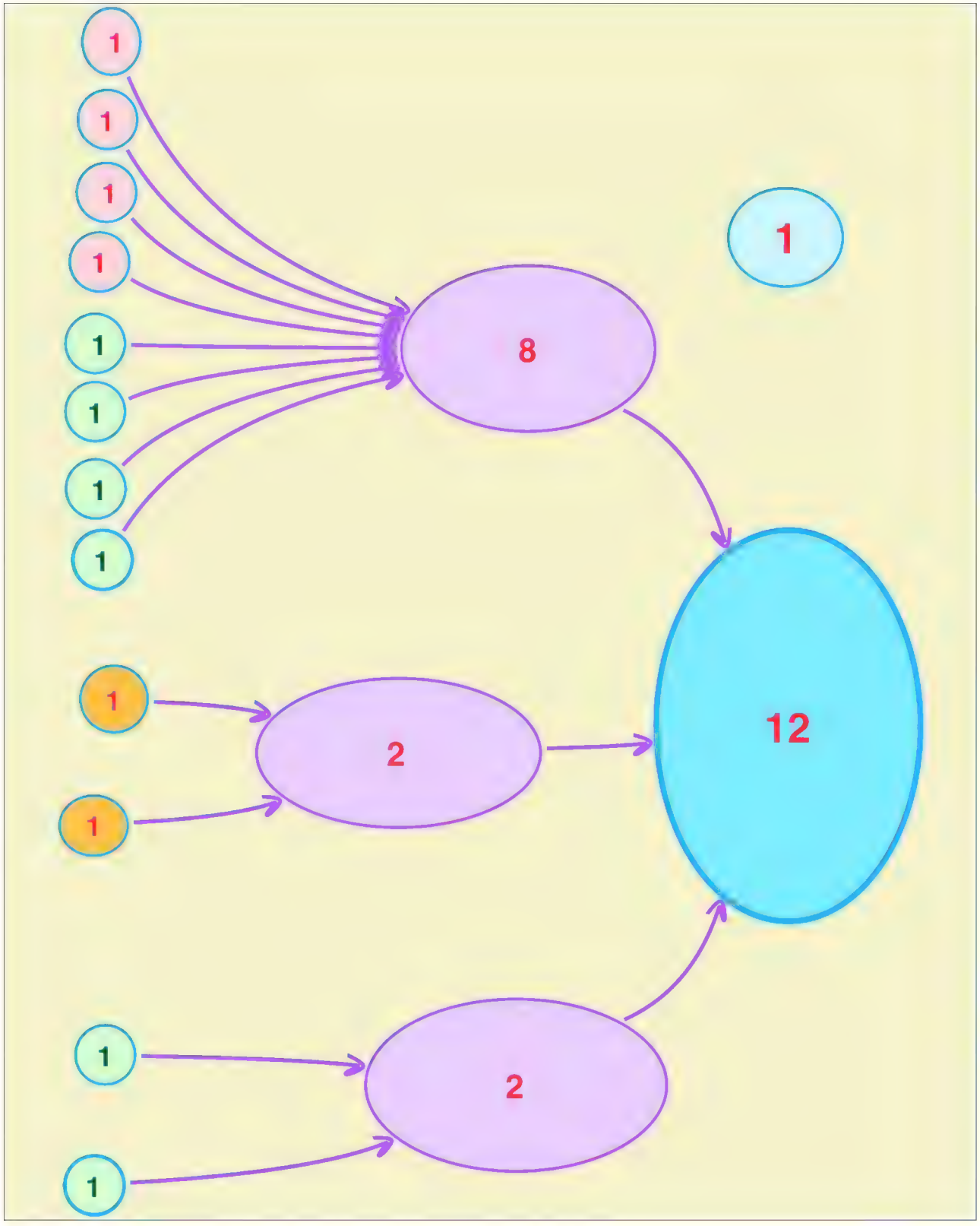
1
1
1
1
1
1
1
1
8
1
1
1
2
12
1
1
2

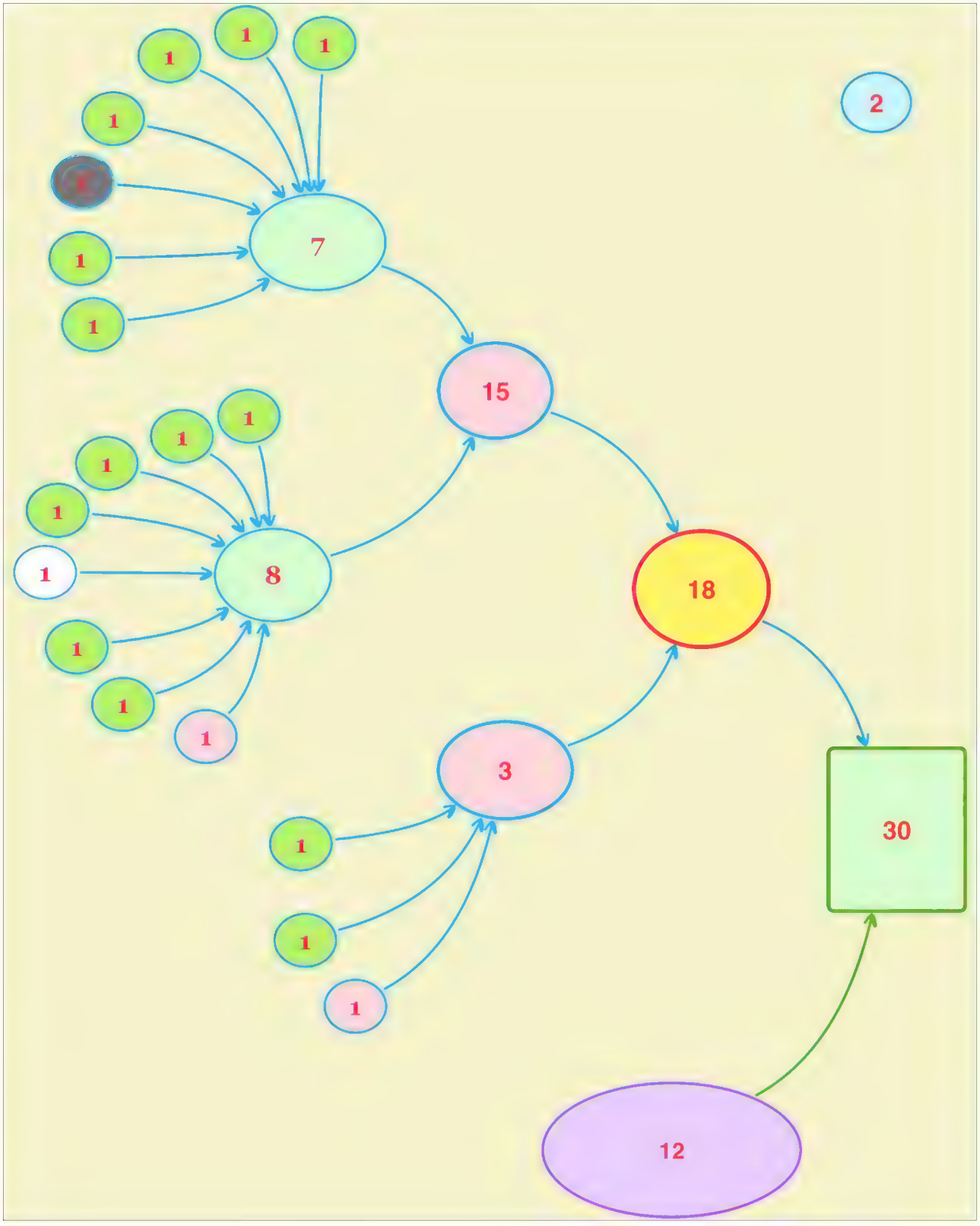
1
1
1
1
1
1
1
7
2
15
1
1
1
1
1
1
1
1
8
18
3
30
1
1
1
12

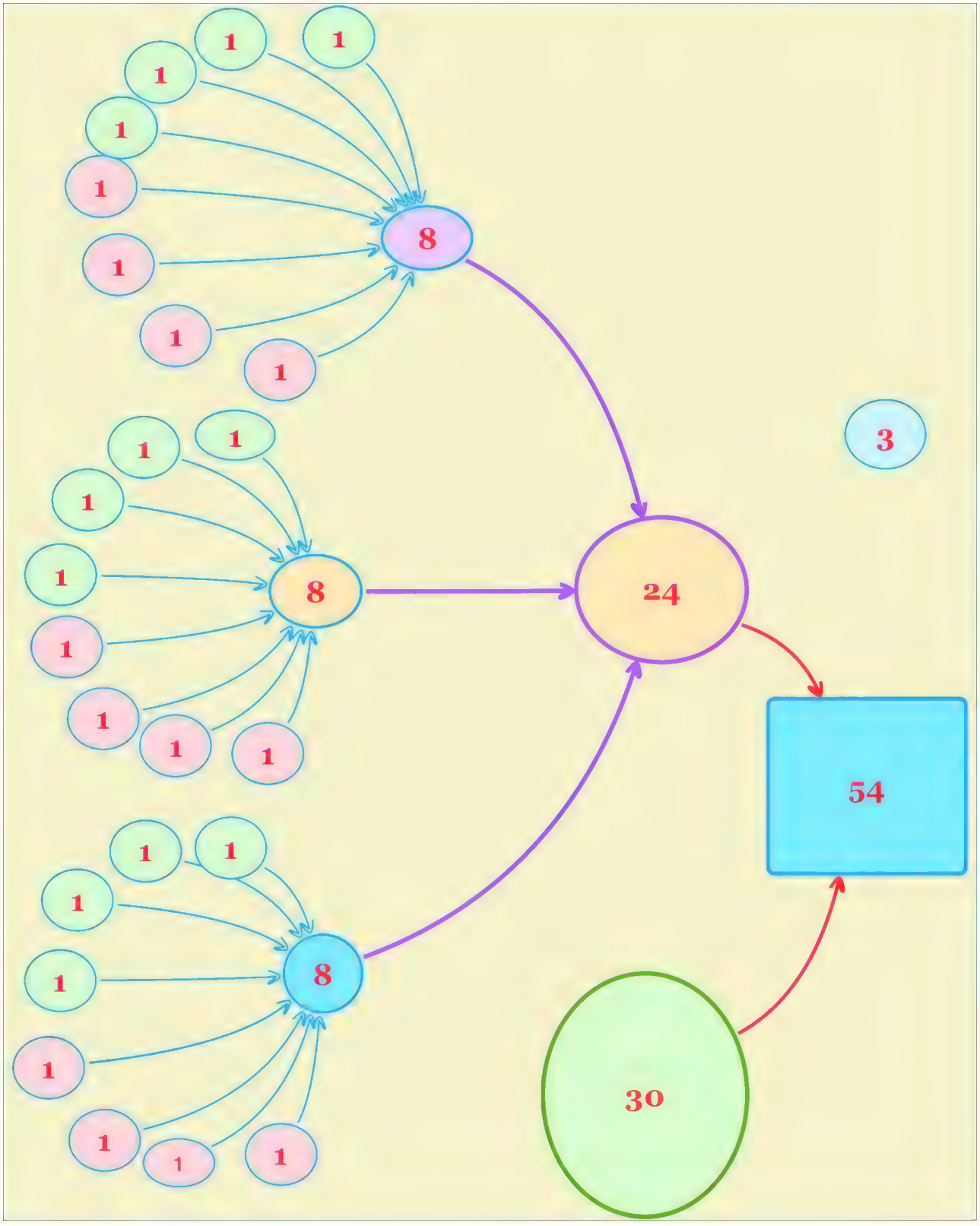
1
1
1
1
1
1
1
1
8
1
1
1
1
1
1
8
1
1
1
1
1
1
8
3
24
54
30

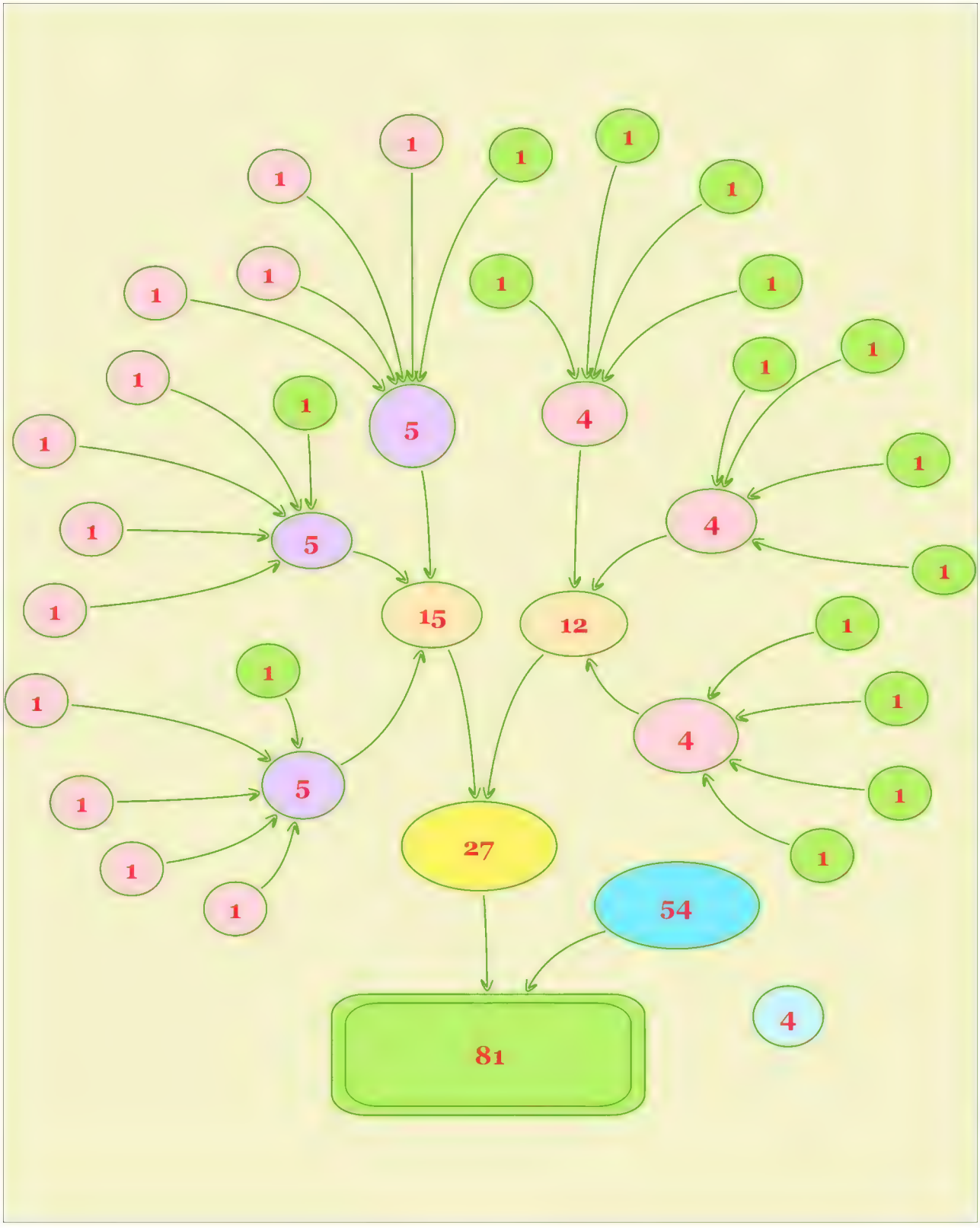
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
5
4
5
4
15
12
5
4
27
54
81
4

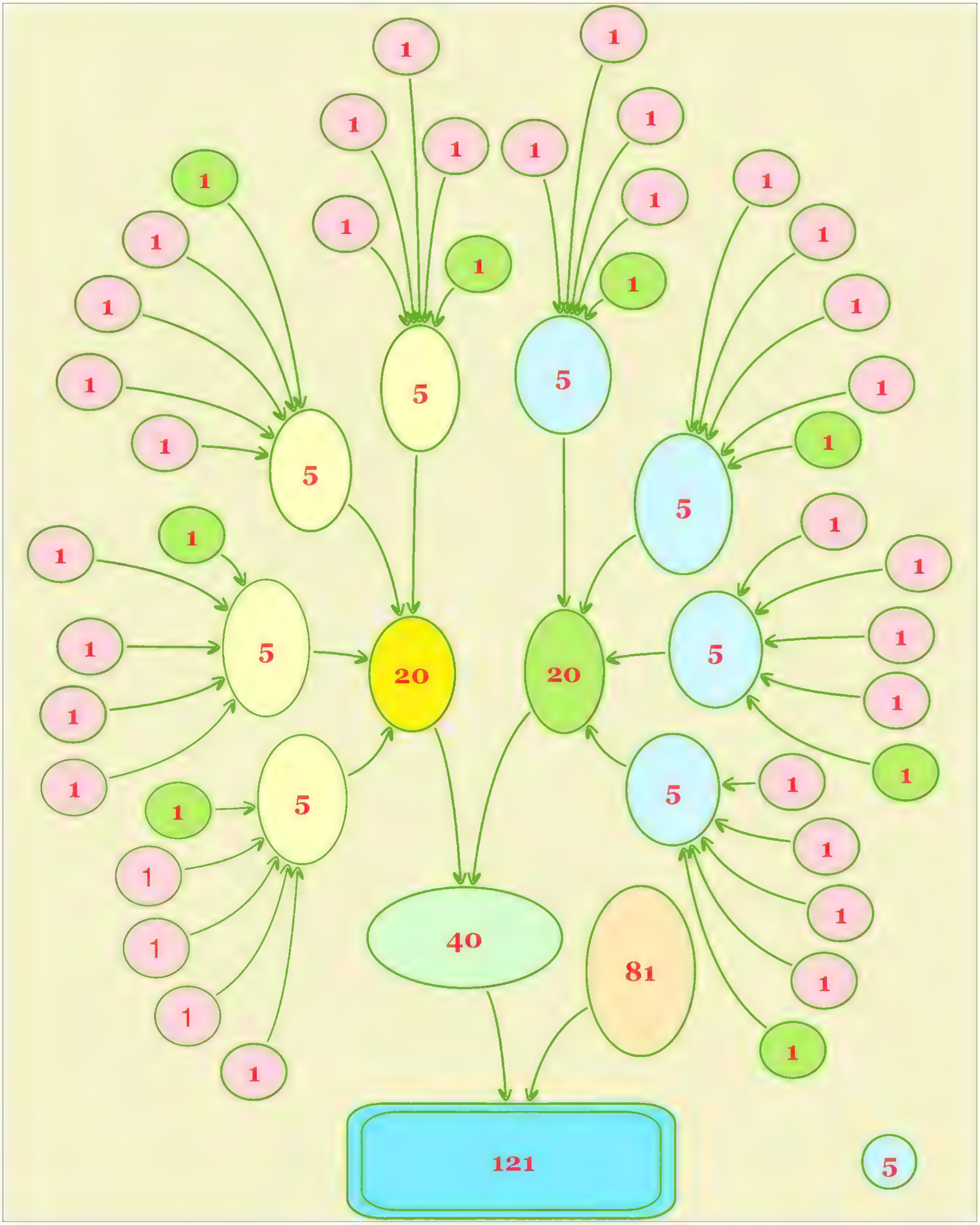
1
5
20
40
81
121
5

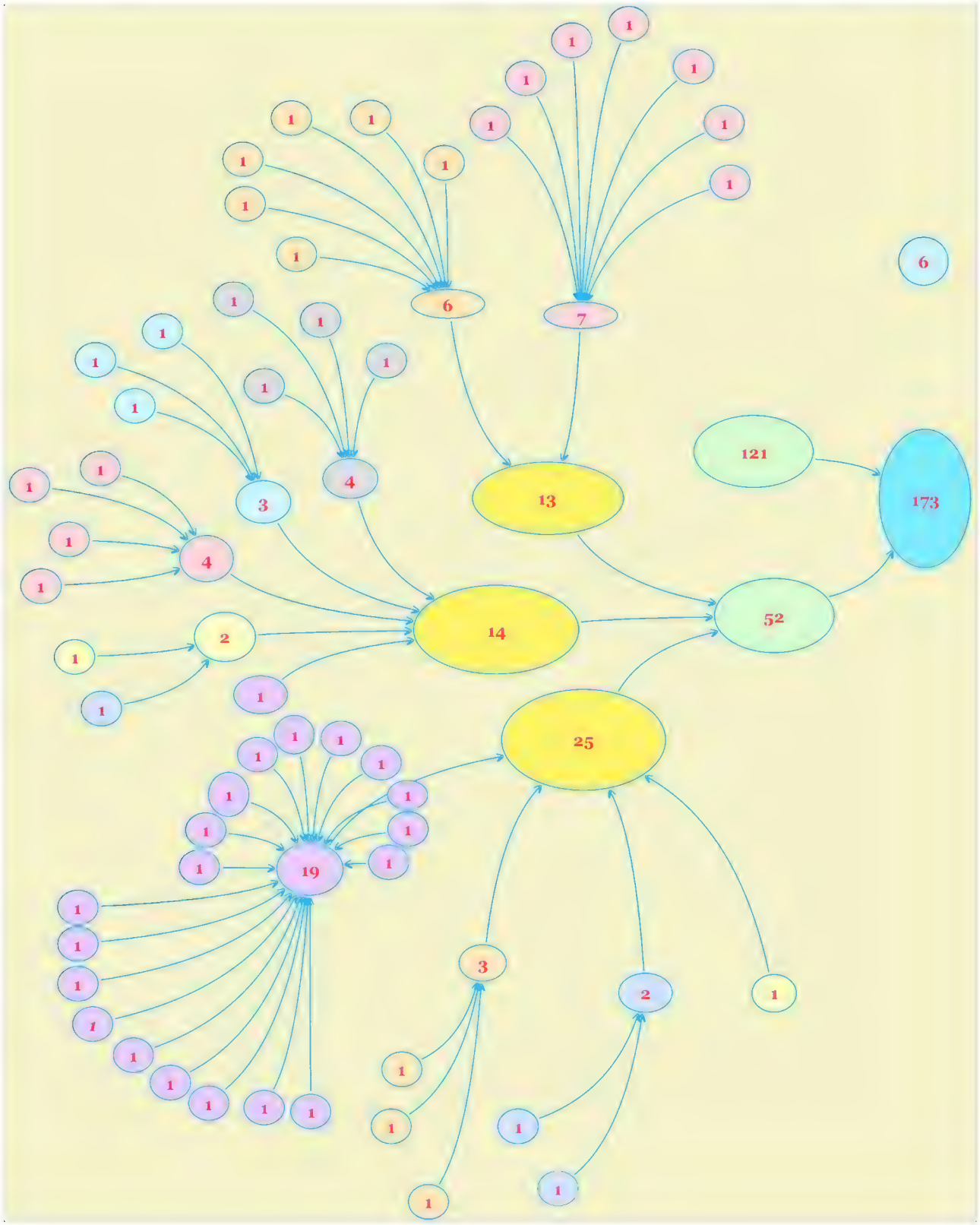
6
7
6
121
173
13
4
3
4
14
52
2
25
19
3
2
1

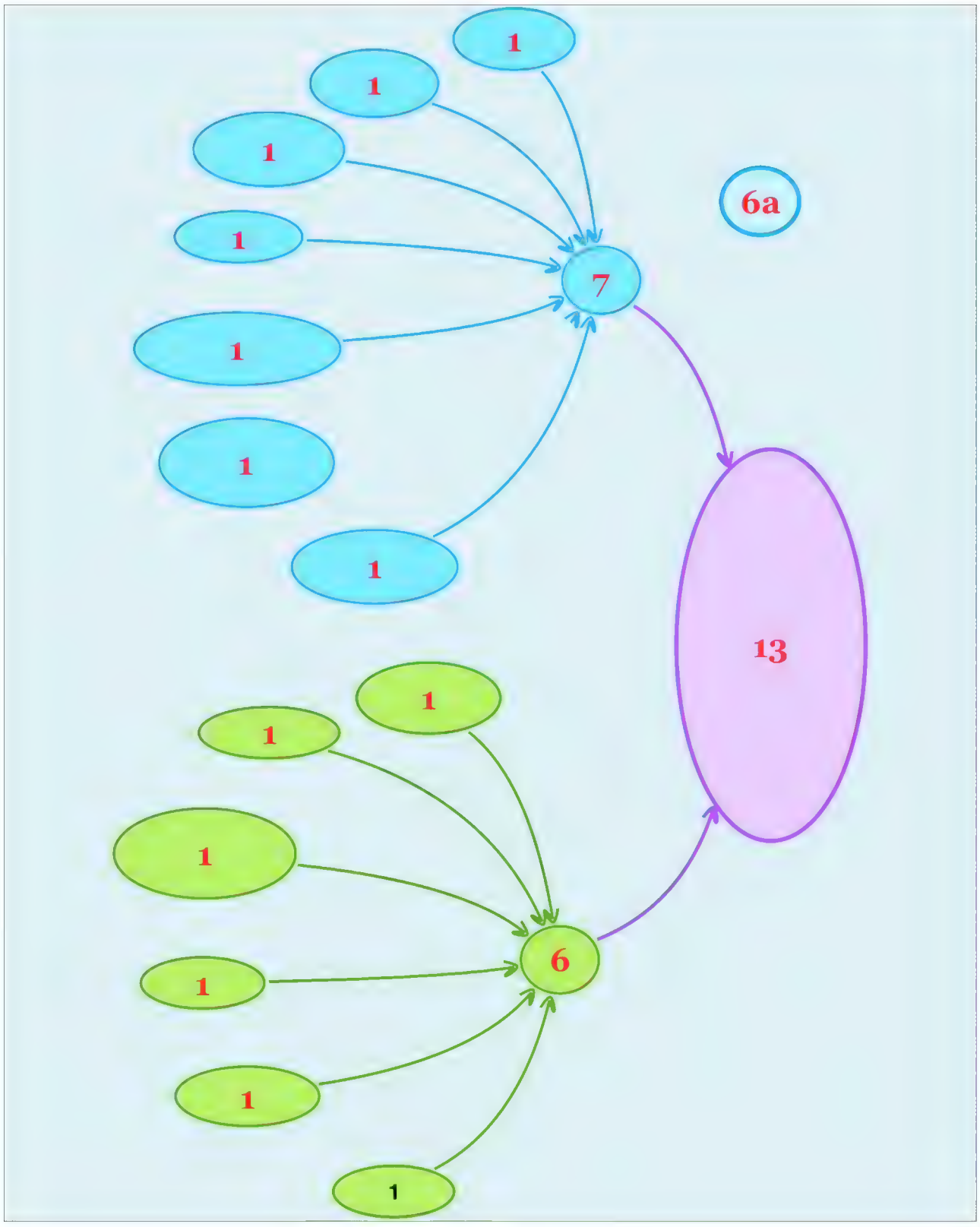
1
1
1
1
1
1
1
7
6a
13
1
1
1
1
1
6
1
1

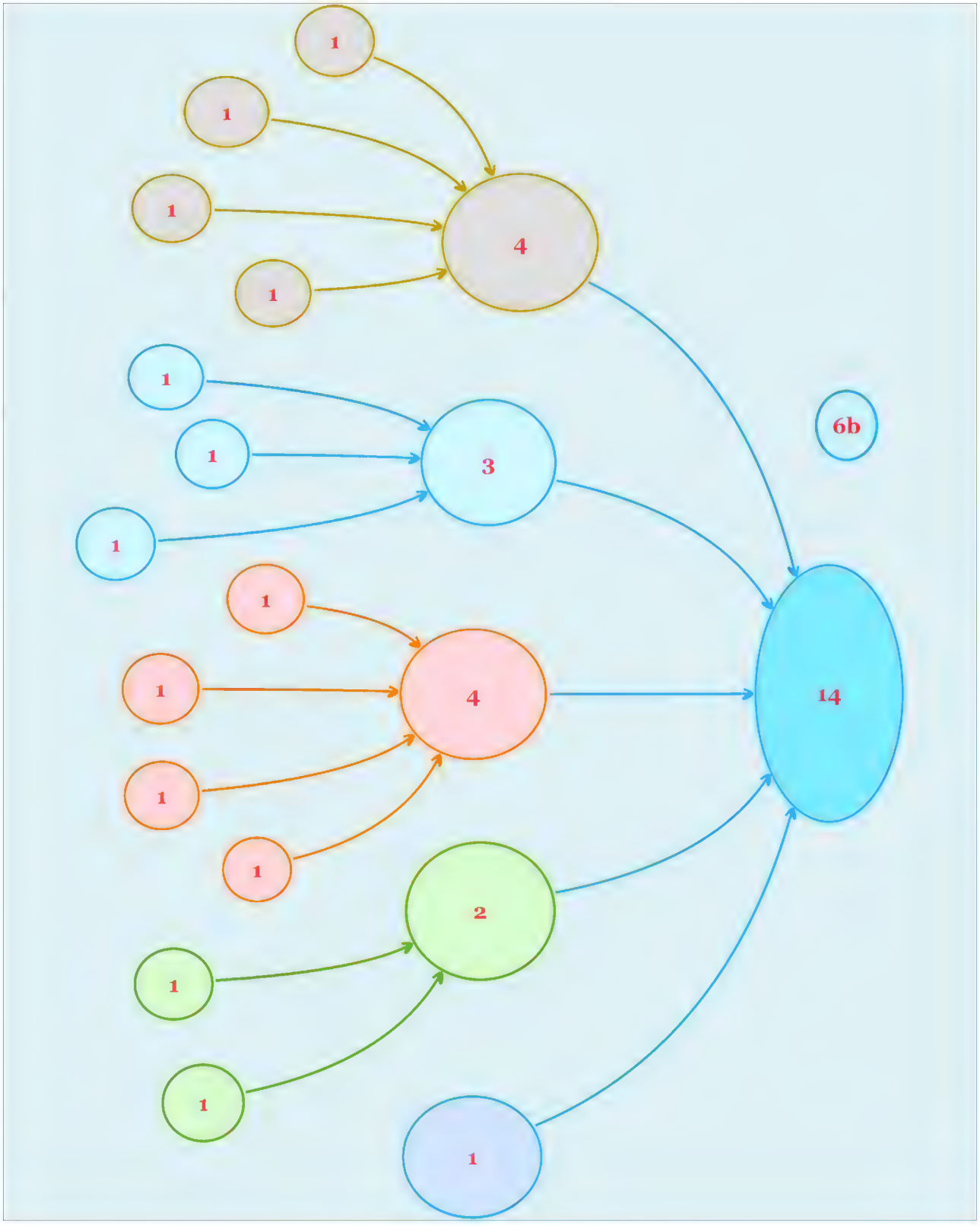
1
1
1
1
4
1
1
1
3
1
6b
1
1
4
1
1
1
14
2
1
1
1

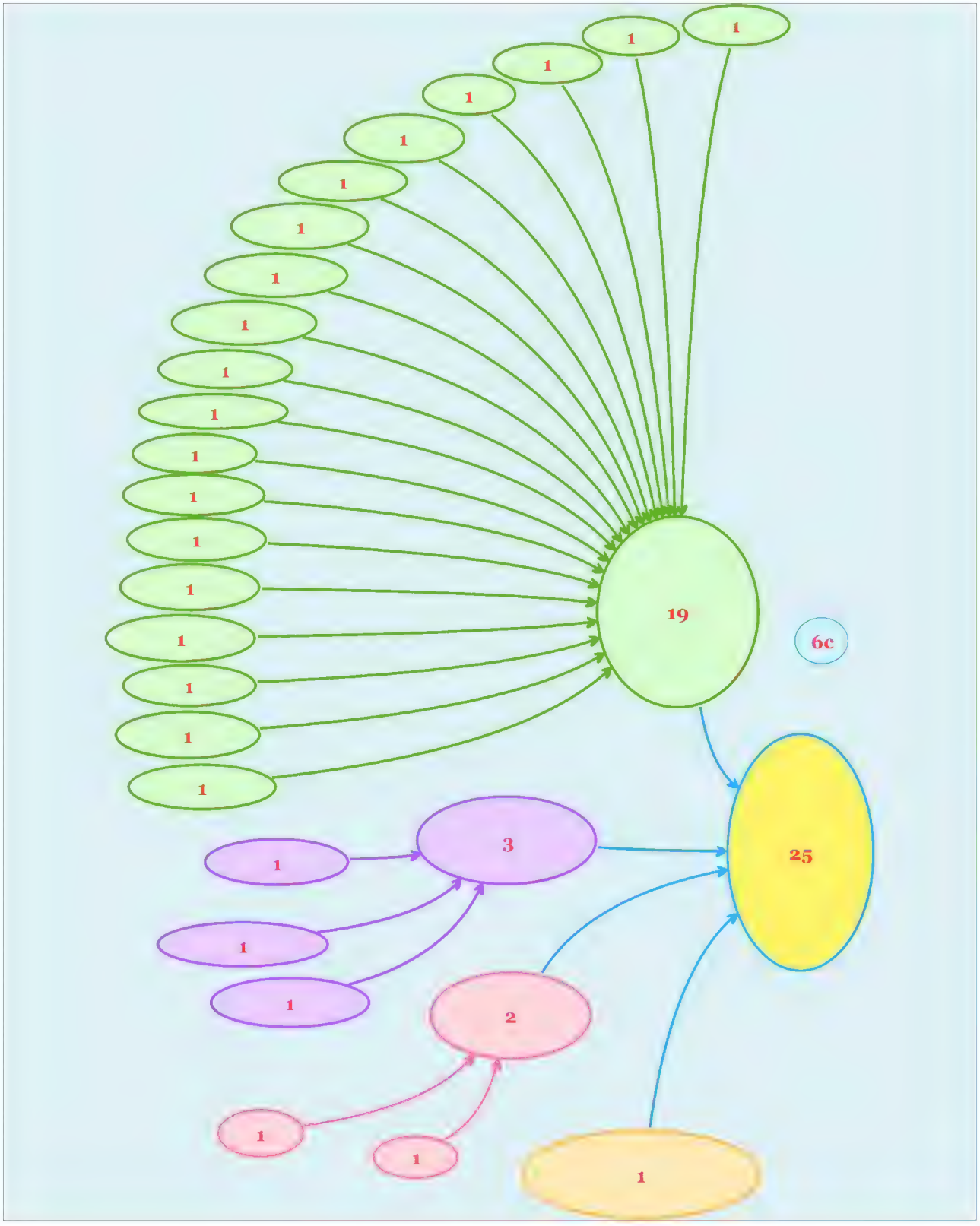
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
19
6c
25
3
1
1
1
2
1
1
1

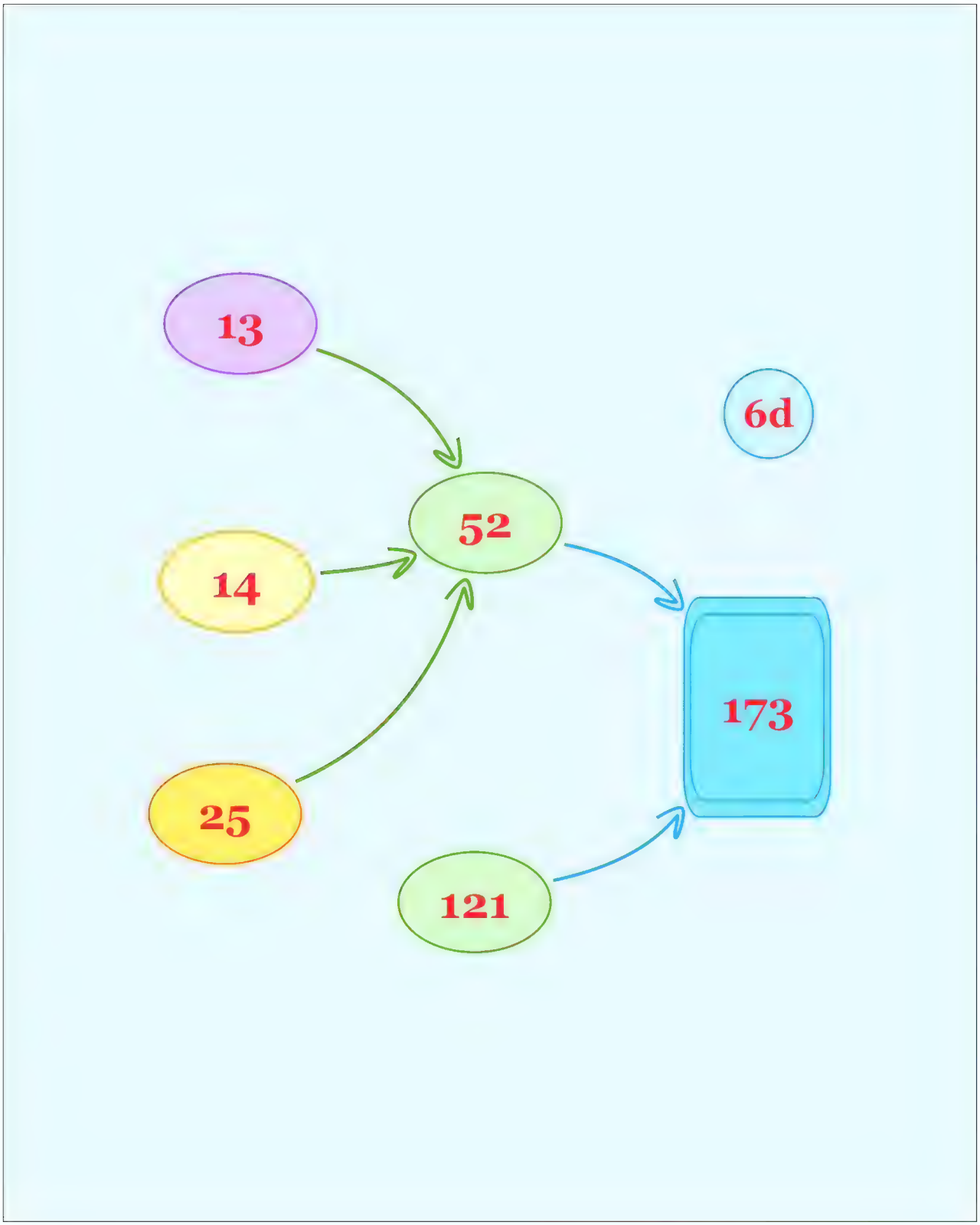
13
6d
52
14
173
25
121

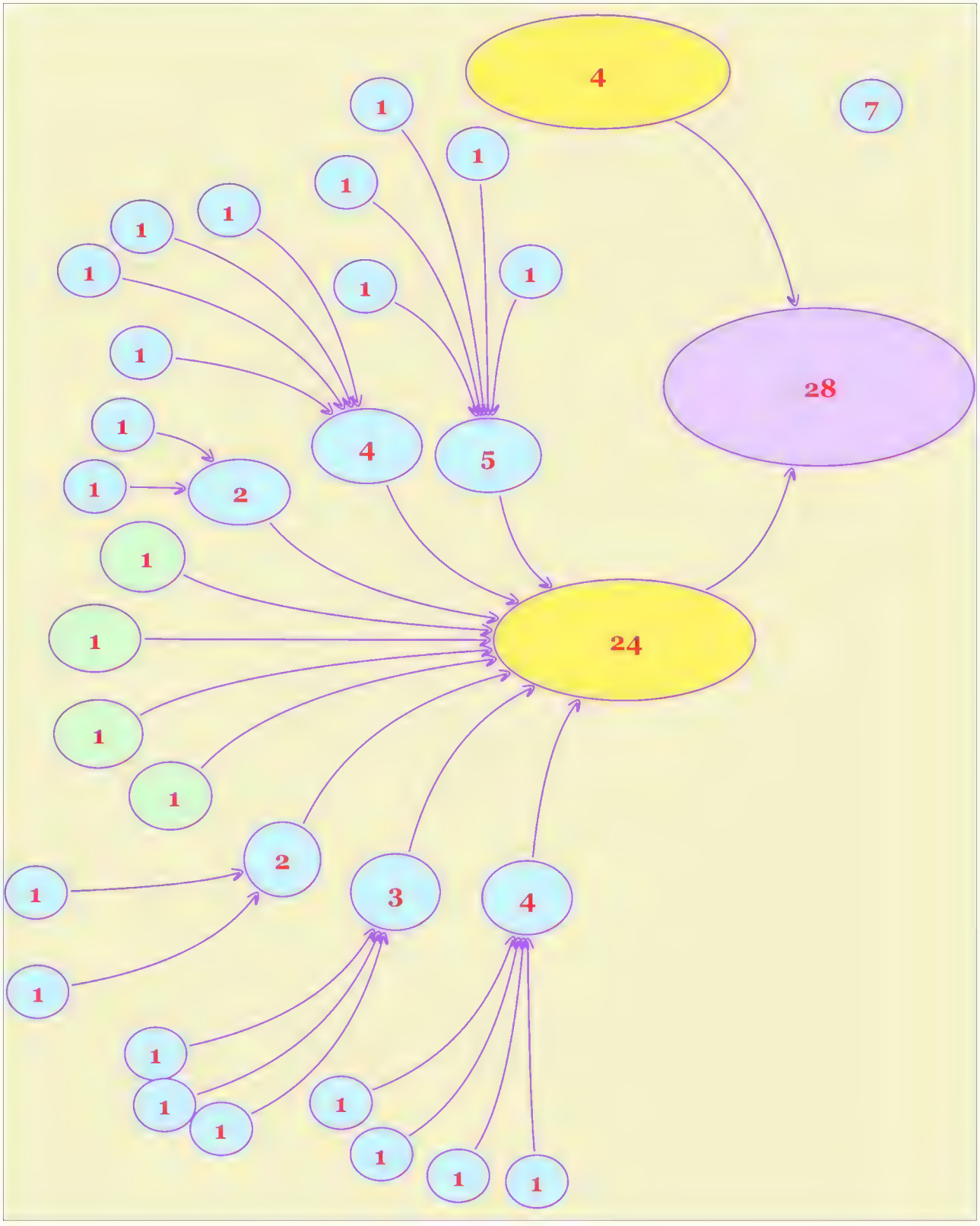
4
7
28
4
5
2
24
2
3
4

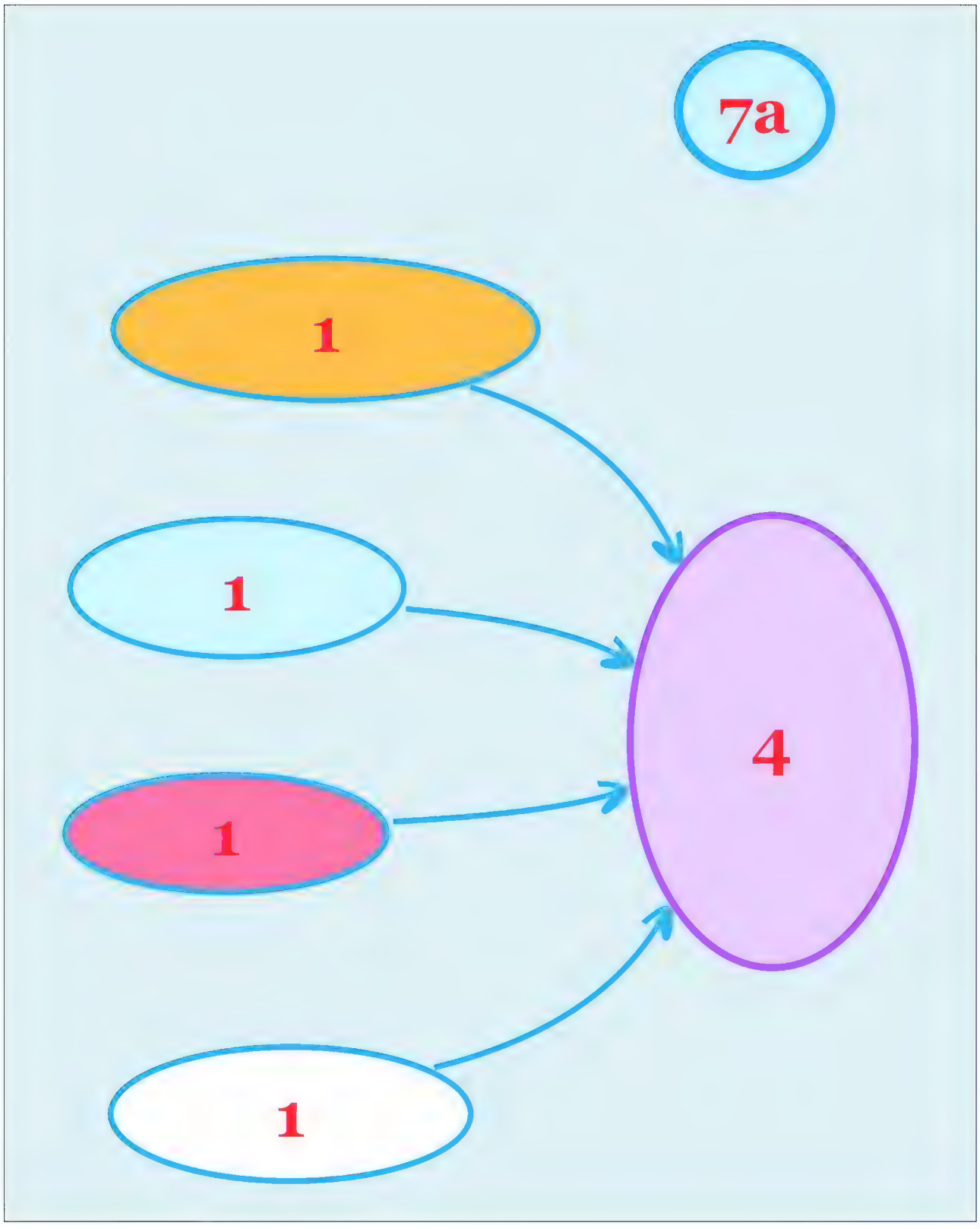
7a
1
1
1
1
4

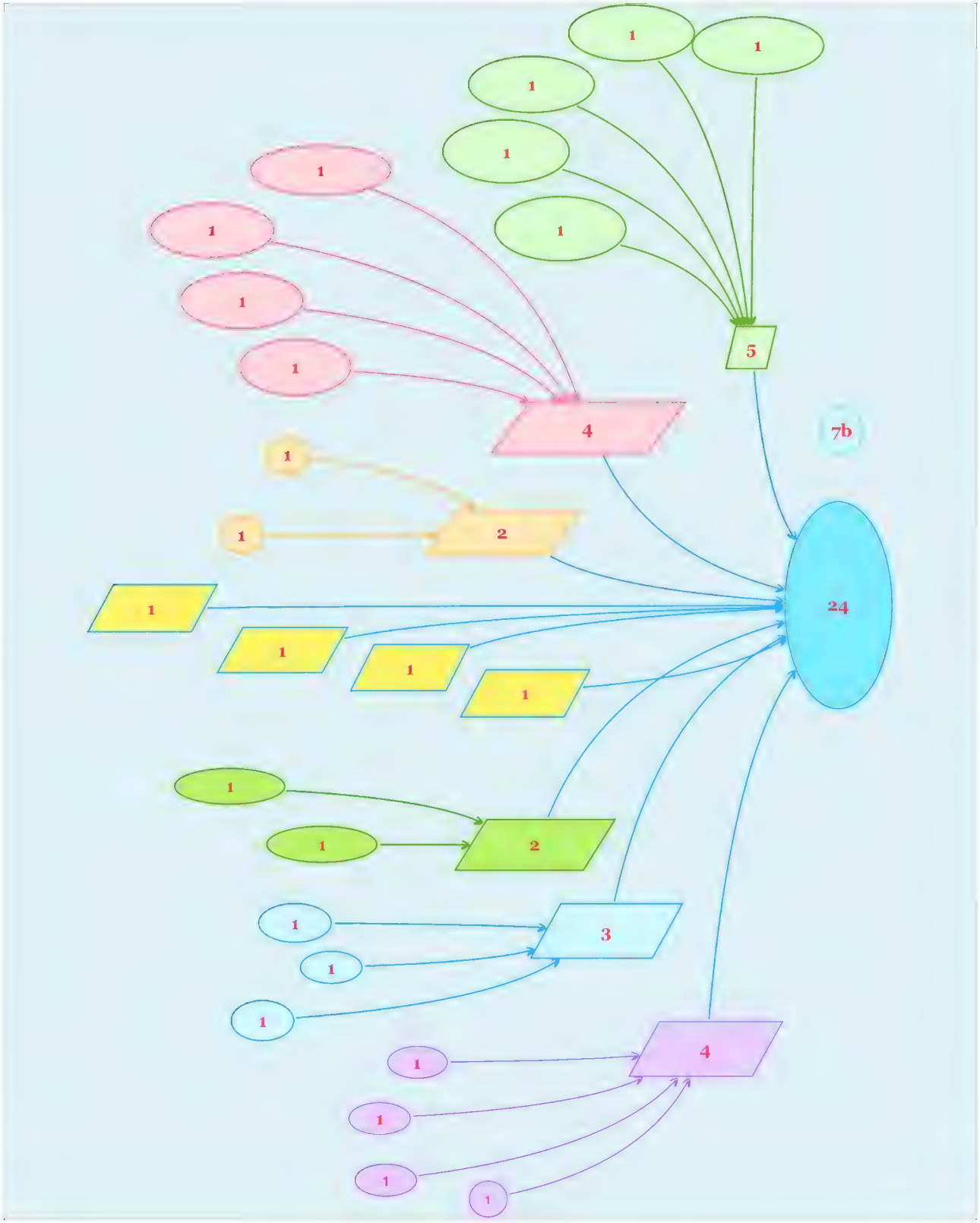
1
1
1
1
1
1
1
1
1
1
5
4
7b
1
1
2
1
24
1
1
1
1
1
1
2
1
1
3
1
1
4
1
1
1
1

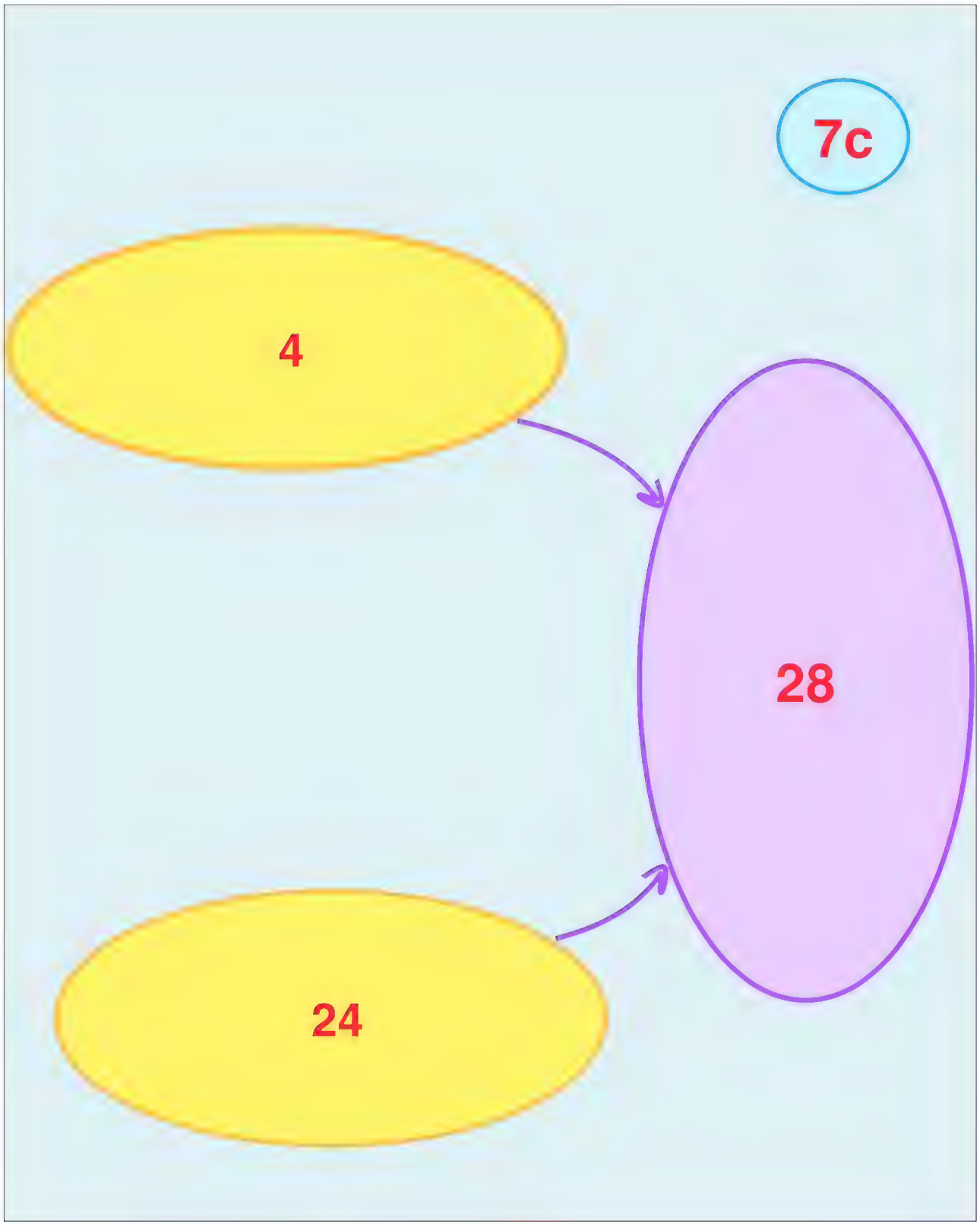
7c
4
28
24

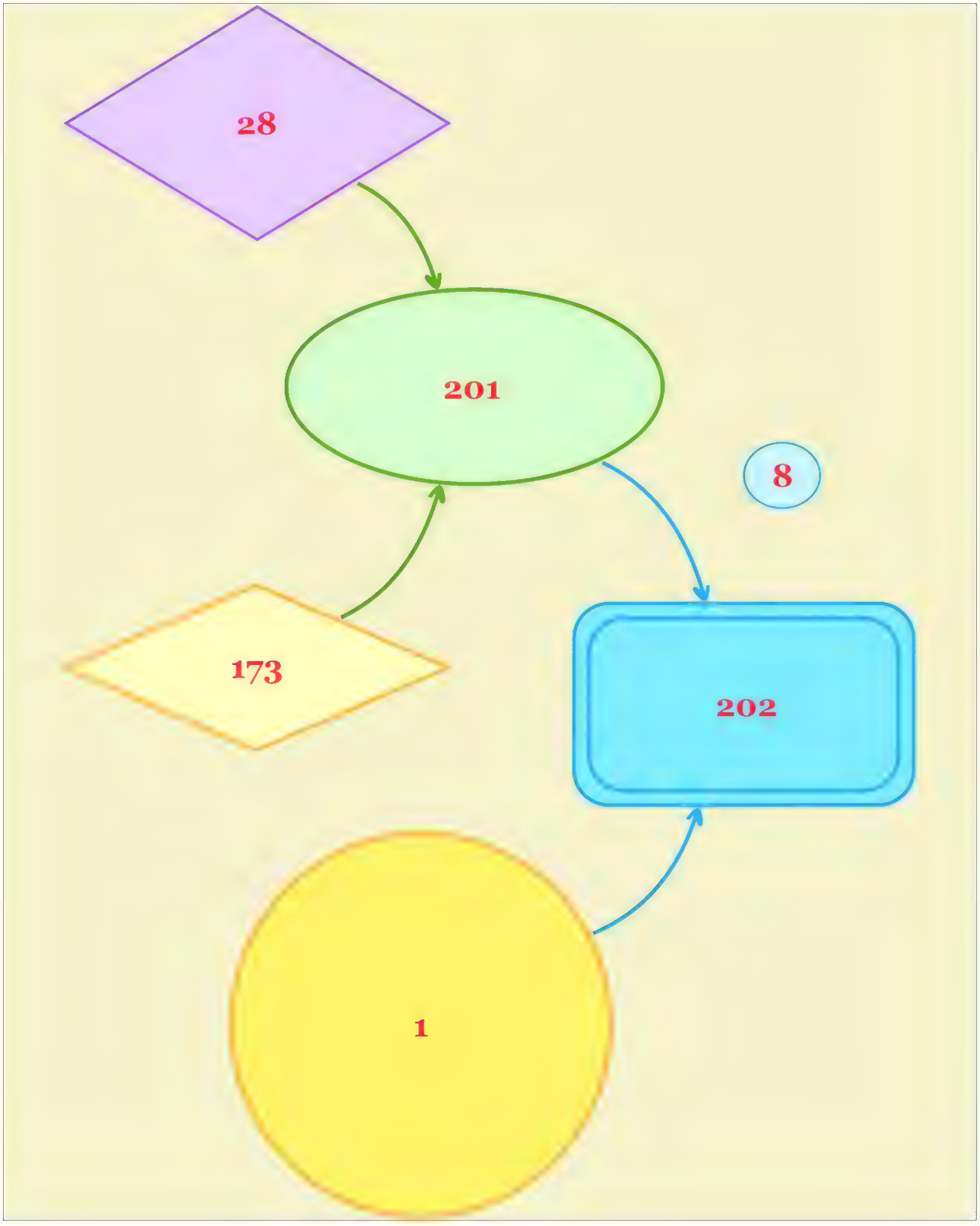
28
201
8
173
202
1

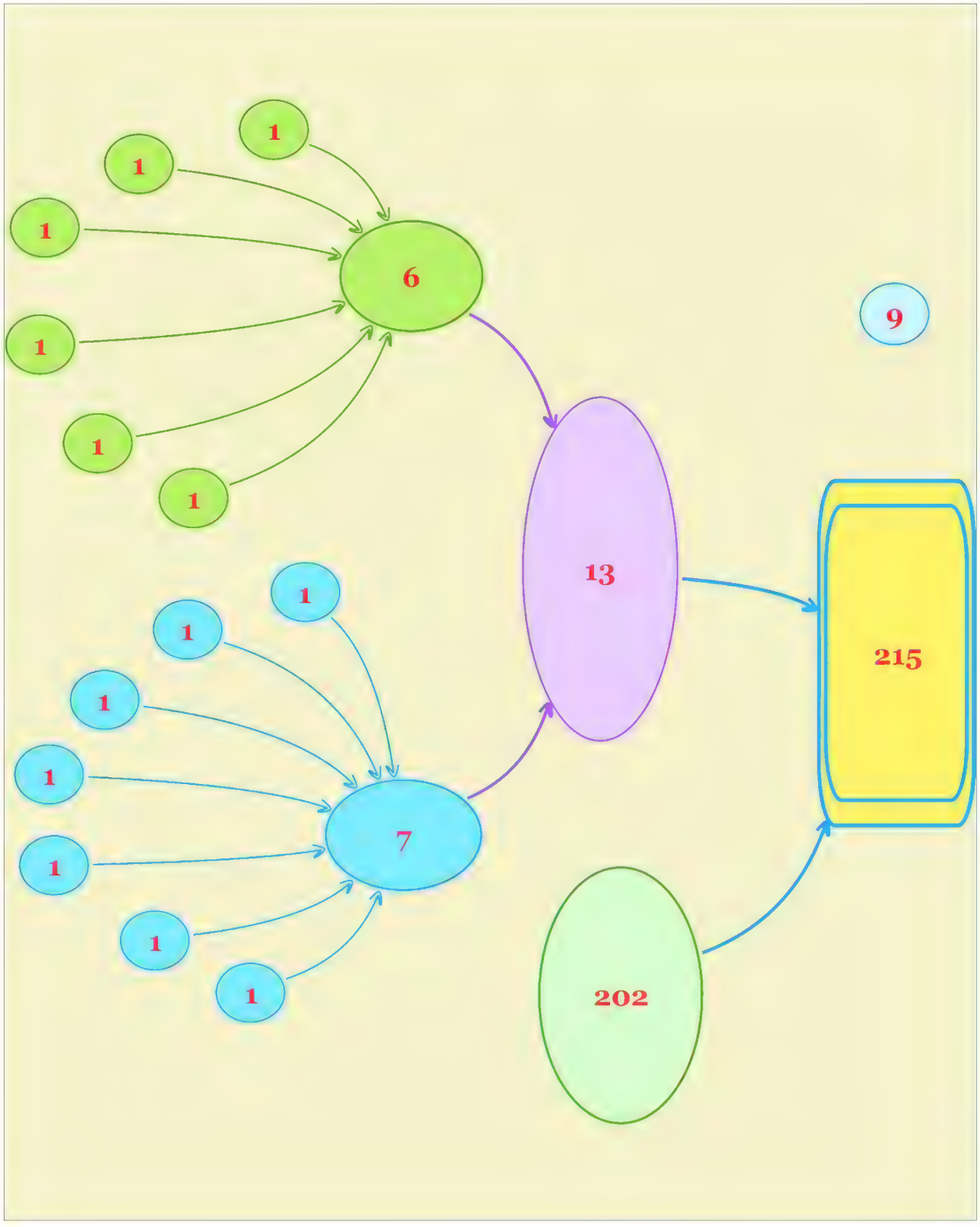
1
1
1
6
1
1
1
9
13
215
1
1
1
1
1
7
1
1
202

CHƯƠNG VIII

SƠ ĐỒ GỒM PHÁP TRỐNG

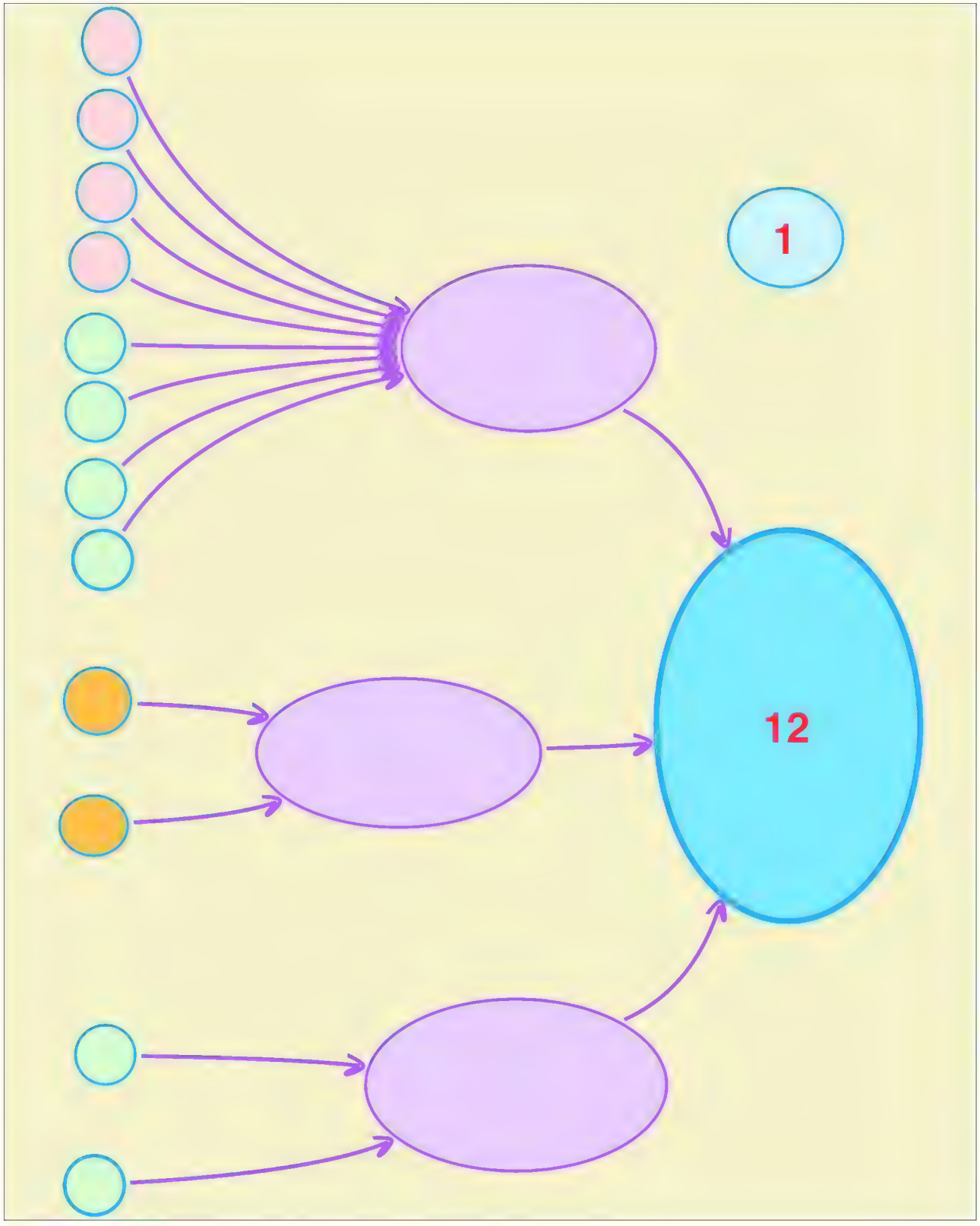
1
12

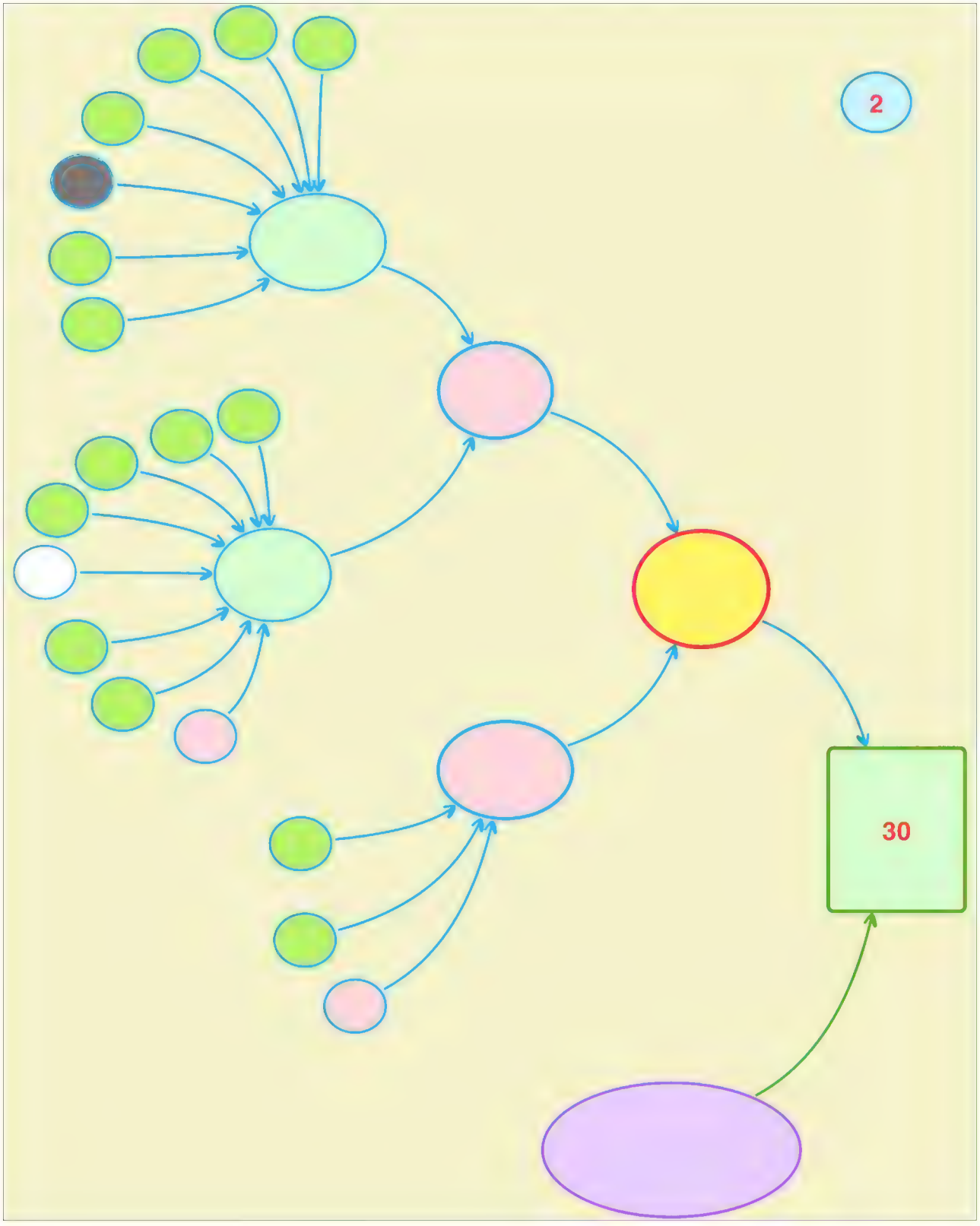
2
30

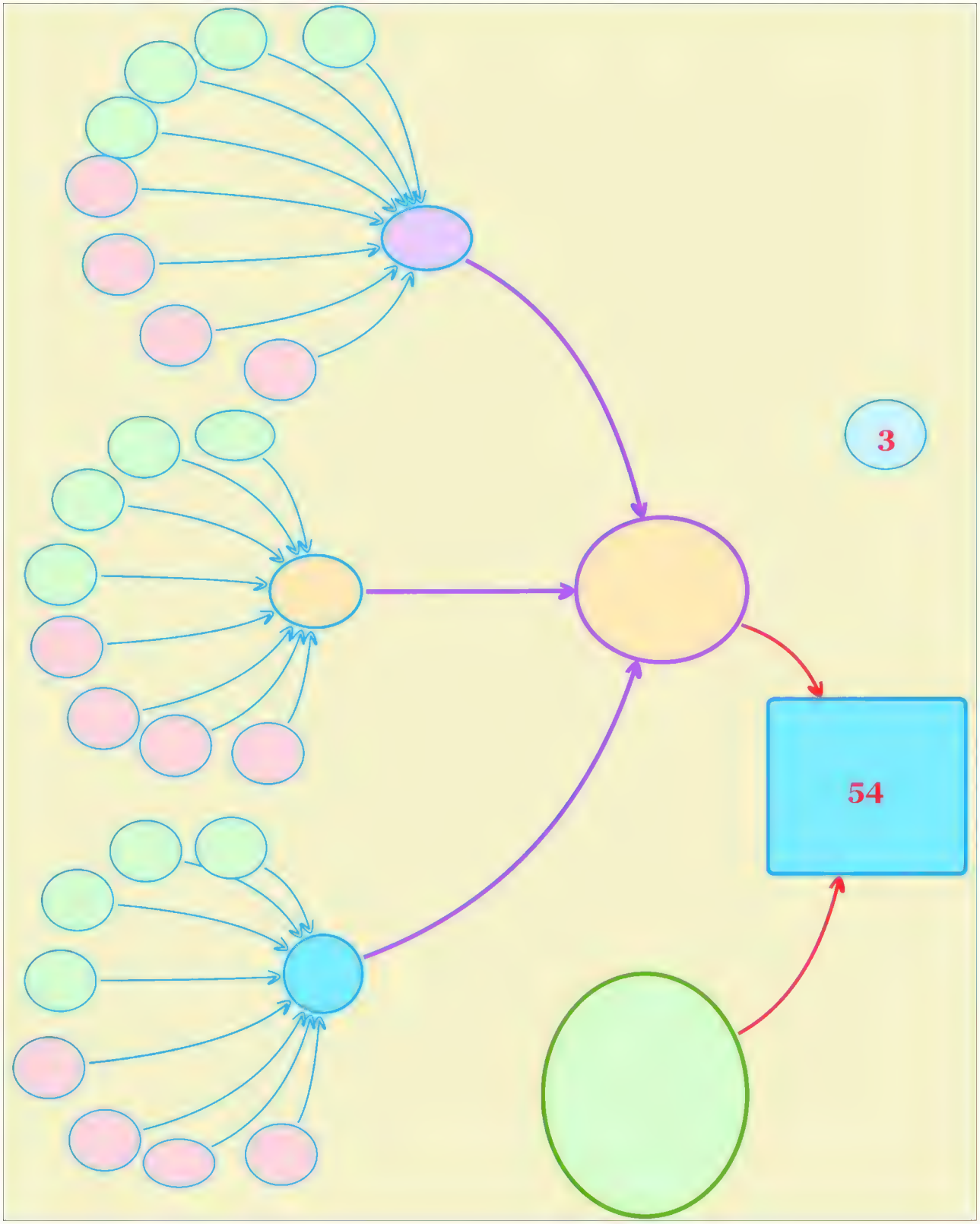
3
54

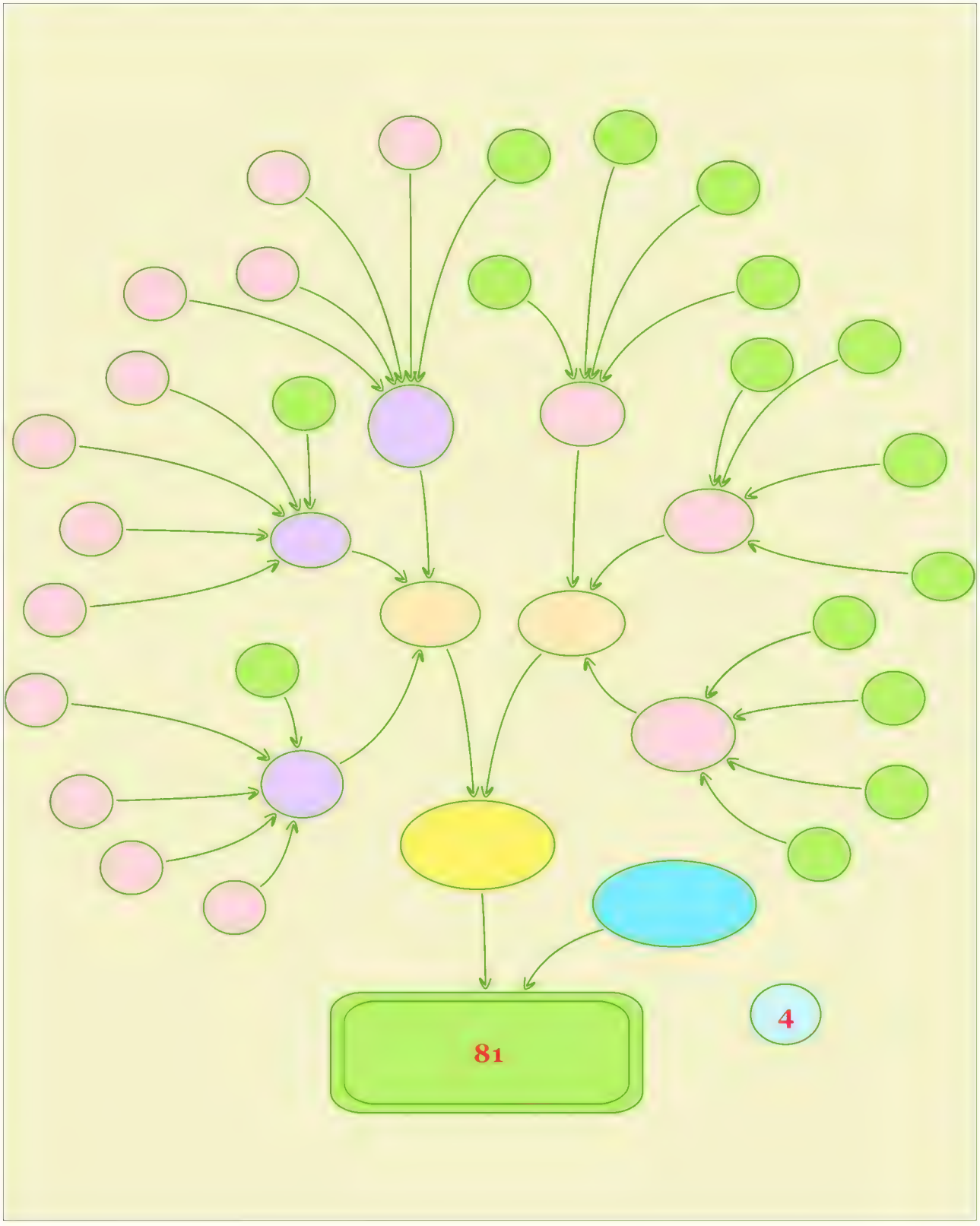
81
4

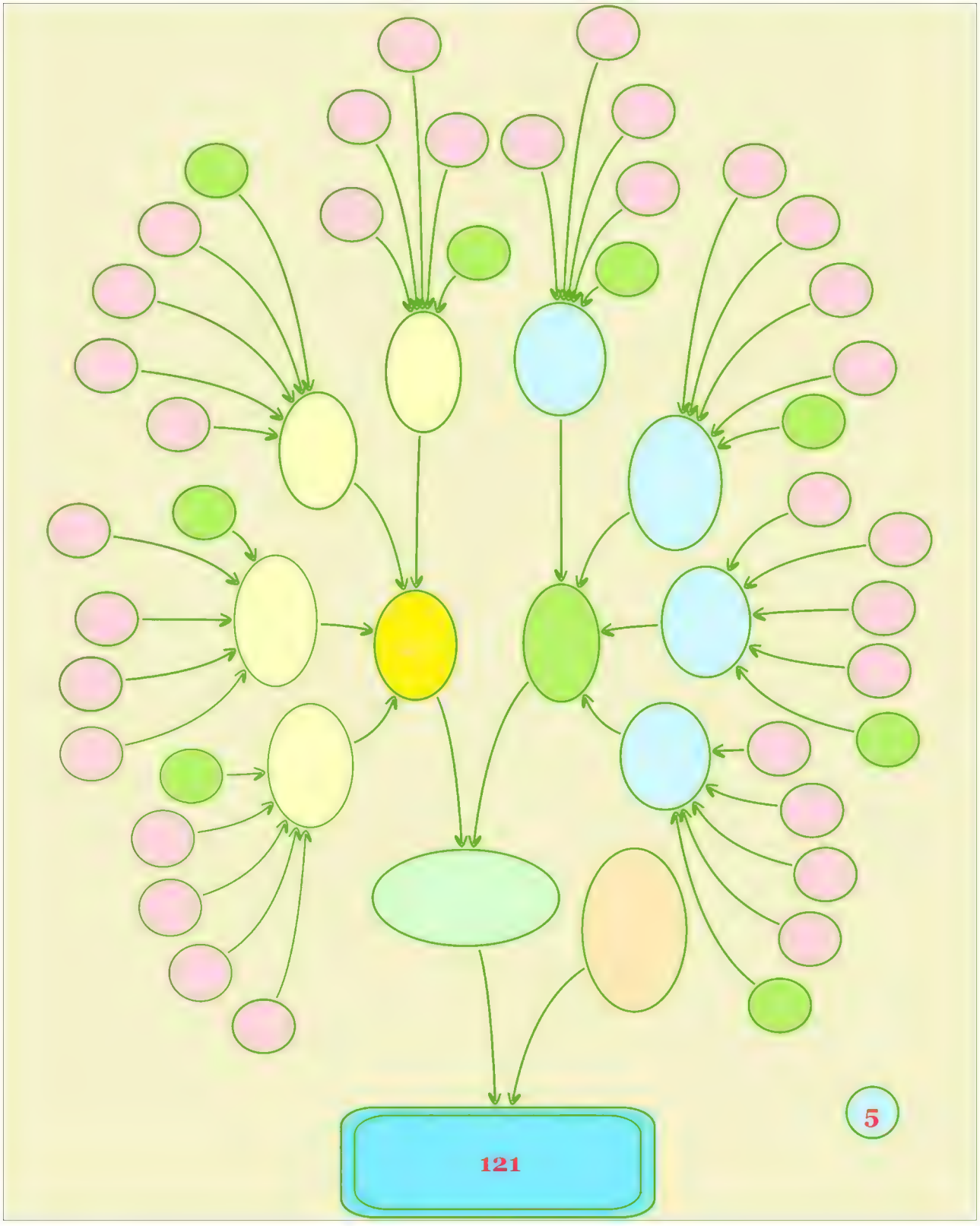
121
5

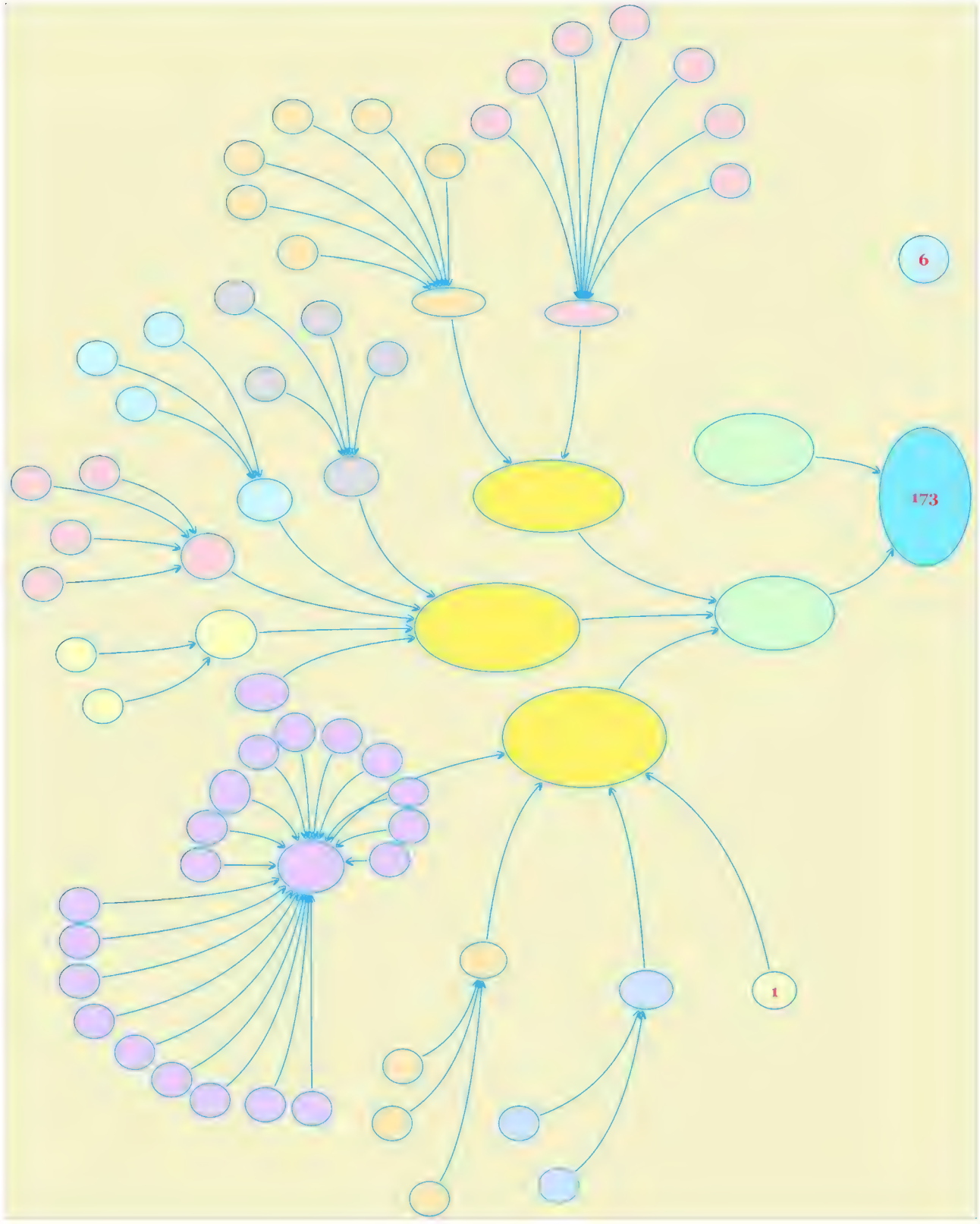
6
173
1

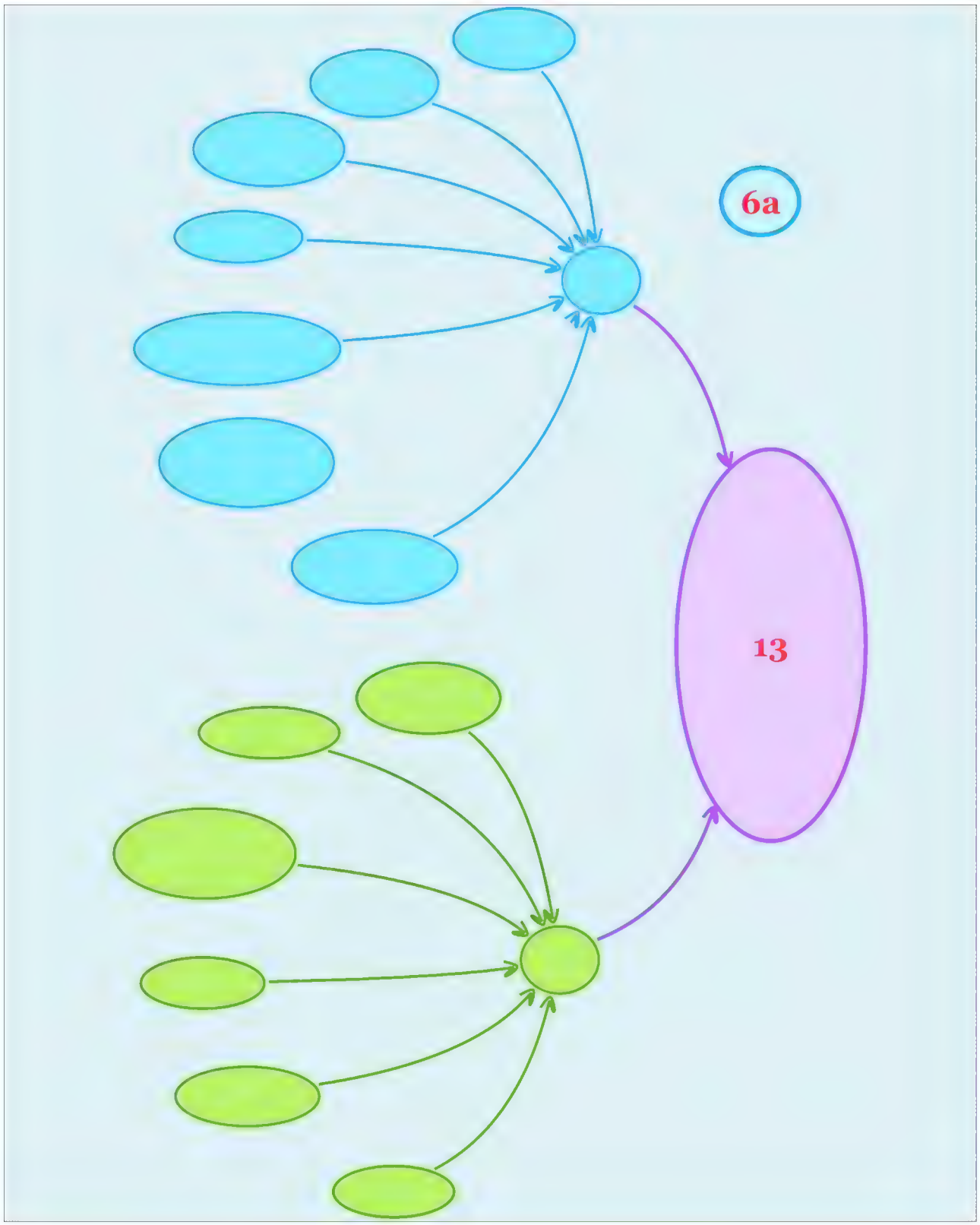
6a
13

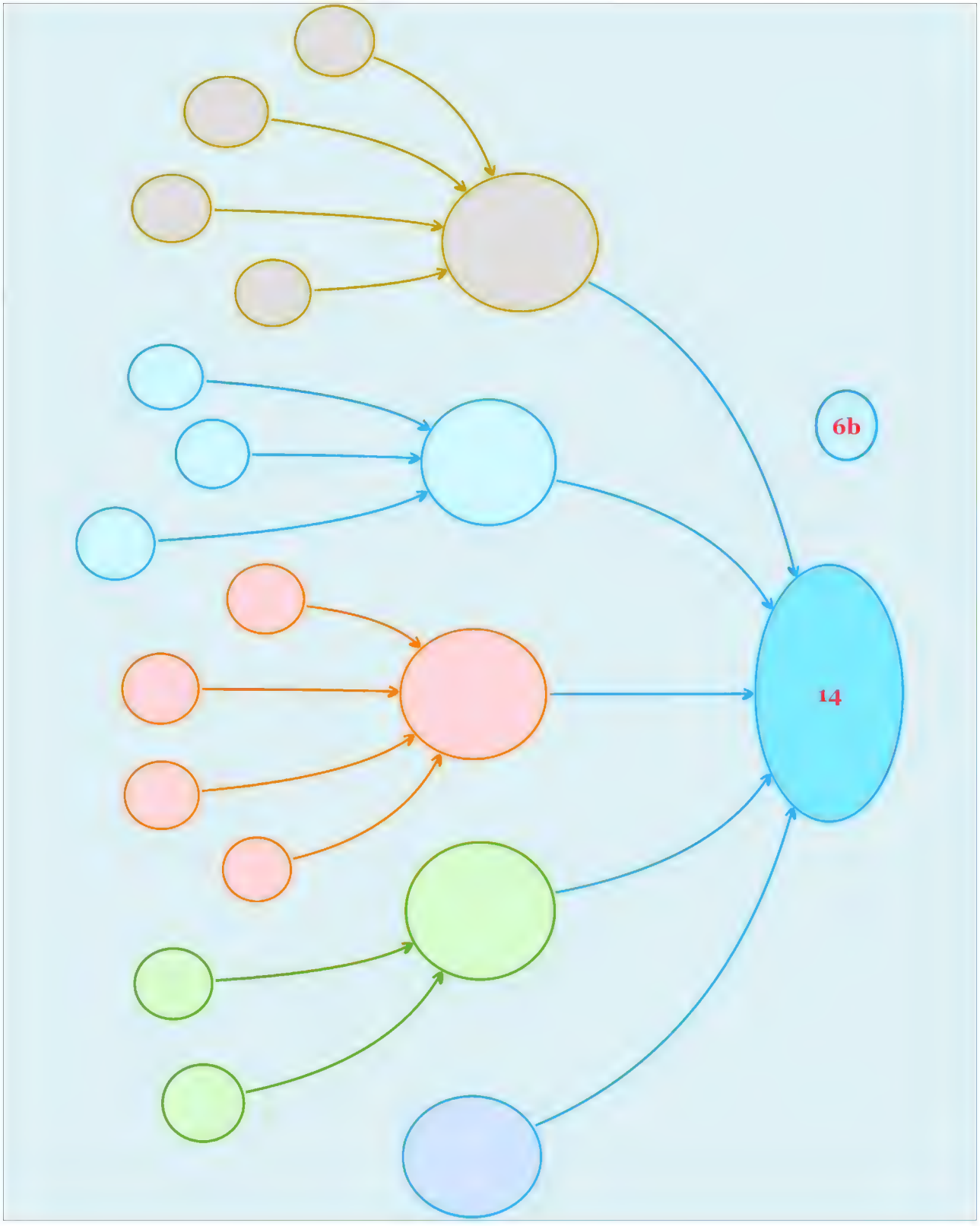
6b
14

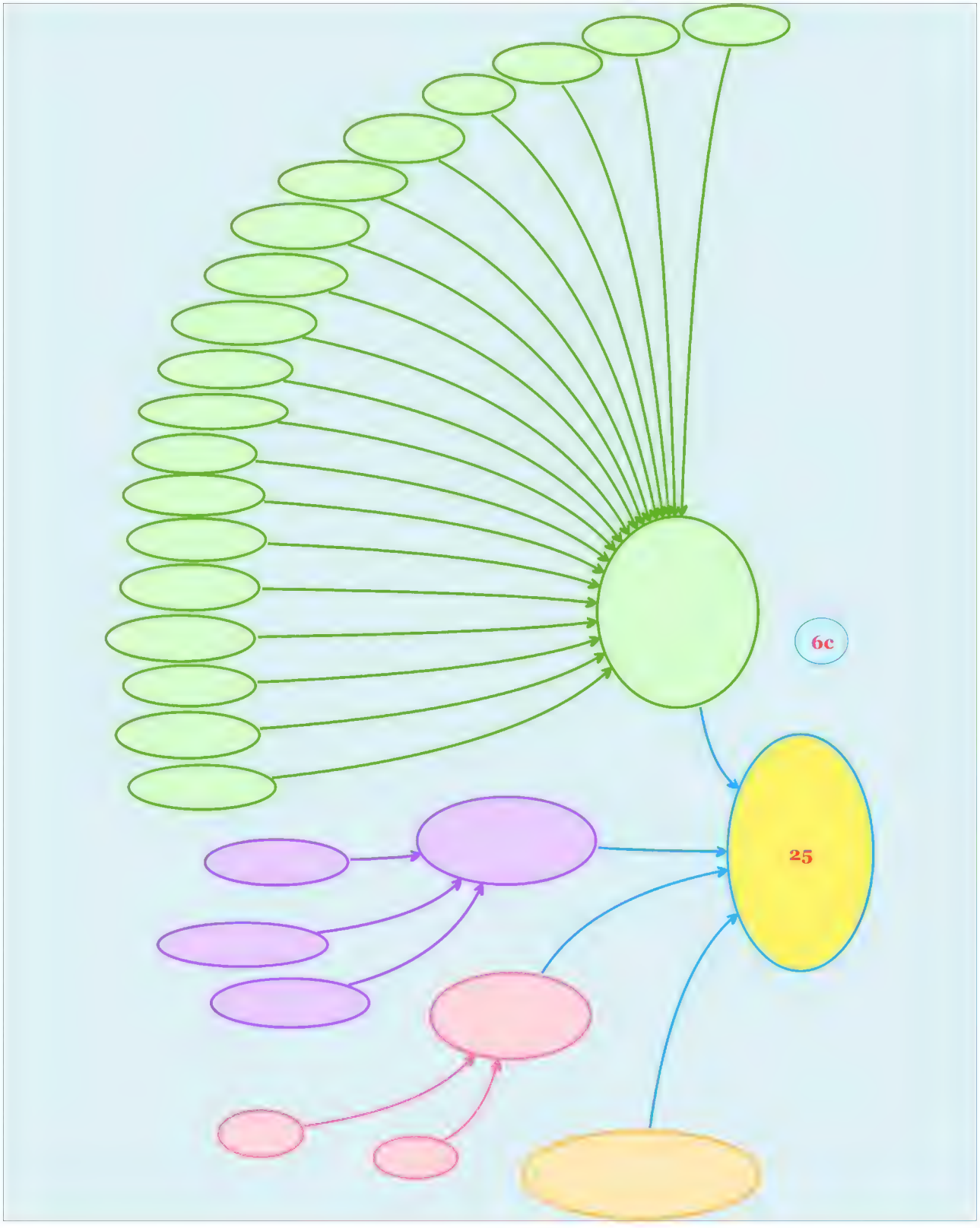
6c
25

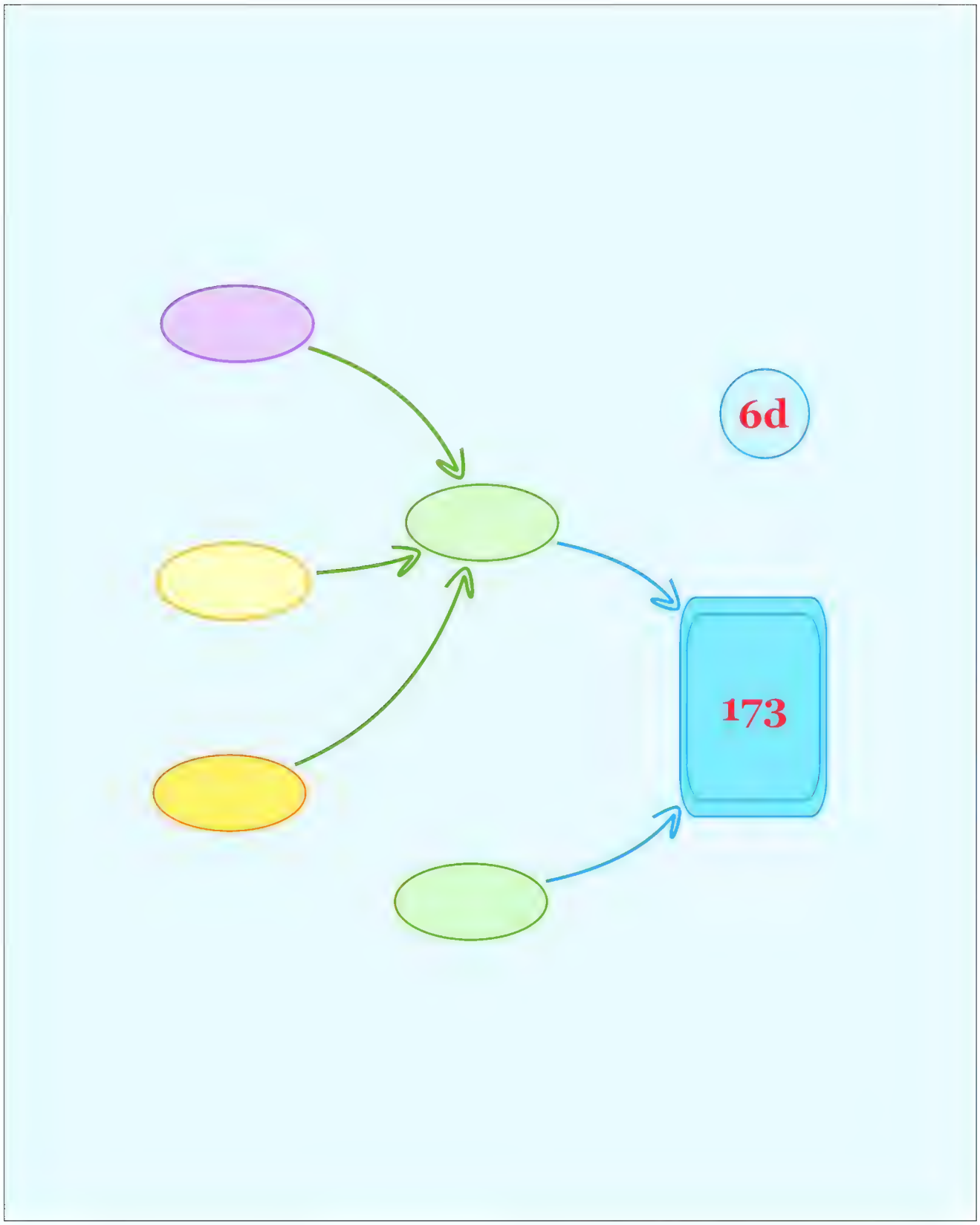
6d
173

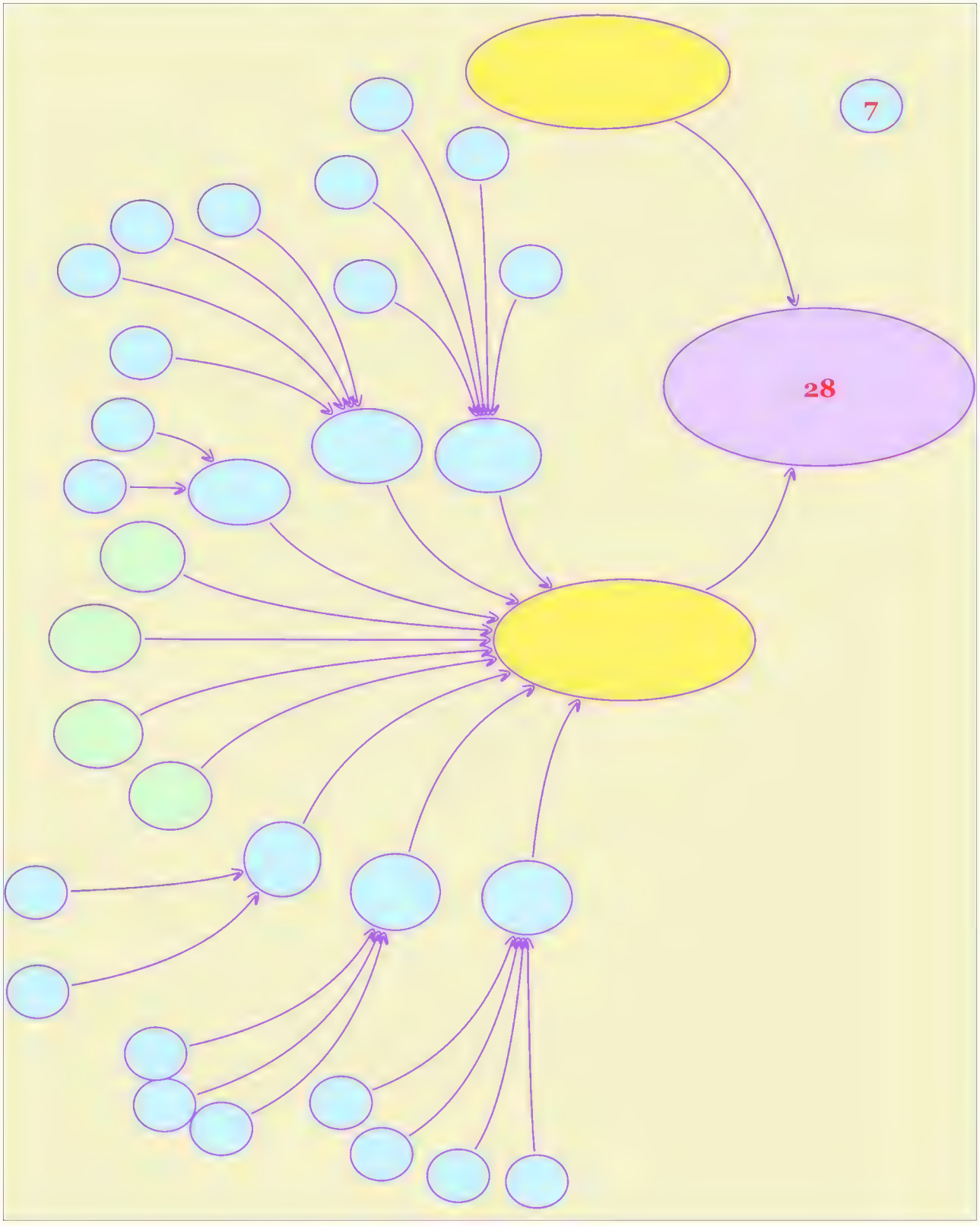
7
28

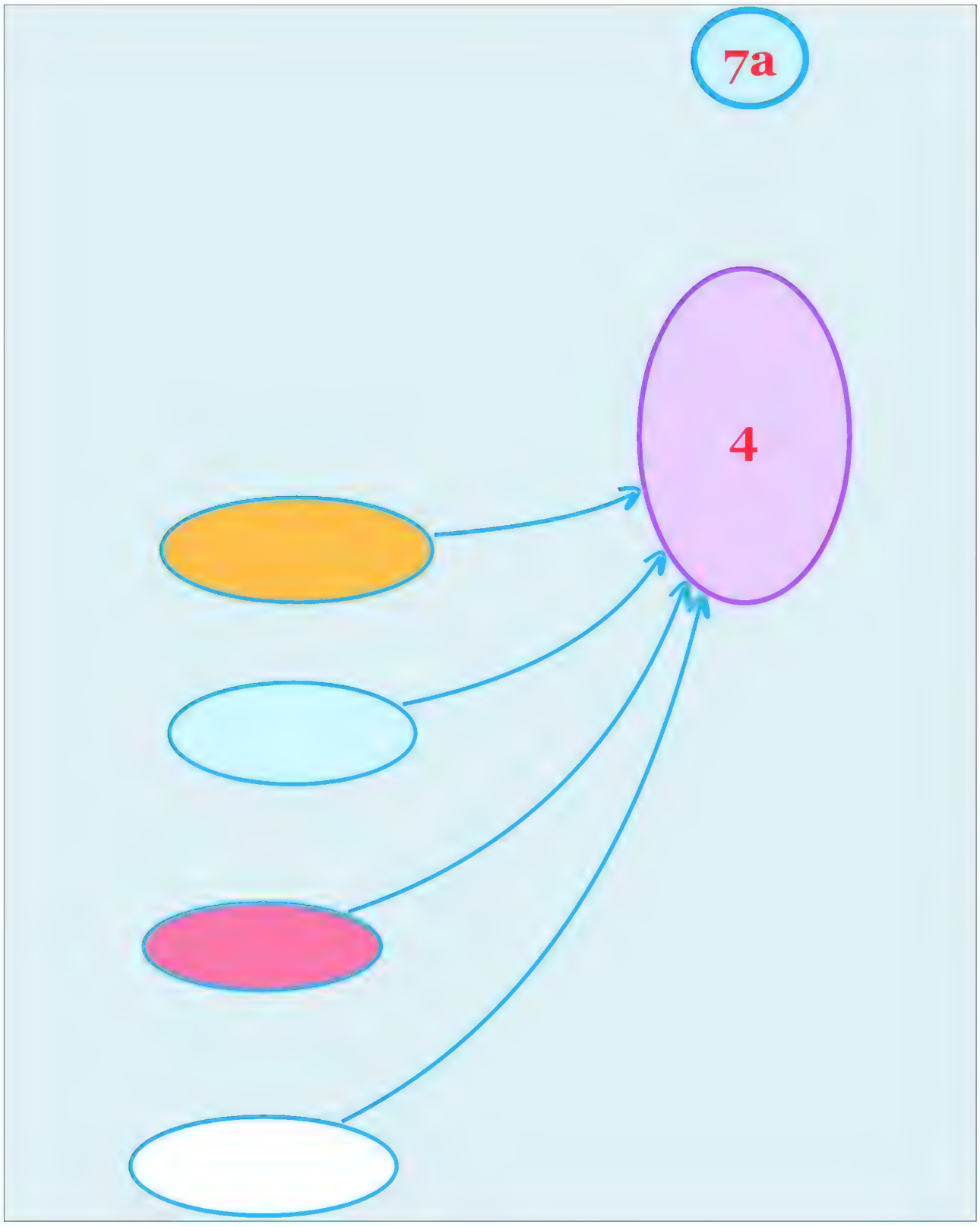
7a
4

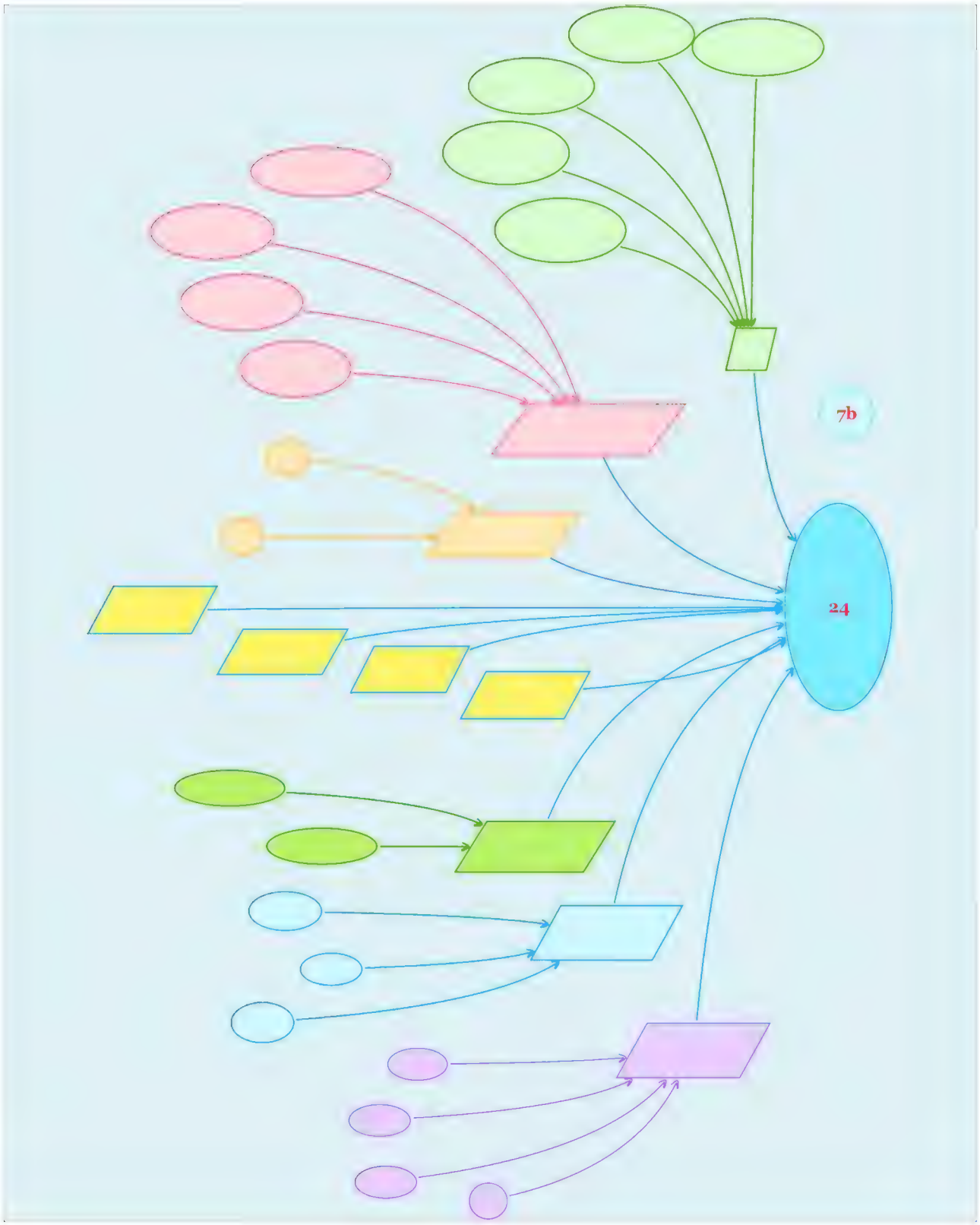
7b
24

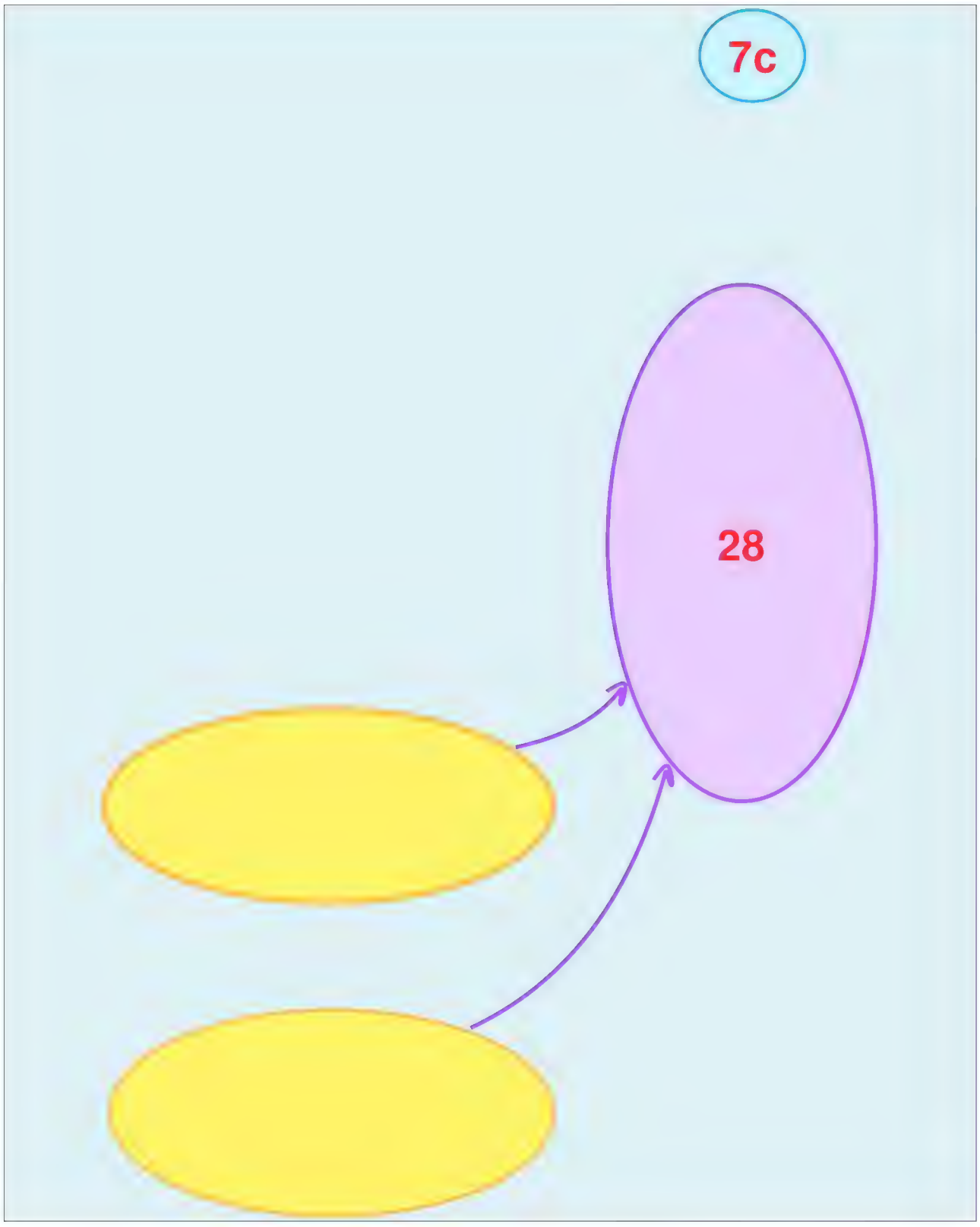
7c
28

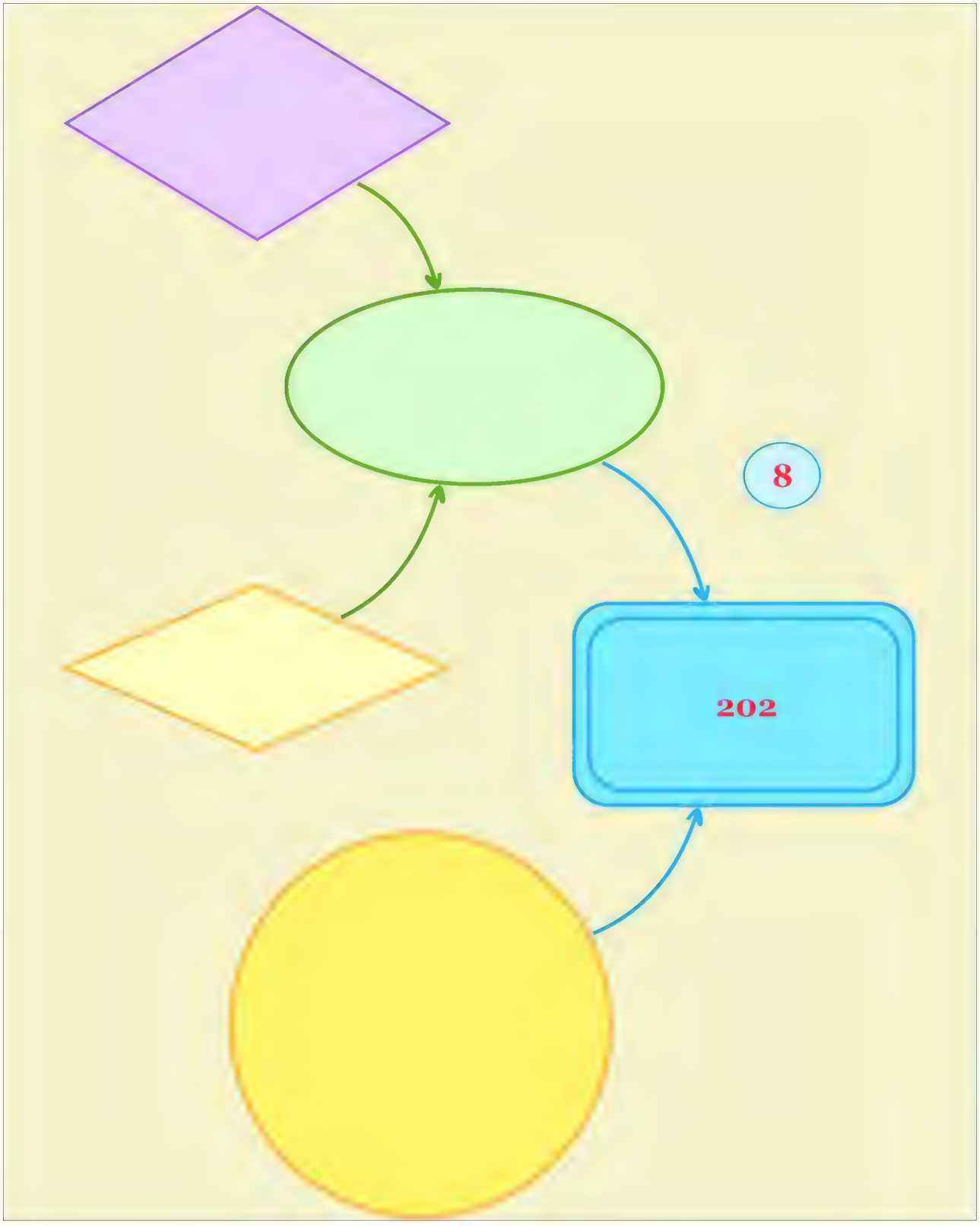
8
202

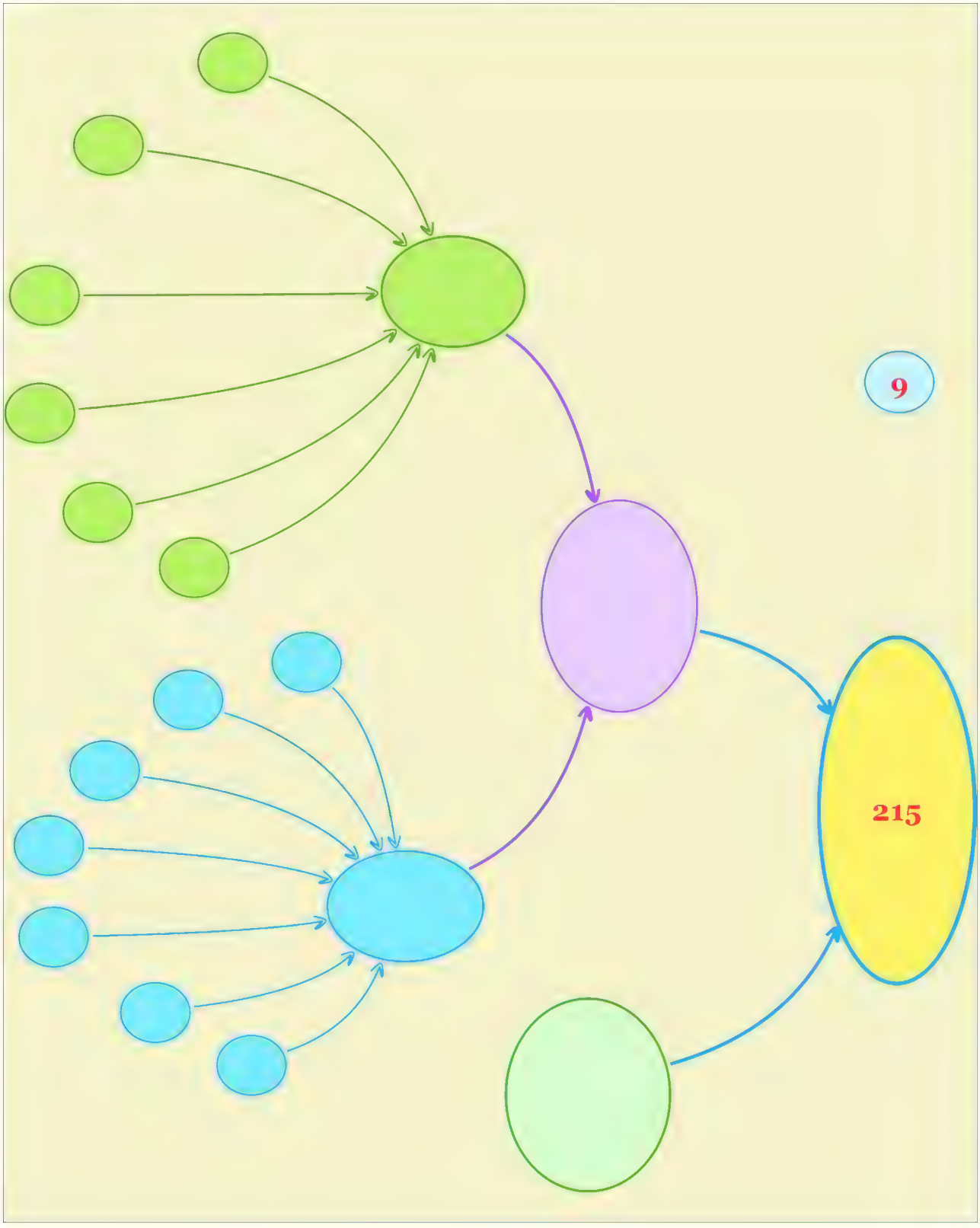
9
215

CHƯƠNG IX
(BÀI 7)

ĐỊNH NGHĨA
DANH TỪ ABHIDHAMMA

1. Pháp:

Là tất cả

2. Pháp Tục Đế:

Là pháp thuộc về sự thật của thế tục.

3. Pháp Chân Đế:

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật.

4. Chân Đế vô vi:

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà không còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý. Còn gọi là Niết Bàn.

5. Chân Đế hữu vi:

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý.

6. Sắc pháp:

Là pháp thuộc về sắc.

7. Danh pháp:

Là pháp thuộc về danh.

8. Sở hữu tâm:

Là pháp phụ thuộc tâm.

9. Tâm:

Là sự biết cảnh.

10. Tâm Siêu Thế:

Là tâm biết cảnh ngoài thế gian, tức biết cảnh Niết Bàn.

11. Tâm Hiệp Thế:

Là tâm biết cảnh hợp thế gian.

12. Tâm Đáo Đại:

Là tâm biết cảnh lớn tức cảnh đề mục thiền sắc giới, thiền vô sắc giới.

13. Tâm Dục Giới:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp.

14. Tâm Dục Giới Tịnh Hảo:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

15. Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà không có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

16. Tâm Vô Nhân:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà không có 6 nhân tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

17. Tâm Bất Thiện:

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 14 sở hữu bất thiện cùng sanh.

18. Tâm Tham:

Là Tâm biết cảnh lục trần. lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần (3) cùng sanh.

19. Tâm Sân:

Là Tâm biết cảnh lục trần lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần (4) cùng sanh.

20. Tâm Si:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu si phần (4) cùng sanh.

21. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có thọ hỷ vui mừng, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn không chần chừ, chậm chạp.

Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng, đồng thời nghĩ rằng không có tội. Trộm cắp một cách nhanh nhẹn, không cần sự trợ giúp của bất cứ ai.

22. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, có tà kiến, có sự trợ giúp.

Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng đồng thời nghĩ rằng không có tội. Và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

23. Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.

24. Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

25. Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ:
Là Tâm biết cảnh lục, trần lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn, không chần chừ, chậm chạp.

26. Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, có tà kiến, có sự trợ giúp.

27. Tâm Tham thọ xả ly tà vô trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.

28. Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham

phần cùng sanh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

29. Tâm Sân thọ ưu hợp phấn vô trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phẫn nộ, không có sự trợ giúp.

30. Tâm Sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phẫn nộ, có sự trợ giúp.

31. Tâm Si thọ xả hợp hoài nghi:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, về luân hồi tái sanh, về Phật, Pháp, Tăng v...v...

32. Tâm Si thọ xả hợp phóng dật:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự phóng túng, lao chao, loạn động.

33. Tâm Quả bất thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà chỉ là cảnh xấu.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

34. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện,

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

35. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thinh xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

36. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của mũi khi bắt cảnh khí hôi thối không vừa lòng, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

37. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi khi bắt cảnh vị xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

38. Tâm Thân thức thọ khổ Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thần kinh thân khi bắt cảnh xúc xấu, có cảm thọ khổ.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

39. Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

40. Tâm Quan sát thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người ở cõi khổ.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

41. Tâm Quả thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí (hương), cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

42. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc tốt, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

43. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thinh tốt, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

44. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của mũi khi tiếp xúc với cảnh khí tốt tức là hương thơm, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

45. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi khi tiếp xúc với cảnh vị ngon, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

46. Tâm Thân thức thọ lạc Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thần kinh thân khi tiếp xúc với cảnh xúc êm ái, có cảm thọ lạc.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

47. Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm tiếp thâu cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

48. Tâm Quan sát thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người lạc vô nhân.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

49. Tâm Quan sát thọ hỷ Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, nhưng vì cảnh quá tốt, quá đặc biệt nên có cảm thọ hỷ.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

50. Tâm Duy tác vô nhân:

Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp chỉ duy nhất có hành động mà không có kết quả của hành động.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

51. Tâm Khán Ngũ môn thọ xả:
Là Tâm hướng đến 5 cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, có cảm thọ xả.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

52. Tâm Khán Ý môn thọ xả:
Là Tâm hướng đến cảnh pháp, có cảm thọ xả.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

53. Tâm Ưng cúng vi tiếu thọ hỷ:
Là Tâm làm việc cười của bậc A La Hán.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

54. Tâm Thiện dục giới tịnh hảo:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành.
Tâm này có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

55. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

Ví dụ như một người thấy một vị sư đi khất thực lòng rất vui mừng liền nhanh chóng cúng dường thức ăn và nghĩ rằng cúng dường được phước báu. Vui mừng là thọ hỷ. Biết cúng dường có phước là hợp trí. Bố thí cúng dường là tâm thiện dục giới. Cúng dường nhanh chóng là vô trợ.

56. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

57. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

58. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

59. Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ:

Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, không có sự trợ giúp.

60. Tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

61. Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

62. Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

63. Tâm Quả dục giới tịnh hảo:
Là Quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

64. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

65. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

66. Tâm Quả thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.

67. Tâm Quả thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ.

68. Tâm Quả thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ.

69. Tâm Quả thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ.

70. Tâm Quả thọ xả ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ.

71. Tâm Quả thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ.

72. Tâm Duy tác dục giới tịnh hảo:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như tâm thiện dục giới tịnh hảo nhưng không cho quả.

73. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không cho quả.

74. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ nhưng không cho quả.

75. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ nhưng không cho quả.

76. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ nhưng không cho quả.

77. Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ nhưng không cho quả.

78. Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ nhưng không cho quả.

79. Tâm Duy Tác thọ xả ly trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ nhưng không cho quả.

80. Tâm Duy Tác thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ nhưng không cho quả.

81. Tâm sắc giới:
Là Tâm biết cảnh đề mục thiền sắc giới liên quan đến cõi sắc giới .

82. Tâm Thiện sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới.

83. Tâm Thiện sơ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

Có 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

84. Tâm Thiện nhị thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

Có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

85. Tâm Thiện tam thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

Có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

86. Tâm Thiện tứ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

Có 2 chi thiền là lạc và nhất tâm.

87. Tâm Thiện ngũ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

Có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

88. Tâm Quả sắc giới:

Là Quả của tâm thiện sắc giới.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi sắc giới.

89. Tâm Quả sơ thiền sắc giới:

Là Quả của tâm thiện sơ thiền sắc giới.

90. Tâm Quả nhị thiền sắc giới:

Là Quả của tâm thiện nhị thiền sắc giới.

91. Tâm Quả tam thiền sắc giới:

Là Quả của tâm thiện tam thiền sắc giới.

92. Tâm Quả tứ thiền sắc giới:

Là Quả của tâm thiện tứ thiền sắc giới.

93. Tâm Quả ngũ thiền sắc giới:

Là Quả của tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

94. Tâm Duy Tác sắc giới:

Là Tâm tu thiền đắc thiền sắc giới của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như tâm thiện sắc giới nhưng không cho quả.

95. Tâm Duy Tác sơ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất của các bậc A La Hán.

Có 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

96. Tâm Duy Tác nhị thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 2 của các bậc A La Hán.

Có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

97. Tâm Duy Tác tam thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 3 của các bậc A La Hán.

Có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

98. Tâm Duy Tác tứ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 4 của các bậc A La Hán.

Có 2 chi thiền là lạc và nhất tâm.

99. Tâm Duy Tác ngũ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 5 của các bậc A La Hán.

Có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

100. Tâm vô sắc giới:

Là tâm tu thiền đề mục vô sắc, liên quan đến cõi vô sắc.

101. Tâm Thiện vô sắc giới:

Là tâm thiện tu thiền và đắc thiền đề mục vô sắc.

102. Tâm Thiện không vô biên xứ:

Là tâm tu thiền và đắc thiền đề mục hư không không biên giới, vô cùng tận, không bờ mé.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi không vô biên xứ.

103. Tâm Thiện thức vô biên xứ:

Là tâm tu thiền và đắc thiền đề mục thức không biên giới, thức không cùng tận, thức không bờ mé.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi thức vô biên xứ.

104. Tâm Thiện vô sở hữu xứ:

Là tâm tu thiền và đắc thiền đề mục không có chi cả. Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi vô sở hữu xứ.

105. Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ:

Là tâm tu thiền đắc thiền đề mục không có tưởng cũng không không có tưởng.

Trạng thái tâm này rất vi tế, dường như không có tưởng nhưng chẳng phải là không có tưởng .

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

106. Tâm Quả vô sắc giới:

Là Quả của Tâm Thiện vô sắc giới.

Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi vô sắc.

107. Tâm Quả không vô biên xứ:

Là Quả của Tâm Thiện không vô biên xứ.

108. Tâm Quả thức vô biên xứ:
Là Quả của Tâm Thiện thức vô biên xứ.

109. Tâm Quả vô sở hữu xứ:
Là Quả của Tâm Thiện vô sở hữu xứ.

110. Tâm Quả phi tưởng phi phi tưởng xứ:
Là Quả của Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.

111. Tâm Duy Tác vô sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục vô sắc của các bậc A La Hán.

112. Tâm Duy Tác không vô biên xứ:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục không vô biên xứ của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như Tâm Thiện không vô biên xứ nhưng không cho quả.

113. Tâm Duy Tác thức vô biên xứ:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục thức vô biên xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện thức vô biên xứ nhưng không cho quả.

114. Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục vô sở hữu xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện vô sở hữu xứ nhưng không cho quả.

115. Tâm Duy Tác phi tưởng phi phi tưởng xứ:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục phi tưởng phi phi tưởng xứ của các bậc A La Hán.

Tâm này cũng giống như Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ nhưng không cho quả.

116. Tâm Đạo:

Là Tâm đắc đạo.

Là tâm đang sát trừ phiền não.

Là tâm đang thấy rõ Niết Bàn.

117. Tâm Sơ đạo:

Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất.

Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ nhất.

Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.

Tâm Sơ Đạo diệt trừ được: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ.

Tâm Sơ đạo:
cũng được gọi là Thất lai đạo,
cũng được gọi là Dự lưu đạo hay Nhập lưu đạo,
cũng được gọi là Tu Đà Hườn đạo.

118. Tâm Sơ đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

119. Tâm Sơ đạo Nhị thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

120. Tâm Sơ đạo Tam thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

121. Tâm Sơ đạo Tứ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

122. Tâm Sơ đạo Ngũ thiền:

Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

123. Tâm Nhị đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2.
Là tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 2.
Là tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2.
Tâm Nhị đạo làm giảm nhẹ: Dục ái và Sân.
Tâm Nhị đạo cũng được gọi là Nhất lai đạo.
Cũng được gọi là Tư Đà Hàm đạo.

124. Tâm Nhị đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

125. Tâm Nhị đạo Nhị thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

126. Tâm Nhị đạo Tam thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

127. Tâm Nhị đạo Tứ Thiền:

Là Tâm đắc đạo lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

128. Tâm Nhị đạo Ngũ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

129. Tâm Tam đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 3.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.
Tâm Tam đạo diệt trừ được Dục ái và Sân.
Tâm Tam đạo cũng được gọi là Bất lai đạo, cũng được gọi là A Na Hàm đạo.

130. Tâm Tam đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

131. Tâm Tam đạo Nhị thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

132. Tâm Tam đạo Tam thiền:

Là Tâm đắc đạo lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

133. Tâm Tam đạo Tứ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

134. Tâm Tam đạo Ngũ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

135. Tâm Tứ đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 4.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4.
Tâm Tứ đạo diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.
Tâm Tứ đạo cũng được gọi là Vô Sanh đạo tức, cũng được gọi là A La Hán đạo.

136. Tâm Tứ đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.
137. Tâm Tứ đạo Nhị thiền:

Là Tâm đắc đạo lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

138. Tâm Tứ đạo Tam thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

139. Tâm Tứ đạo Tứ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

140. Tâm Tứ đạo Ngũ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

141. Tâm Quả Siêu Thế:
Là Tâm đắc quả siêu thế.
Là Tâm đã sát trừ phiền não.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn.

142. Tâm Sơ quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ nhất.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.

Tâm Sơ quả đã diệt trừ được Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ.

143. Tâm Sơ quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

144. Tâm Sơ quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

145. Tâm Sơ quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

146. Tâm Sơ quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

147. Tâm Sơ quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

148. Tâm Nhị quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2.

Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 2.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2.
Tâm Nhị quả làm giảm nhẹ Dục ái và Sân.

149. Tâm Nhị quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

150. Tâm Nhị quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

151. Tâm Nhị quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

152. Tâm Nhị quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

153. Tâm Nhị quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

154. Tâm Tam quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 3.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.
Tâm Tam quả diệt trừ được Dục ái và Sân.

155. Tâm Tam quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

156. Tâm Tam quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

157. Tâm Tam quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

158. Tâm Tam quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

159. Tâm Tam quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

160. Tâm Tứ quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 4.
Là tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4.
Tâm Tứ quả diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.

161. Tâm Tứ quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

162. Tâm Tứ quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

163. Tâm Tứ quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

164. Tâm Tứ quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

165. Tâm Tứ quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4

và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

166. Sở Hữu Tợ Tha:

Là những sở hữu tương tợ theo các pháp khác.

Nếu chúng hợp với tâm thiện thì là pháp thiện.

Nếu chúng hợp với tâm bất thiện thì là pháp bất thiện.

Nếu chúng hợp với tâm vô ký thì là pháp vô ký.

167. Sở Hữu Biến Hành:

Là sở hữu có mặt, đồng hành với 121 tâm.

168. Sở Hữu Xúc:

Là sự gặp gỡ tiếp xúc giữa 6 vật (nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật), hoặc 6 căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn), với 6 cảnh (cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp), và với 6 thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

Có 6 loại xúc là:

Nhãn xúc (nằm trong nhãn thức),

Nhĩ xúc (nằm trong nhĩ thức),

Tỷ xúc (nằm trong tỷ thức),

Thiệt xúc (nằm trong thiệt thức),
Thân xúc (nằm trong thân thức),
Ý xúc (nằm trong ý thức).

169. Sở Hữu Thọ:

Thọ là trạng thái tiếp nhận các cảm thọ từ các đối tượng.

Thọ có 5 thứ và 6 loại.

5 thứ là:

Thọ Khổ: Đau nhức thân
Thọ Lạc: Êm ái thân
Thọ Ưu: Ưu phiền, đau đớn của tâm
Thọ Hỷ: Vui mừng, dễ chịu của tâm
Thọ Xả: ngoài ra ưu, hỷ, lạc, khổ.

6 loại là:

Nhãn thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm nhãn thức để tiếp nhận cảnh sắc.

Nhĩ thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm nhĩ thức để tiếp nhận cảnh thinh.

Tỷ thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm tỷ thức để tiếp nhận cảnh khí.

Thiệt thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm thiệt thức để tiếp nhận cảnh vị.

Thân thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm thân thức để tiếp nhận cảnh xúc.

Ý thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm ý thức để tiếp nhận cảnh pháp.

170. Sở Hữu Tưởng:

Tưởng là trạng thái nhớ lại, hồi tưởng lại những cảnh vật đã qua, đã mất, đã diệt mà trước kia đã từng gặp.

Tưởng có 6 loại là:

Sắc tưởng, thinh tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

171. Sở Hữu Tư:

Tư là trạng thái cố ý, cố quyết, cố tâm, cũng còn gọi là nghiệp.

Sở Hữu Tư có 6 loại là:

Sắc tư, thinh tư, khí tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

172. Sở Hữu Nhất Hành:

Là trạng thái gom tâm vào một đề mục chong ngay vào cảnh, an trụ vào đối tượng, hay còn gọi là Sở hữu Định.

173. Sở Hữu Mạng Quyền:

Là Sở Hữu có quyền bảo vệ mạng sống của các danh pháp khác.

Gọi là mạng vì bảo tồn sự sống của các danh pháp trong 3 sát na tiểu (sanh, trụ, diệt).

Gọi là quyền vì có quyền điều hành các danh pháp cùng sanh, cùng làm một phận sự.

174. Sở Hữu Tác Ý:

Là trạng thái gom thâu đối tượng làm thành cảnh cho tâm.

175. Sở Hữu Biệt Cảnh:

Là những sở hữu tuỳ theo những hoàn cảnh riêng biệt, có mặt với một số tâm này, không có mặt với một số tấm kia.

176. Sở Hữu Tầm:

Là trạng thái tâm lý hướng tâm đến cảnh hay đem tâm đến đối tượng.

Tầm tức là tìm kiếm cảnh cho tâm.
Ví dụ như con ong bay đi tìm hoa.

Tầm có 6 loại là:
Sắc tầm, thinh tầm, khí tầm, vị tầm, xúc tầm, pháp tầm.

177. Sở Hữu Tứ:
Là trạng thái tâm lý quan sát đối tượng một cách khắn khít, chăm chú.
Ví dụ như con ong bay rà rà chung quanh cái bông mà nó đã gặp.

Tứ có 6 loại là:
Sắc tứ, khinh tứ, khí tứ, vị tứ, xúc tứ,
pháp tứ.

178. Sở Hữu Thắng Giải:
Là trạng thái tâm lý quyết đoán, giải quyết một cách thù thắng trước một sự vật.
Ví dụ như vị quan toà tuyên án một vụ kiện.

179. Sở Hữu Cần:

Là trạng thái tâm lý siêng năng, tinh tấn, cần mẫn, chuyên cần, cố gắng, nỗ lực.

180. Sở Hữu Hỷ:

Là trạng thái tâm lý no vui bằng cảnh.

181. Sở Hữu Dục:

Là trạng thái tâm lý mong muốn.

Dục có 3 loại là:

a. Tham Dục: Ham muốn lục trần, lục dục.

b. Pháp dục: Ham muốn làm các thiện pháp.

c. Tác Dục: Ham muốn làm các thiện pháp của các bậc A La Hán.

182. Sở Hữu Bất Thiện:

Là những trạng thái tâm lý không lành, không tốt, ác, xấu.

183. Sở Hữu Bất Thiện biến hành còn gọi là Sở Hữu Si phần:

Là trạng thái tâm lý có mặt phổ biến, đồng hành với 12 tâm bất thiện.

184. Sở Hữu Si:

Là trạng thái tâm lý mê mờ, tăm tối, ngược với trí tuệ, đồng nghĩa với vô minh.

Chính vì Sở Hữu Si làm cho tâm chúng sanh đen tối không biết rõ pháp chơn đế như Tứ đế, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới.

185. Sở Hữu Vô tàm:

Là trạng thái tâm lý không hổ thẹn với tội lỗi.

186. Sở Hữu Vô uý (Vô quý):

Là trạng thái tâm lý không ghê sợ tội lỗi.

187. Sở Hữu Phóng dật:

Là trạng thái tâm lý phóng túng, dao động, bị trần cảnh chi phối.

188. Sở Hữu Tham phần:

Là những sở hữu trong thành phần của ham muốn.

189. Sở Hữu Tham:

Là trạng thái tâm lý tham đắm, chấp trước, luyến ái, say đắm đối tượng sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp.

190. Sở Hữu Tà kiến:
Là trạng thái tâm lý thấy sai, hiểu lầm, hiểu không đúng.

191. Sở Hữu Ngã mạn:
Là trạng thái tâm lý tự đắc, tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn, tự tôn.

192. Sở Hữu Sân phần:
Là nhóm trạng thái tâm lý sân hận, khó chịu, nóng nảy, bực bội, bất toại nguyện, không vừa ý.

193. Sở Hữu Sân:
Là trạng thái tâm lý bất bình, phẫn nộ, ưu phiền.

194. Sở Hữu Tật:
Là trạng thái tâm lý ganh tỵ, tật đố.

195. Sở Hữu Lận:
Là trạng thái tâm lý keo kiệt, bỏn xẻn, bón rít, hà tiện.

196. Sở Hữu Hối:

Là trạng thái tâm lý hối tiếc những việc đã qua: hối hận việc ác đã làm, hối tiếc việc thiện đã bỏ qua.

197. Sở Hữu Hôn phần:

Là những trạng thái tâm lý mê mờ, yếu đuối, lười biếng, dã dượi.

198. Sở Hữu Hôn trầm:

Là trạng thái tâm lý lười biếng, lui sụt.

199. Sở Hữu Thuỵ miên (Thuỳ miên):

Là trạng thái tâm lý buồn ngủ, dã dượi.

200. Sở Hữu Hoài nghi:

Là trạng thái tâm lý lưỡng lự, phân vân, nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, tái sanh.

201. Sở Hữu Tịnh Hảo:

Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp.

202. Sở Hữu Tịnh Hảo biến hành:

Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp. Có mặt trong 91 tâm tịnh hảo.

203. Sở Hữu Tín:

Là trạng thái tâm lý tin tưởng, tín ngưỡng.

Tín có 2 loại: Phàm tín và Thánh tín.

hoặc là Chánh tín và Tà tín.

204. Sở Hữu Niệm:

Là trạng thái tâm lý biết ngay, biết rõ ở thời điểm hiện tại.

Niệm có 4 đối tượng là: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

205. Sở Hữu Tàm:

Là trạng thái tâm lý hổ thẹn với tội lỗi, mắc cỡ với tội lỗi.

206. Sở Hữu Uý (Quý):

Là trạng thái ghê sợ với tội lỗi.

207. Sở Hữu Vô tham:

Là trạng thái tâm lý không tham muốn lục dục, lục trần.

Ví dụ như nước không dính lá sen.

208. Sở Hữu Vô sân:

Là trạng thái tâm lý không nóng nảy, không sân hận, không bất bình, không bất mãn, không bất toại nguyện. Vô sân đồng nghĩa với tâm từ.

209. Sở Hữu Hành xả:
Là trạng thái tâm lý quân bình, không thiên lệch.

210. Sở Hữu Tịnh thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được an tịnh.

211. Sở Hữu Tịnh tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được an tịnh.

212. Sở Hữu Khinh thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được nhẹ nhàng.

213. Sở Hữu Khinh tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được nhẹ nhàng.

214. Sở Hữu Nhu thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được mềm mại, nhu nhuyến.

215. Sở Hữu Nhu tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được mềm mại, nhu nhuyến.

216. Sở Hữu Thích thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

217. Sở Hữu Thích tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

218. Sở Hữu Thuần thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được thuần thục.

219. Sở Hữu Thuần tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được thuần thục.

220. Sở Hữu Chánh thân:

Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được chân chánh, ngay thẳng.

221. Sở Hữu Chánh tâm:

Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được chân chánh, ngay thẳng.

Ví dụ như kim chỉ nam giúp cho kẻ lữ hành không lạc hướng.

222. Sở Hữu Giới phần:

Là những sở hữu có năng lực sát trừ nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với tâm siêu thế; chế ngự nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với Tâm Thiện dục giới tịnh hảo.

223. Sở hữu Chánh ngữ:

Là trạng thái tâm lý điều khiển lời nói chân chánh; là ngăn ngừa hoặc sát trừ ác nghiệp của khẩu; là không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời chia rẽ, không nói lời vô ích.

224. Sở hữu Chánh nghiệp:

Là trạng thái tâm lý ngăn ngừa và sát trừ ác nghiệp của thân: là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

225. Sở Hữu Chánh mạng:

Là trạng thái tâm lý ngăn ngừa và sát trừ sự nuôi mạng bằng cách tà vạy, là không dùng thân, khẩu, ý ác để nuôi mạng.

226. Sở Hữu Vô lượng phần:

Là trạng thái tâm lý lấy vô lượng chúng sanh đau khổ và hạnh phúc làm đối tượng.

227. Sở Hữu Bi:

Là trạng thái tâm lý thương xót chúng sanh đau khổ.

228. Sở Hữu Tuỳ hỷ:

Là trạng thái tâm lý vui theo sự hạnh phúc hay thành công của tất cả chúng sanh, dù là người thân hay kẻ thù.

229. Sở Hữu Trí tuệ:

Là trạng thái tâm lý sáng suốt, thông minh, hiểu biết sự vật đúng với sự thật. Hiểu biết Tứ đế. Ngược lại với vô minh.

230. Sắc Tứ Đại:

Là 4 sắc lớn: Đất, Nước, Lửa, Gió.

231. Sắc Đất:

Là sắc pháp có trạng thái cứng hoặc mềm.

232. Sắc Nước:

Là sắc pháp có trạng thái thấm, rịn, tươm, ướt, chảy ra và quến lại.

233. Sắc Lửa:

Là sắc pháp có trạng thái lạnh hoặc nóng.

234. Sắc Gió:

Là sắc pháp có trạng thái chuyển động, rung động, rung chuyển, di chuyển.

235. Sắc Y Đại Sinh:

Là sắc pháp y cứ theo Tứ đại mà sinh ra.

236. Sắc Thần kinh:
Là tinh chất của Tứ đại.

237. Sắc Thần kinh Nhãn:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Nhãn thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh sắc.
Có hình như đầu con chí đực, nằm trong mống mắt con ngươi.

238. Sắc Thần kinh Nhĩ:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Nhĩ thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh thinh.
Có hình như lông con cừu, nằm trong lỗ tai.

239. Sắc Thần kinh Tỷ:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Tỷ thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh khí.
Có hình như móng chân con dê, nằm trong lỗ mũi.

240. Sắc Thần kinh Thiệt:

Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Thiệt thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh vị.
Có hình như đầu lông con nhím, nằm trong lưỡi.

241. Sắc Thần kinh Thân:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của thân thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh xúc.
Sắc thần kinh thân phủ trùm khắp toàn thân.

242. Sắc Cảnh giới:
Là đối tượng của 5 sắc thần kinh.
Đó là cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, còn cảnh xúc là Đất, Lửa, Gió trong sắc Tứ đại.

243. Sắc Cảnh sắc:
Là tất cả hình, sắc, vật mà mắt thấy được.
244. Sắc Cảnh thinh:
Là tất cả tiếng, âm thanh mà tai nghe được.

245. Sắc Cảnh khí:
Là tất cả hơi hay mùi mà mũi ngửi được.

246. Sắc Cảnh vị:

Là tất cả vị cay, đắng, ngọt, bùi mà lưỡi nếm được.

247. Sắc Tính:

Là sắc pháp biểu hiện tính nam hoặc tính nữ.

248. Sắc Nam tính:

Là sắc pháp biểu hiện tướng trạng của người nam, giống đực, trống, có trạng thái hùng dũng, cứng cỏi.

249. Sắc Nữ tính:

Là sắc pháp biểu hiện tướng trạng của người nữ, giống cái, mái, có trạng thái ôn hoà, dịu dàng, yểu điệu, yếu ớt, hiền hoà, dễ thương.

250. Sắc Ý vật:

Là sắc trái tim, hay sắc bộ não, hoặc sắc nào mà ý thức nương nhờ sinh ra.

251. Sắc Mạng quyền:

Là sắc pháp có khả năng bảo tồn các sắc nghiệp đồng sanh được tồn tại.

252. Sắc Vật thực:

Là sắc pháp có chất dinh dưỡng, có đặc tính nuôi dưỡng các sắc pháp khác được phát triển lớn mạnh.

253. Sắc Hư không:

Là khoảng giữa của các sắc pháp.

254. Sắc Biểu tri (biểu - hiện; tri - bày):

Là sắc pháp biểu hiện tri bày, hiện bày nơi thân, hoặc khẩu để khi thấy hoặc nghe mà hiểu được.

255. Sắc Thân biểu tri:

Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng thân như cử động, múa tay, ra dấu để người khác thấy mà biết được.

256. Sắc Khẩu biểu tri:

Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng miệng như tiếng nói, tiếng cười để người khác nghe mà hiểu được.

257. Sắc Đặc biệt:

Là sắc pháp có tính chất riêng biệt, thù thắng.

258. Sắc Khinh:
Là sắc pháp có trạng thái nhẹ nhàng.

259. Sắc Nhu:
Là sắc pháp có trạng thái mềm dịu, không thô cứng.

260. Sắc Thích nghiệp:
Là sắc pháp có trạng thái thích hợp với việc làm.

261. Sắc Tứ tướng:
Là sắc pháp có tướng trạng riêng biệt.

262. Sắc Sinh:
Là sắc pháp vừa sinh khởi, vừa sinh ra.

263. Sắc Tiến:
Là sắc pháp được phát triển, tăng thêm.

264. Sắc Dị:
Là sắc già đi, khác đi.

265. Sắc Diệt:
Là sắc pháp bị tiêu hoại, tiêu diệt.

266. Danh chế định:
Là đặt tên cho các pháp.

267. Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một sự thật chơn đế.
Ví dụ như tâm tham...

268. Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp không phải là sự thật.
Ví dụ như chồng, vợ, sư phụ, đệ tử...

269. Danh chơn Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp đầu có thực và pháp sau là không có thực.
Ví dụ như tâm tham của tôi...

270. Phi danh chơn Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực và pháp sau là có thực.
Ví dụ như tôi có trí tuệ...

271. Danh chơn Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu có thực và pháp sau cũng có thực.

Ví dụ như tâm chánh niệm...

272. Phi danh chơn Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực mà pháp sau cũng không có thực.
Ví dụ như chồng của em, sư phụ của con...

273. Nghĩa chế định:
Là dùng ý nghĩa để đặt tên cho các pháp.

274. Hình thức chế định:
Là dùng hình thức để đặt tên cho các pháp.
Ví dụ như biển, núi, sông, hồ...

275. Hiệp thành chế định:
Là hợp lại nhiều bộ phận để đặt tên cho các pháp.
Ví dụ như rui, mè, kèo, cột hợp lại thành một ngôi nhà

276. Chúng sanh chế định:
Là nhìn các loại chúng sanh mà đặt tên.
Ví dụ như thú, người, trời, ma, quỷ, thánh, thần, tiên, Phật...

277. Phương hướng chế định:
Là nhìn phương hướng mà đặt tên.
Ví dụ như Đông, Tây, Nam, Bắc.

278. Thời gian chế định:
Là nhìn thời gian mà đặt tên.
Ví dụ như Xuân, Hạ, Thu, Đông, sáng, trưa, chiều, tối.

279. Hư không chế định:
Là nhìn các chỗ trống, khe hở, khoảng hư không mà đặt tên.
Ví dụ như giếng, hang, hố, huyệt...

280. Hình tướng chế định:
Là nhìn những tướng trạng khác nhau mà đặt tên.
Ví dụ như lá cờ, bảng hiệu, tượng Phật.

Virginia USA
21-20-2020

CHƯƠNG X

280 ĐỊNH NGHĨA BẰNG HÌNH DANH TỪ ABHIDHAMMA

1.Pháp:
Là tất cả.

2. Pháp tục đế:
Pháp thuộc về sự thật của thế tục.

3. Pháp Chân Đế:
Pháp thuộc về sự thật của sự thật.

4. Chân Đế vô vi:
Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà không còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý. Còn gọi là Niết Bàn.

5. Chân Đế hữu vi:
Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý.

6. Sắc pháp:
Là pháp thuộc về sắc.

7. Danh pháp:
Là pháp thuộc về danh.

8. Sở hữu tâm:
Là pháp phụ thuộc tâm

9. Tâm:
Là sự biết cảnh.

10. Tâm Siêu Thế:
Là tâm biết cảnh ngoài thế gian, tức biết cảnh Niết Bàn.

11. Tâm Hiệp Thế:
Là tâm biết cảnh hợp thế gian.

12. Tâm Đáo Đại:
Là tâm biết cảnh lớn tức cảnh đề mục thiền sắc giới, thiền vô sắc giới.

13. Tâm Dục Giới:
Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp.

14. Tâm Dục Giới Tịnh Hảo:
Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

15. Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo:
Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà không có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

16. Tâm Vô Nhân:
Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà không có 6 nhân tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

17. Tâm Bất Thiện:
Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 14 sở hữu bất thiện cùng sanh.

18. Tâm Tham:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 3 sở hữu thuộc tham phần cùng sanh.

19. Tâm Sân:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 4 sở hữu thuộc sân phần cùng sanh.

20. Tâm Si:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có 4 sở hữu thuộc si phần cùng sanh.

21. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có thọ hỷ vui mừng, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn không chần chừ, chậm chạp.
Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng , đồng thời nghĩ rằng không có tội. Trộm cắp một cách nhanh nhẹn, không cần sự trợ giúp của bất cứ ai.

22. Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng , có tà kiến, có sự trợ giúp.
Ví dụ như một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng đồng thời nghĩ rằng không có tội. Và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

23. Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.

24. Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có sự vui mừng, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

25. Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục, trần lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, hợp với tà kiến thấy sai, không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn, không chần chừ, chậm chạp.

26. Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, có tà kiến, và có sự trợ giúp.

27. Tâm Tham thọ xả ly tà vô trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, không có sự trợ giúp.

28. Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu tham phần cùng sanh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, có sự trợ giúp.

29. Tâm Sân thọ ưu hợp phấn vô trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phẫn nộ, không có sự trợ giúp.

30. Tâm Sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phẫn nộ, và có sự trợ giúp.

31. Tâm Si thọ xả hợp hoài nghi:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, về luân hồi tái sinh, về Phật, Pháp, Tăng v...v...

32. Tâm Si thọ xả hợp phóng dật:
Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự phóng túng, lao chao, loạn động.

33. Tâm Quả bất thiện vô nhân:

Là Tâm biết cảnh lục trần, lục dục: sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà chỉ là cảnh xấu.

Những Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

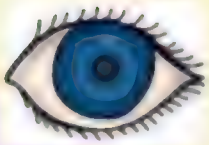

34. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện,

Tâm này không có 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si cùng sanh.

35. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:
Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thinh xấu, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

36. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:
Tâm này là cái biết của mũi khi bắt cảnh khí hôi thối không vừa lòng, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

37. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi khi bắt cảnh vị xấu, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

38. Tâm Thân thức thọ khổ Quả bất thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thần kinh thân khi bắt cảnh xúc xấu, có cảm thọ khổ.
Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

39. Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

40. Tâm Quan sát thọ xả Quả bất thiện vô nhân:

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc xấu, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báo của 12 tâm bất thiện.

Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người ở cõi khổ.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

41. Tâm Quả thiện vô nhân:
Là Tâm biết cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí (hương), cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc.
Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

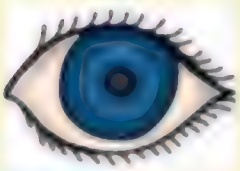

42. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả thiện vô nhân:
Tâm này là cái biết của con mắt khi bắt cảnh sắc tốt, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

43. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:
Tâm này là cái biết của tai khi bắt cảnh thinh tốt, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

44. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả thiện vô nhân:
Tâm này là cái biết của mũi khi tiếp xúc với cảnh khí tốt tức là hương thơm, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

45. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của lưỡi khi tiếp xúc với cảnh vị ngon, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

46. Tâm Thân thức thọ lạc Quả thiện vô nhân:

Tâm này là cái biết của thần kinh thân khi tiếp xúc với cảnh xúc êm ái, có cảm thọ lạc.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

47. Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả thiện vô nhân:

Tâm này là tâm tiếp thâu cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, có cảm thọ xả.

Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

48. Tâm Quan sát thọ xả Quả thiện vô nhân:
Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, có cảm thọ xả.
Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người lạc vô nhân.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

49. Tâm Quan sát thọ hỷ Quả thiện vô nhân:
Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân xúc lạc, nhưng vì cảnh quá tốt, quá đặc biệt nên có cảm thọ hỷ.
Tâm này là quả báu của tâm thiện dục giới tịnh hảo.

50. Tâm Duy tác vô nhân:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp chỉ duy nhất có hành động mà không có kết quả của hành động. Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

51. Tâm Khán Ngũ môn thọ xả:
Là Tâm hướng đến 5 cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, có cảm thọ xả.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

52. Tâm Khán Ý môn thọ xả:
Là Tâm hướng đến cảnh pháp, có cảm thọ xả.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

53. Tâm Ưng cúng vi tiếu thọ hỷ:
Là Tâm làm việc cười của bậc A La Hán.
Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

54. Tâm Thiện dục giới tịnh hảo:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành.
Tâm này có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

55. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ và không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.
Ví dụ như một người thấy một vị sư đi khất thực lòng rất vui mừng liền nhanh chóng cúng dường thức ăn và nghĩ rằng cúng dường được phước. Vui mừng là thọ hỷ. Biết cúng dường có phước là hợp trí. Bố thí cúng dường là tâm thiện dục giới. Cúng dường nhanh chóng là vô trợ.

56. Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

57. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

58. Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

59. Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, không có sự trợ giúp.

60. Tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, có sự trợ giúp.

61. Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, không có trí tuệ, không có sự trợ giúp.

62. Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Tâm biết cảnh sắc, thinh, khí (hương), vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, không có trí tuệ, có sự trợ giúp.

63. Tâm Quả dục giới tịnh hảo:
Là Quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo.
Những tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới

64. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

65. Tâm Quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

66. Tâm Quả thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.

67. Tâm Quả thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ.

68. Tâm Quả thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ.

69. Tâm Quả thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ.

70. Tâm Quả thọ xả ly trí vô trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ.

71. Tâm Quả thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ.

72. Tâm Duy tác dục giới tịnh hảo:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như tâm thiện dục giới tịnh hảo nhưng không cho quả.

73. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không cho quả.

74. Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ nhưng không cho quả.

75. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ nhưng không cho quả.

76. Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ nhưng không cho quả.

77. Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ nhưng không cho quả.

78. Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ nhưng không cho quả.

79. Tâm Duy Tác thọ xả ly trí vô trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ nhưng không cho quả.

80. Tâm Duy Tác thọ xả ly trí hữu trợ:
Là Tâm làm việc lành của các bậc A La Hán.
Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ nhưng không cho quả.

81. Tâm sắc giới:
Là Tâm biết cảnh đề mục thiền sắc giới liên quan đến cõi sắc giới.

82. Tâm Thiện sắc giới:
Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới.

83. Tâm Thiện sơ thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.
Có 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

84. Tâm Thiện nhị thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.
Có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

85. Tâm Thiện tam thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.
Có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

86. Tâm Thiện tứ thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.
Có 2 chi thiền là lạc và nhất tâm.

87. Tâm Thiện ngũ thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền đề mục sắc giới và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.
Có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

88. Tâm Quả sắc giới:
Là Quả của tâm thiện sắc giới.
Tâm này làm việc tái sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi sắc giới.

89. Tâm Quả sơ thiền sắc giới:
Là Quả của tâm thiện sơ thiền sắc giới.

90. Tâm Quả nhị thiền sắc giới:
Là Quả của tâm thiện nhị thiền sắc giới.

91. Tâm Quả tam thiền sắc giới:
Là Quả của tâm thiện tam thiền sắc giới.

92. Tâm Quả tứ thiền sắc giới:
Là Quả của tâm thiện tứ thiền sắc giới.

93. Tâm Quả ngũ thiền sắc giới:
Là Quả của tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

94. Tâm Duy Tác sắc giới:

Là Tâm tu thiền đắc thiền sắc giới của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như tâm thiện sắc giới nhưng không cho quả.

95. Tâm Duy Tác sơ thiền sắc giới:

Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất của các bậc A La Hán.
Có 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

96. Tâm Duy Tác nhị thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 2 của các bậc A La Hán.
Có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

97. Tâm Duy Tác tam thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 3 của các bậc A La Hán.
Có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

98. Tâm Duy Tác tứ thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 4 của các bậc A La Hán.
Có 2 chi thiền là lạc và nhất tâm.

99. Tâm Duy Tác ngũ thiền sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền sắc giới lần thứ 5 của các bậc A La Hán.
Có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

100. Tâm vô sắc giới:
Là tâm tu thiền đề mục vô sắc, liên quan đến cõi vô sắc.

101. Tâm Thiện vô sắc giới:
Là tâm thiện tu thiền và đắc thiền đề mục vô sắc.

102. Tâm Thiện không vô biên xứ:
Là tâm tu thiền và đắc thiền đề mục hư không không biên giới, vô cùng tận, không bờ mé. Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi không vô biên xứ.

103. Tâm Thiện thức vô biên xứ:
Là tâm tu thiền và đắc thiền đề mục thức không biên giới, thức không cùng tận, thức không bờ mé.
Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi thức vô biên xứ.

104. Tâm Thiện vô sở hữu xứ:
Là tâm tu thiền và đắc thiền đề mục không có chi cả.
Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi vô sở hữu xứ.

105. Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ:
Là tâm tu thiền đắc thiền đề mục không có tưởng cũng không không có tưởng.
Trạng thái tâm này rất vi tế, dường như không có tưởng nhưng chẳng phải là không có tưởng .
Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên ở cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

106. Tâm Quả vô sắc giới:
Là Quả của Tâm Thiện vô sắc giới. Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi vô sắc.

107. Tâm Quả không vô biên xứ:
Là Quả của Tâm Thiện không vô biên xứ.

108. Tâm Quả thức vô biên xứ:
Là Quả của Tâm Thiện thức vô biên xứ.

109. Tâm Quả vô sở hữu xứ:
Là Quả của Tâm Thiện vô sở hữu xứ.

110. Tâm Quả phi tưởng phi phi tưởng xứ:
Là Quả của Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.

111. Tâm Duy Tác vô sắc giới:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục vô sắc của các bậc A La Hán.

112. Tâm Duy Tác không vô biên xứ:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục không vô biên xứ của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như Tâm Thiện không vô biên xứ nhưng không cho quả.

113. Tâm Duy Tác thức vô biên xứ:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục thức vô biên xứ của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như Tâm Thiện thức vô biên xứ nhưng không cho quả.

114. Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục vô sở hữu xứ của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như Tâm Thiện vô sở hữu xứ nhưng không cho quả.

115. Tâm Duy Tác phi tưởng phi phi tưởng xứ:
Là Tâm tu thiền và đắc thiền đề mục phi tưởng phi phi tưởng xứ của các bậc A La Hán.
Tâm này cũng giống như Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ nhưng không cho quả.

116. Tâm Đạo:
Là Tâm đắc đạo.
Là tâm đang sát trừ phiền não.
Là tâm đang thấy rõ Niết Bàn.

117. Tâm Sơ đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ nhất.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.
Tâm Sơ Đạo diệt trừ được: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ.
Tâm Sơ đạo được gọi là Thất lai đạo, cũng được gọi là Dự lưu đạo hay Nhập lưu đạo, cũng được gọi là Tu Đà Hườn đạo.

118. Tâm Sơ đạo Sơ thiền: Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

119. Tâm Sơ đạo Nhị thiền: Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

120. Tâm Sơ đạo Tam thiền: Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

121. Tâm Sơ đạo Tứ thiền: Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

122. Tâm Sơ đạo Ngũ thiền: Là Tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

123. Tâm Nhị đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2.
Là tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 2.
Là tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2.
Tâm Nhị đạo làm giảm nhẹ: Dục ái và Sân.
Tâm Nhị đạo cũng được gọi là Nhất lai đạo.
Cũng được gọi là Tư Đà Hàm đạo.

124. Tâm Nhị đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

125. Tâm Nhị đạo Nhị thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

126. Tâm Nhị đạo Tam thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

127. Tâm Nhị đạo Tứ Thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

128. Tâm Nhị đạo Ngũ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

129. Tâm Tam đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 3.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.
Tâm Tam đạo diệt trừ được Dục ái và Sân.
Tâm Tam đạo cũng được gọi là Bất lai đạo, cũng được gọi là A Na Hàm đạo.

130. Tâm Tam đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

131. Tâm Tam đạo Nhị thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

132. Tâm Tam đạo Tam thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

133. Tâm Tam đạo Tứ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

134. Tâm Tam đạo Ngũ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

135. Tâm Tứ đạo:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4.
Là Tâm đang sát trừ phiền não lần thứ 4.
Là Tâm đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4.
Tâm Tứ đạo diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.
Tâm Tứ đạo cũng được gọi là Vô Sanh đạo, cũng được gọi là A La Hán đạo.

136. Tâm Tứ đạo Sơ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

137. Tâm Tứ đạo Nhị thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

138. Tâm Tứ đạo Tam thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

139. Tâm Tứ đạo Tứ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

140. Tâm Tứ đạo Ngũ thiền:
Là Tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

141. Tâm Quả Siêu Thế:
Là Tâm đắc quả siêu thế.
Là Tâm đã sát trừ phiền não.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn.

142. Tâm Sơ quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ nhất.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.
Tâm Sơ quả đã diệt trừ được Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ.

143. Tâm Sơ quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

144. Tâm Sơ quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

145. Tâm Sơ quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

146. Tâm Sơ quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

147. Tâm Sơ quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

148. Tâm Nhị quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 2.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 2.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2.
Tâm Nhị quả làm giảm nhẹ Dục ái và Sân.

149. Tâm Nhị quả Sơ thiền: Là Tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

150. Tâm Nhị quả Nhị thiền: Là Tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

151. Tâm Nhị quả Tam thiền: Là Tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

152. Tâm Nhị quả Tứ thiền: Là Tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

153. Tâm Nhị quả Ngũ thiền: Là Tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

154. Tâm Tam quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 3.
Là Tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3.
Tâm Tam quả diệt trừ được Dục ái và Sân.

155. Tâm Tam quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

156. Tâm Tam quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

157. Tâm Tam quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

158. Tâm Tam quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

159. Tâm Tam quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 3
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

160. Tâm Tứ quả:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4.
Là Tâm đã sát trừ phiền não lần thứ 4.
Là tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4.
Tâm Tứ quả diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.

161. Tâm Tứ quả Sơ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ nhất.

162. Tâm Tứ quả Nhị thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 2.

163. Tâm Tứ quả Tam thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 3.

164. Tâm Tứ quả Tứ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 4.

165. Tâm Tứ quả Ngũ thiền:
Là Tâm đắc quả lần thứ 4
và đắc thiền sắc giới lần thứ 5.

166. Sở Hữu Tợ Tha:
Là những sở hữu tương tợ theo các pháp khác.
Nếu chúng hợp với tâm thiện thì là pháp thiện.
Nếu chúng hợp với tâm bất thiện thì là pháp bất thiện.
Nếu chúng hợp với tâm vô ký thì là pháp vô ký.

167. Sở Hữu Biến Hành:
Là sở hữu có mặt, đồng hành với 121 tâm.

168. Sở Hữu Xúc:

Là sự gặp gỡ tiếp xúc giữa 6 vật (nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật), hoặc 6 căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn), với 6 cảnh (cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp), và với 6 thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

Có 6 loại xúc là:

Nhãn xúc (nằm trong nhãn thức),
Nhĩ xúc (nằm trong nhĩ thức),
Tỷ xúc (nằm trong tỷ thức),
Thiệt xúc (nằm trong thiệt thức),
Thân xúc (nằm trong thân thức),
Ý xúc (nằm trong ý thức).

169. Sở Hữu Thọ:

Thọ là trạng thái tiếp nhận các cảm thọ từ các đối tượng.

Thọ có 5 thứ và 6 loại.

5 thứ là:

Thọ Khổ: Đau nhức thân

Thọ Lạc: Êm ái thân

Thọ Ưu: Ưu phiền, đau đớn của tâm

Thọ Hỷ: Vui mừng, dễ chịu của tâm

Thọ Xả: ngoài ra ưu, hỷ, lạc, khổ.

6 loại là:

Nhãn thọ: là Sở Hữu Thọ trong tâm nhãn thức để tiếp nhận c...

170. Sở Hữu Tưởng:
Tưởng là trạng thái **nhớ lại, hồi tưởng lại** những cảnh vật đã qua, đã mất, đã diệt mà trước kia đã từng gặp.
Tưởng **có 6 loại** là:
Sắc tưởng, thinh tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

171. Sở Hữu Tư:
Tư là trạng thái **cố ý, cố quyết, cố tâm, cũng còn gọi là nghiệp.**
Sở Hữu Tư **có 6 loại** là:
Sắc tư, thinh tư, khí tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

172. Sở Hữu Nhất Hành:
Là trạng thái **gom tâm vào một đề mục** chong ngay vào cảnh, an trụ vào đối tượng, hay còn gọi là Sở hữu Định.

173. Sở Hữu Mạng Quyền:
Là Sở Hữu có quyền bảo vệ mạng sống của các danh pháp khác.
Gọi là mạng vì bảo tồn sự sống của các danh pháp trong 3 sát na tiểu (sanh, trụ, diệt).
Gọi là quyền vì có quyền điều hành các danh pháp cùng sanh, cùng làm một phận sự.

174. Sở Hữu Tác Ý:
Là trạng thái gom thâu đối tượng làm thành cảnh cho tâm.

175. Sở Hữu Biệt Cảnh:
Là những sở hữu tuỳ theo những hoàn cảnh riêng biệt, có mặt với một số tâm này, không có mặt với một số tấm kia.

176. Sở Hữu Tầm:
Là trạng thái tâm lý hướng tâm đến cảnh hay đem tâm đến đối tượng.
Tầm tức là tìm kiếm cảnh cho tâm.
Ví dụ như con ong bay đi tìm hoa.
Tầm có 6 loại là:
Sắc tầm, thinh tầm, khí tầm, vị tầm, xúc tầm, pháp tầm.

177. Sở Hữu Tứ:
Là trạng thái tâm lý quan sát đối tượng một cách khắn khít, chăm chú.
Ví dụ như con ong bay rà rà chung quanh cái bông mà nó đã gặp.
Tứ có 6 loại là:
Sắc tứ, khinh tứ, khí tứ, vị tứ, xúc tứ, pháp tứ.

178. Sở Hữu Thắng Giải:
Là trạng thái tâm lý quyết đoán, giải quyết một cách thù thắng trước một sự vật.
Ví dụ như vị quan toà tuyên án một vụ kiện.

179. Sở Hữu Cần:
Là trạng thái tâm lý siêng năng, tinh tấn, cần mẫn, chuyên cần, cố gắng, nỗ lực.

180. Sở Hữu Hỷ:
Là trạng thái tâm lý no vui bằng cảnh.

181. Sở Hữu Dục:
Là trạng thái tâm lý mong muốn.
Dục có 3 loại là:
a. Tham Dục: Ham muốn lục trần, lục dục.
b. Pháp dục: Ham muốn làm các thiện pháp.
c. Tác Dục: Ham muốn làm các thiện pháp của các bậc A La Hán.

182. Sở Hữu Bất Thiện:
Là những trạng thái tâm lý không lành, không tốt, ác, xấu.

183. Sở Hữu Bất Thiện biến hành còn gọi là Sở Hữu Si phần:
Là trạng thái tâm lý có mặt phổ biến, đồng hành với 12 tâm bất thiện.

184. Sở Hữu Si:
Là trạng thái tâm lý mê mờ, tăm tối, ngược với trí tuệ, đồng nghĩa với vô minh.
Chính vì Sở Hữu Si làm cho tâm chúng sanh đen tối không biết rõ pháp chơn đế như Tứ đế, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới.

185. Sở Hữu Vô tàm:
Là trạng thái tâm lý không hổ thẹn với tội lỗi.

186. Sở Hữu Vô uý (Vô quý):
Là trạng thái tâm lý không ghê sợ tội lỗi.

187. Sở Hữu Phóng dật:
Là trạng thái tâm lý phóng túng, dao động, bị trần cảnh chi phối.

188. Sở Hữu Tham phần:
Là những sở hữu trong thành phần của ham muốn.

189. Sở Hữu Tham:
Là trạng thái tâm lý tham đắm, chấp trước, luyến ái, say đắm đối tượng sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp.

190. Sở Hữu Tà kiến:
Là trạng thái tâm lý thấy sai, hiểu lầm, hiểu không đúng.

191. Sở Hữu Ngã mạn:
Là trạng thái tâm lý tự đắc, tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn, tự tôn.

192. Sở Hữu Sân phần:
Là nhóm trạng thái tâm lý sân hận, khó chịu, nóng nảy, bực bội, bất toại nguyện, không vừa ý.

193. Sở Hữu Sân:
Là trạng thái tâm lý bất bình, phẫn nộ, ưu phiền.

194. Sở Hữu Tật:
Là trạng thái tâm lý ganh tỵ, tật đố.

195. Sở Hữu Lận:
Là trạng thái tâm lý keo kiệt, bỏn xẻn, bón rít, hà tiện.

196. Sở Hữu Hối:
Là trạng thái tâm lý hối tiếc những việc đã qua: hối hận việc ác đã làm, hối tiếc việc thiện đã bỏ qua.

197. Sở Hữu Hôn phần:
Là những trạng thái tâm lý mê mờ, yếu đuối, lười biếng, dã dượi.

198. Sở Hữu Hôn trầm:
Là trạng thái tâm lý lười biếng, lui sụt.

199. Sở Hữu Thuỵ miên (Thuỳ miên):
Là trạng thái tâm lý buồn ngủ, dã dượi.

200. Sở Hữu Hoài nghi:
Là trạng thái tâm lý lưỡng lự, phân vân, nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, tái sanh.

201. Sở Hữu Tịnh Hảo:
Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp.

202. Sở Hữu Tịnh Hảo biến hành:
Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp. Có mặt trong 91 tâm tịnh hảo.

203. Sở Hữu Tín:
Là trạng thái tâm lý tin tưởng, tín ngưỡng.
Tín có 2 loại:
Phàm tín và Thánh tín.
hoặc là Chánh tín và Tà tín.

204. Sở Hữu Niệm:
Là trạng thái tâm lý biết ngay, biết rõ ở thời điểm hiện tại.
Niệm có 4 đối tượng là: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

205. Sở Hữu Tàm:
Là trạng thái tâm lý hổ thẹn với tội lỗi, mắc cỡ với tội lỗi.

206. Sở Hữu Uý (Quý):
Là trạng thái ghê sợ với tội lỗi.

207. Sở Hữu Vô tham:
Là trạng thái tâm lý không tham muốn lục dục, lục trần.
Ví dụ như nước không dính lá sen.

208. Sở Hữu Vô sân:
Là trạng thái tâm lý không nóng nảy, không sân hận, không bất bình, không bất mãn, không bất toại nguyện.
Vô sân đồng nghĩa với tâm từ.

209. Sở Hữu Hành xả:
Là trạng thái tâm lý quân bình, không thiên lệch.

210. Sở Hữu Tịnh thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được an tịnh.

211. Sở Hữu Tịnh tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được an tịnh.

212. Sở Hữu Khinh thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được nhẹ nhàng.

213. Sở Hữu Khinh tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được nhẹ nhàng.

214. Sở Hữu Nhu thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được mềm mại, nhu nhuyến.

215. Sở Hữu Nhu tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được mềm mại, nhu nhuyến.

216. Sở Hữu Thích thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

217. Sở Hữu Thích tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

218. Sở Hữu Thuần thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được thuần thục.

219. Sở Hữu Thuần tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được thuần thục.

220. Sở Hữu Chánh thân:
Là trạng thái tâm lý làm cho các sở hữu cùng sanh với nó được chân chánh, ngay thẳng.

221. Sở Hữu Chánh tâm:
Là trạng thái tâm lý làm cho tâm cùng sanh với nó được chân chánh, ngay thẳng.
Ví dụ như kim chỉ nam giúp cho kẻ lữ hành không lạc hướng.

222. Sở Hữu Giới phần:
Là những sở hữu có năng lực sát trừ nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với tâm siêu thế; chế ngự nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với Tâm Thiện dục giới tịnh hảo.

223. Sở hữu Chánh ngữ:
Là trạng thái tâm lý điều khiển lời nói chân chánh; là ngăn ngừa hoặc sát trừ ác nghiệp của khẩu; là không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời chia rẽ, không nói lời vô ích.

224. Sở hữu Chánh nghiệp:
Là trạng thái tâm lý ngăn ngừa và sát trừ ác nghiệp của thân: là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

225. Sở Hữu Chánh mạng:
Là trạng thái tâm lý ngăn ngừa và sát trừ sự nuôi mạng bằng cách tà vạy, là không dùng thân, khẩu, ý ác để nuôi mạng.

226. Sở Hữu Vô lượng phần:
Là trạng thái tâm lý lấy vô lượng chúng sanh đau khổ và hạnh phúc làm đối tượng.

227. Sở Hữu Bi:
Là trạng thái tâm lý thương xót chúng sanh đau khổ.

228. Sở Hữu Tuỳ hỷ:
Là trạng thái tâm lý vui theo sự hạnh phúc hay thành công của tất cả chúng sanh, dù là người thân hay kẻ thù.

229. Sở Hữu Trí tuệ:
Là trạng thái tâm lý sáng suốt, thông minh, hiểu biết sự vật đúng với sự thật. Hiểu biết Tứ đế. Ngược lại với vô minh.

230. Sắc Tứ Đại:
Là 4 sắc lớn: Đất, Nước, Lửa, Gió.

231. Sắc Đất:
Là sắc pháp có trạng thái cứng hoặc mềm.

232. Sắc Nước:
Là sắc pháp có trạng thái thấm, rịn, tươm, ướt, chảy ra và quến lại.

233. Sắc Lửa:
Là sắc pháp có trạng thái lạnh hoặc nóng.

234. Sắc Gió:
Là sắc pháp có trạng thái chuyển động, rung động, rung chuyển, di chuyển.

235. Sắc Y Đại Sinh:
Là sắc pháp y cứ theo Tứ đại mà sinh ra.

236. Sắc Thần kinh:
Là tinh chất của Tứ đại.

237. Sắc Thần kinh Nhãn:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Nhãn thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh sắc.
Có hình như đầu con chí đực, nằm trong mống mắt con ngươi.

238. Sắc Thần kinh Nhĩ:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Nhĩ thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh thinh.
Có hình như lông con cừu, nằm trong lỗ tai.

239. Sắc Thần kinh Tỷ:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Tỷ thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh khí.
Có hình như móng chân con dê, nằm trong lỗ mũi.

240. Sắc Thần kinh Thiệt:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của Thiệt thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh vị.
Có hình như đầu lông con nhím, nằm trong lưỡi.

241. Sắc Thần kinh Thân:
Là tinh chất của Tứ đại.
Là chỗ nương nhờ của thân thức.
Có khả năng thâu bắt cảnh xúc.
Sắc thần kinh thân phủ trùm khắp toàn thân.

242. Sắc Cảnh giới:
Là đối tượng của 5 sắc thần kinh.
Đó là cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, còn cảnh xúc là Đất, Lửa, Gió trong sắc Tứ đại.

243. Sắc Cảnh sắc:
Là tất cả hình, sắc, vật mà mắt thấy được.

244. Sắc Cảnh thinh:
Là tất cả tiếng, âm thanh mà tai nghe được.

245. Sắc Cảnh khí:
Là tất cả hơi hay mùi mà mũi ngửi được.

246. Sắc Cảnh vị:
Là tất cả vị cay, đắng, ngọt, bùi mà lưỡi nếm được.

247. Sắc Tính:
Là sắc pháp biểu hiện tính nam hoặc tính nữ.

248. Sắc Nam tính:
Là sắc pháp biểu hiện tướng trạng của người nam, giống đực, trống, có trạng thái hùng dũng, cứng cỏi.

249. Sắc Nữ tính:
Là sắc pháp biểu hiện tướng trạng của người nữ, giống cái, mái, có trạng thái ôn hoà, dịu dàng, yểu điệu, yếu ớt, hiền hoà, dễ thương.

250. Sắc Ý vật:
Là **sắc trái tim, hay sắc bộ não,** hoặc **sắc nào mà ý thức nương nhờ sinh ra.**

251. Sắc Mạng quyền:
Là **sắc pháp có khả năng bảo tồn** các **sắc nghiệp đồng sanh được tồn tại.**

252. Sắc Vật thực:
Là **sắc pháp có chất dinh dưỡng,** có đặc tính nuôi dưỡng các sắc pháp khác được phát triển lớn mạnh.

253. Sắc Hư không:
Là **khoảng giữa** của các sắc pháp.

254. Sắc Biểu tri (biểu - hiện; tri - bày):
Là sắc pháp biểu hiện tri bày, hiện bày nơi thân, hoặc khẩu để khi thấy hoặc nghe mà hiểu được.

255. Sắc Thân biểu tri:
Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng thân như cử động, múa tay, ra dấu để người khác thấy mà biết được.

256. Sắc Khẩu biểu tri:
Là sắc pháp hiện bày biểu lộ bằng miệng như tiếng nói, tiếng cười để người khác nghe mà hiểu được.

257. Sắc Đặc biệt:
Là sắc pháp có tính chất riêng biệt, thù thắng.

258. Sắc Khinh:
Là sắc pháp có trạng thái nhẹ nhàng.

259. Sắc Nhu:
Là sắc pháp có trạng thái mềm dịu, không thô cứng.

260. Sắc Thích nghiệp:
Là sắc pháp có trạng thái thích hợp với việc làm.

261. Sắc Tứ tướng:
Là sắc pháp có tướng trạng riêng biệt.

262. Sắc Sinh:
Là sắc pháp vừa sinh khởi, vừa sinh ra.

263. Sắc Tiến:
Là sắc pháp được phát triển, tăng thêm.

264. Sắc Dị:
Là sắc già đi, khác đi.

265. Sắc Diệt:
Là sắc pháp bị tiêu hoại, tiêu diệt.

266. Danh chế định:
Là đặt tên cho các pháp.

267. Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một sự thật chơn đế.
Ví dụ như tâm tham...

268. Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp không phải là sự thật.
Ví dụ như chồng, vợ, sư phụ, đệ tử...

269. Danh chơn Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho một pháp đầu có thực và pháp sau là không có thực.
Ví dụ như tâm tham của tôi...

270. Phi danh chơn Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực và pháp sau là có thực.
Ví dụ như tôi có trí tuệ...

271. Danh chơn Danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu có thực và pháp sau cũng có thực.
Ví dụ như tâm chánh niệm...

272. Phi danh chơn Phi danh chơn chế định:
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực mà pháp sau cũng không có thực.
Ví dụ như chồng của em, sư phụ của con...

273. Nghĩa chế định:
Là dùng ý nghĩa để đặt tên cho các pháp.

274. Hình thức chế định:
Là dùng hình thức để đặt tên cho các pháp.
Ví dụ như biển, núi, sông, hồ...

275. Hiệp thành chế định:
Là hợp lại nhiều bộ phận để đặt tên cho các pháp. Ví dụ như rui, mè, kèo, cột hợp lại thành một ngôi nhà.

276. Chúng sanh chế định:
Là nhìn các loại chúng sanh mà đặt tên. Ví dụ như thú, người, trời, ma, quỷ, thánh, thần, tiên, Phật...

277. Phương hướng chế định:
Là nhìn phương hướng mà đặt tên.
Ví dụ như Đông, Tây, Nam, Bắc.

278. Thời gian chế định:
Là nhìn thời gian mà đặt tên.
Ví dụ như Xuân, Hạ, Thu, Đông, sáng, trưa, chiều, tối.

279. Hư không chế định:
Là nhìn các chỗ trống, khe hở, khoảng hư không mà đặt tên.
Ví dụ như giếng, hang, hố, huyệt...

280. Hình tướng chế định:
Là nhìn những tướng trạng khác nhau mà đặt tên.
Ví dụ như lá cờ, bảng hiệu, tượng Phật.

CHƯƠNG XI

215 DANH TỪ ABHIDHAMMA PALI-VIỆT-ANH

Akusala Cittāni
Tâm Bất Thiện
Immoral Consciousness

Lobhamulacitta - 8
8 Tâm Tham
Consciousness Rooted in Attachment - 8

1. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, and connected with wrong view.

2. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp tà hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, and connected with wrong view.

3. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, and disconnected with wrong view.

4. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly tà hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, and disconnected with wrong view.

5. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, and connected with wrong view.

6. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp tà hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, and connected with wrong view.

7. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly tà vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, and disconnected with wrong view.

8. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly tà hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, and disconnected with wrong view.

Dosamulacitta - 2
2 Tâm Sân
Consciousness Rooted in Illwill or Aversion - 2

9. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ ưu hợp phẩn vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by displeasure, and connected with illwill.

10. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ ưu hợp phẩn hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by displeasure, and connected with illwill.

Mohamūlacitta - 2
2 Tâm Si

Consciousness Rooted in Delusion or Ignorance - 2

11. Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ:

Thọ xả hợp hoài nghi.

One consciousness, accompanied by indifference, and connected with doubts.

12. Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ:

Thọ xả hợp phóng dật.

One consciousness, accompanied by indifference, and connected with restlessness.

Ahetuka Cittāni - 18
18 Tâm Vô Nhân
18 Types Of Rootless Coónciousness

Akusala Vipāka Cittāni - 7

7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân
Immoral Resultant Consciousness without Roots - 7

13. Upekkhāsahagataṃ cakhuviññāṇaṃ:

Nhãn thức thọ xả.

Immoral resultant Eye-consciousness, accompanied by indifference.

14. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ:

Nhĩ thức thọ xả.

Immoral resultant Ear-consciousness, accompanied by indifference.

15. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ:

Tỷ thức thọ xả.

Immoral resultant Nose-consciousness, accompanied by indifference.

16. Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ:

Thiệt thức thọ xả.

Immoral resultant Tongue-consciousness, accompanied by indifference.

17. Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ:

Thân thức thọ khổ.

Immoral resultant Body-consciousness, accompanied by pain.

18. Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittam:

Tâm tiếp thâu thọ xả.

Immoral resultant Receiving consciousness, accompanied by indifference.

19. Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ:

Tâm quán sát thọ xả.

Immoral resultant Investigating consciousness, accompanied by indifference.

Kusala Vipāk'āhetuka Cittāni - 8
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân
Moral Resultant Consciousness without Roots - 8

20. Upekkhāsahagataṃ cakhuviññāṇaṃ:

Nhãn thức thọ xả.

Moral resultant Eye-consciousness, accompanied by indifference.

21. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ:

Nhĩ thức thọ xả.

Moral resultant Ear-consciousness, accompanied by indifference.

22. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ:

Tỷ thức thọ xả.

Moral resultant Nose-consciousness, accompanied by indifference.

23. Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ:

Thiệt thức thọ xả.

Moral resultant Tongue-consciousness, accompanied by indifference.

24. Sukkhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ:

Thân thức thọ lạc.

Moral resultant Body-consciousness, accompanied by happiness.

25. Upekkhāsahagataṃ Sampaṭicchanacittaṃ:

Tâm tiếp thâu thọ xả.

Moral resultant Receiving consciousness, accompanied by indifference.

26. Upekkhāsahagataṃ santīranacittaṃ:

Tâm quán sát thọ xả.

Moral resultant Investigating consciousness, accompanied by indifference.

27. Somanassasahagataṃ santīranacittaṃ:

Tâm quán sát thọ hỷ.

Moral resultant Investigating consciousness, accompanied by pleasure.

Ahetuka Kiriya Cittāni - 3
3 Tâm Duy Tác Vô Nhân
Functional Consciousness without Roots - 3

28. Upekkhāsahagataṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ:

Tâm khán ngũ môn thọ xả.

Five Sense-door adverting consciousness, accompanied by indifference.

29. Upekkhāsahagataṃ manodvārāvajjanacittaṃ:

Tâm khán ý môn thọ xả.

Mind-door adverting consciousness, accompanied by indifference.

30. Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ:

Tâm sinh tiếu thọ hỷ.

Smile-producing consciousness, accompanied by pleasure.

Sobhana Cittāni - 24
24 Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo
24 Types of "Beautiful" Consciousness of the Sensuous Sphere

Attha Kāmāvacara Kusala Cittāni
8 Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo
Eight Types of Moral Consciousness

31. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge

32. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

33. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

34. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

35. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

36. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

37. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

38. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

Attha Kāmāvacara Vipāka Cittāni
8 Tâm Quả Thiện Dục Giới Tịnh Hảo
Eight types of Resultant Consciousness

39. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

40. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

41. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí vô trợ.
One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

42. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge,

43. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

44. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

45. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

46. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

Attha Kāmāvacara Kiriya Cittāni
8 Tâm Duy Tác Dục Giới Tịnh Hảo
Eight types of Functional Consciousness

47. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

48. Somanassasahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, associated with knowledge.

49. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

50. Somanassasahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ hỷ ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by pleasure, dissociated with knowledge.

51. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, associated with knowledge.

52. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇasampayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả hợp trí hữu trợ.
One consciousness, prompted accompanied by indifference, associated with knowledge.

53. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ asaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí vô trợ.

One consciousness, unprompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

54. Upekkhāsahagataṃ Ñāṇavippayuttaṃ sasaṇkhārikaṃ:

Thọ xả ly trí hữu trợ.

One consciousness, prompted, accompanied by indifference, dissociated with knowledge.

Rūpāvacara Cittāni - 15
15 Tâm Sắc Giới
Form-Sphere Consciousness - 15

Rūpāvacara Kusala Cittāni - 5
5 Tâm Thiện Sắc Giới
Form-Sphere Moral Consciousness - 5

55. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện sơ thiền đồng sanh với tầm, tứ, hỷ, lạc, định.

First Jhāna moral consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

56. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

Second Jhāna moral consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

57. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

Third Jhāna moral consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

58. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện tứ thiền đồng sanh lạc và định.

Fourth Jhāna moral consciousness together with happiness and one-pointedness.

59. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna kusalacittaṃ:

Tâm thiện ngũ thiền đồng sanh xả và định.

Fifth Jhāna moral consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Rūpāvacara Vipāka Cittāni-5
5 Tâm Quả Sắc Giới
Form-Sphere Resultant Consciousness-5

60. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

First Jhāna Resultant consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

61. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

Second Jhāna Resultant consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one- pointedness.

62. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

Third Jhāna Resultant consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

63. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả tứ thiền đồng sanh lạc và định.

Fourth Jhāna Resultant consciousness together with happiness and one-pointedness.

64. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna vipākacittaṃ:

Tâm quả ngũ thiền đồng sanh xả và định.

Fifth Jhāna Resultant consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Rūpāvacara Kiriya Cittāni - 5
5 Tâm Duy Tác Sắc Giới
Form Sphere Functional Consciousness - 5

65. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác sơ thiền đồng sanh tầm,
tứ, hỷ, lạc và định.

First Jhāna Functional consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness and one-pointedness.

66. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

Second Jhāna Functional consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one- pointedness.

67. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

Third Jhāna Functional consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

68. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác tứ thiền đồng sanh lạc và định.

Fourth Jhāna Functional consciousness together with happiness and one-pointedness.

69. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác ngũ thiền đồng sanh xả và định.

Fifth Jhāna Functional consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Arūpāvacara Cittāni - 12
12 Tâm Vô Sắc Giới
Formless-sphere Conciousness - 12

Arūpāvacara Kusala Cittāni - 4
4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới
Formless-Sphere Moral Consciousness - 4

70. Upekkhā ekaggatā ākāsānañcāyatana kusalacittaṃ:

Tâm thiện không vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness dwelling on the "Infinity of Space" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

71. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ viññānañcāyatana kusalacittaṃ:

Tâm thiện thức vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness dwelling on the "Infinity of Consciousness" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

72. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ ākiñcaññāyatana kusalacittaṃ:
Tâm thiện vô sở hữu xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness dwelling on "Nothingness" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

73. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ nevasaññānasannāyatana kusalacittaṃ:

Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ đồng sanh xả và định.

Moral Jhāna consciousness wherein "Perception neither is nor is not" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

Arūpāvacara Vipāka Cittāni - 4
4 Tâm Quả Vô Sắc Giới
Formless-sphere Resultant Consciousness - 4

74. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ ākāsānañcāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả không vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness dwelling on the "Infinity of Space" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

75. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ viññāṇañcāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả thức vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness dwelling on the "Infinity of Consciousness" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

76. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ ākiñcaññāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả vô sở hữu xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness dwelling on "Nothingness" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

77. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ nevasaññānāsaññāyatana vipākacittaṃ:

Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ đồng sanh xả và định.

Resultant Jhāna-consciousness wherein "Perception neither is nor is not" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

Arūpāvacara Kiriya Cittāni - 4
4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới
Formless-Sphere Functional Conciousness - 4

78. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ ākāsānañcāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác không vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness dwelling on the "Infinity of Space" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

79. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ viññāṇañcāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác thức vô biên xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness dwelling on the "Infinity of Consciousness" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

80. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ ākiñcaññāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness dwelling on the "Nothingness" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

81. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ nevasaññānasaññāyatana kirīyacittaṃ:

Tâm Duy Tác phi tưởng phi phi tưởng xứ đồng sanh xả và định.

Functional Jhāna-consciousness wherein "Perception neither is nor is not" together with 2 Jhāna factors equanimity and one-pointedness.

Lokuttara Cittāni - 40
40 Tâm Siêu Thế
Supramundane Consciousness - 8

Lokuttara Kusala Cittāni - 20
20 Tâm Đạo
Moral Supramundane Consciousness - 20

Sotāpatti maggacittam. - 5
5 Tâm Sơ Đạo.
Sotāpatti Path-consciousness - 5

82. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna sotāpattimagga cittaṃ:

Tâm Sơ Đạo sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

83. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sotāpattimaggacittaṃ:

Tâm Sơ Đạo nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

84. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna sotāpattimaggacittaṃ:

Tâm Sơ Đạo tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

85. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna sotāpattimaggacittaṃ:

Tâm Sơ Đạo tứ thiền đồng sanh với lạc và định.

The Fourth Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

86. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna sotāpattimaggacittaṃ:
Tâm Sơ Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sotāpatti Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Sakadāgāmi maggacittam. - 5
5 Tâm Nhị Đạo.
Sakadāgāmi Path-consciousness - 5

87. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Nhị Đạo sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

88. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Nhị Đạo nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

89. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Nhị Đạo tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

90. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ :

Tâm Nhị Đạo tứ thiền đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

91. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Sakadāgāmimaggacittaṃ:
Tâm Nhị Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sakadāgāmi Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Anāgāmi maggacittam. - 5
5 Tâm Tam Đạo.
Anāgāmi Path-consciousness - 5

92. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Anāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Tam Đạo sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

93. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Anāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Tam Đạo nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

94. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Anāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Tam Đạo tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

95. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Anāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Tam Đạo tứ thiền đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

96. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Anāgāmimaggacittaṃ:

Tâm Tam Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.
The Fifth Jhāna Anāgāmi Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Arahatta maggacittañ c'āti - 5
5 Tâm Tứ Đạo.
Arahatta Path-consciousness - 5

97. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Arahattamaggacittaṃ:

Tâm Tứ Đạo sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Arahatta Path-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

98. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Arahattamaggacittam:

Tâm Tứ Đạo nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Arahatta Path-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

99. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Arahattamaggacittaṃ:

Tâm Tứ Đạo tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Arahatta Path-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

100. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Arahattamaggacittaṃ:

Tâm Tứ Đạo tứ thiền đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Arahatta Path-consciousness together with happiness and one-pointedness.

101. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Arahattamaggacittaṃ:

Tâm Tứ Đạo ngũ thiền đồng sanh xả và định.
The Fifth Jhāna Arahatta Path-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Lokuttara Vipāka Cittāni - 20
20 Tâm Quả Siêu Thế
Resultant Supramundane Consciousness - 20

Sotāpatti phalacittam. - 5
5 Tâm Sơ Quả
Sotāpatti Fruit-consciousness - 5

102. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

103. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

104. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

105. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:

Tâm Sơ Quả tứ thiền đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

106. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Sotāpattiphalacittaṃ:
Tâm Sơ Quả ngũ thiền đồng sanh xả và định.
The Fifth Jhāna Sotāpatti Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Sakadāgāmi phalacittam. - 5
5 Tâm Nhị Quả.
Sakadāgāmi Fruit-consciousness - 5

107. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

108. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

109. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

110. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Nhị Quả tứ thiền đồng sanh lạc và định.

The Fourth Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

111. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Sakadāgāmiphalacittaṃ :
Tâm Nhị Quả ngũ thiền đồng sanh xả và định.

The Fifth Jhāna Sakadāgāmi Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Anāgāmi phalacittam. - 5
5 Tâm Tam Quả
Anāgāmi Fruit-consciousness - 5

112. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Anāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Tam Quả sơ thiền đồng sanh tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

113. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Anāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Tam Quả nhị thiền đồng sanh tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

114. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Anāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Tam Quả tam thiền đồng sanh hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

115. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Anāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Tam Quả tứ thiền đồng sanh với lạc và định.

The Fourth Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

116. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Anāgāmiphalacittaṃ:

Tâm Tam Quả ngũ thiền đồng sanh với xả và định.

The Fifth Jhāna Anāgāmi Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Arahatta phalacittañ c'āti - 5
5 Tâm Tứ Quả
Arahatta Fruit-consciousness - 5

117. Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ pathamajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả sơ thiền đồng sanh với tầm, tứ, hỷ, lạc và định.

The First Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with initial application, sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

118. Vicāra pīti sukha ekaggatā sahitaṃ dutiyajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả nhị thiền đồng sanh với tứ, hỷ, lạc và định.

The second Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with sustained application, joy, happiness, and one-pointedness.

119. Pīti sukha ekaggatā sahitaṃ tatiyajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả tam thiền đồng sanh với hỷ, lạc và định.

The Third Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with joy, happiness, and one-pointedness.

120. Sukha ekaggatā sahitaṃ catutthajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả tứ thiền đồng sanh với lạc và định.

The Fourth Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with happiness and one-pointedness.

121. Upekkhā ekaggatā sahitaṃ pañcamajjhāna Arahattaphalacittaṃ:

Tâm Tứ Quả ngũ thiền đồng sanh với xả và định.

The Fifth Jhāna Arahatta Fruit-consciousness together with equanimity and one-pointedness.

Dvipaññāsa Cetasikā
52 Tâm Sở
52 Kinds of Mental States

Sabbacittasādhāranā -7
7 Tâm Sở Biến Hành
Universals - 7

122. Phassa:

Xúc.

Contact.

123. Vedanā:

Thọ.

Feeling.

124. Saññā:

Tưởng.

Perception.

125. Cetanā:

Tư.

Volition.

126. Ekaggatā:

Định

One-Pointedness.

127. Jīvitindrīya:

Mạng quyền.

Psychic life.

128. Manasikāra:

Tác ý.

Attention.

Pakiññakā - 6
6 Sở Hữu Biệt Cảnh
Particulars - 6

129. Vitakka:

Tầm.

Initial Application.

130. Vicāra:

Tứ.

Sustained Application.

131. Adhimokkha:

Thắng giải.

Decision.

132. Viriya:

Cần.

Effort.

133. Pīti:

Hỷ.

Joy

134. Chanda:

Dục.

Conation.

Akusala - 14
14 Tâm Sở Bất Thiện
Immorals - 14

135. Moha:

Si.

Delusion.

136. Ahirika:

Vô tàm.

Shamelessness.

137. Anottappa:

Vô quý.

Fearlessness (of consequences, or to commit wrong).

138. Uddhacca:

Phóng dật.

Restlessness

139. Lobha:

Tham.

Attachment.

140. Diṭṭhi:

Tà kiến.

Misbelief.

141. Māna:

Ngã mạn.

Conceit.

142. Dosa:

Sân.

Hatred.

143. Issā:

Tật.

Jealousy.

144. Macchāriya:

Lận.

Avarice.

145. Kukkucca:

Hối.

Worry.

146. Thīna:

Hôn trầm.

Sloth.

147. Middha:

Thụy miên.

Torpor.

148. Vicikicchā:

Hoài nghi.

Doubt.

Sobhanasādhāranā - 19
19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành
Beautiful - 19

149. Saddhā:

Tín.

Confidence.

150. Sati:

Niệm.

Mindfulness.

151. Hiri:

Tàm.

(Moral) Shame.

152. Ottappa:

Quý

(Moral) Dread

153. Alobha:

Vô tham.

Non-attachment.

154. Adosa:

Vô sân.

Goodwill.

155. Tattaramajjhattatā:

Hành xả.

Equanimity.

156. Kāyapassaddhi:

Tịnh thân.

Tranquillity of mental states.

157. Cittapassaddhi:

Tịnh tâm.

Tranquillity of mind.

58. Kāyalahutā:

Khinh thân.

Lightness of mental states.

159. Cittalahutā:

Khinh tâm.

Lightness of mind.

160. Kāyamudutā:

Nhu thân.

Pliancy of mental states.

161. Cittamudutā:

Nhu tâm.

Pliancy of mind.

162. Kāyakammaññatā:

Thuần thân.

Adaptability of mental states.

163. Cittakammaññatā:

Thuần tâm.

Adaptability of mind.

164. Kāyapāguññatā:

Thích thân.

Proficiency of mental states.

165. Cittapāguññatā:

Thích tâm.

Proficiency of mind.

166. Kāyujukatā:

Chánh thân.

Rectitude of mental states.

167. Cittujukatā:

Chánh tâm.

Rectitude of mind.

Viratiyo - 3
3 Sở Hữu Giới Phần
Abstinences - 3

168. Sammā vācā:

Chánh ngữ.

Right Speech.

169. Sammā kammantā:

Chánh nghiệp.

Right Action.

170. Sammā ājīva:

Chánh mạng.

Right Livelihood.

Appamaññā - 2
2 Sở Hữu Vô Lượng Phần
Illimitables - 2

171. Karuṇā:

Bi.

Compassion.

172. Muditā:

Tuỳ hỷ.

Appreciative or Sympathetic Joy.

Paññindriya - 1
1 Sở Hữu Trí Tuệ
Wisdom - 1

173. Paññindrīya:

Trí tuệ.

Wisdom

Rūpa - 28
28 Sắc Pháp
Matter - 28

Mahābhūta - 4
4 Sắc Tứ Đại
The Four Great Essentials - 4

174. Pathavī:
Đất.

The Earth element.

175. Āpo:

Nước.

The Water element.

176. Tejo:

Lửa.

The Fire element.

177. Vāyo:

Gió.

The Air element.

Upādārūpa - 24
24 Sắc Y Đại Sinh
Material qualities derived from
The Four Great Essentials - 24

Pasādarūpa - 5
5 Sắc Thần Kinh
Sensitive Phenomena - 5

178. Cakkhupasāda:

Thần kinh nhãn.

Eye-sensitivity.
179. Sotapasāda:

Thần kinh nhĩ.

Ear-sensitivity.

180. Ghānapasāda:

Thần kinh tỷ.

Nose-sensitivity.

181. Jivhāpasāda:

Thần kinh thiệt.

Tongue-sensitivity.

182. Kāyapasāda:

Thần kinh thân.

Body-sensitivity.

Gocararūpa - 5
5 Sắc Cảnh Giới

Objective Phenomena - 5

183. Rūparammaṇa:

Sắc cảnh sắc.

Visible form.

184. Saddārammaṇa:

Sắc cảnh thinh.

Sound.

185. Gandhārammaṇa:

Sắc cảnh khí.

Smell.

186. Rasārammaṇa:

Sắc cảnh vị.

Taste.

Bhāvarūpa - 2
2 Sắc Tính
Sexual Phenomena - 2

187. Iṭṭhībhāva:

Sắc nữ tính

Femininity.

188. Purisabhāva:

Sắc nam tính.

Masculinity.

189. Hadayarūpa:

Sắc ý vật.

Heart base.

190. Jīvitarūpa:

Sắc mạng quyền.

Life faculty.

191. Āhārarūpa:

Sắc vật thực.

Nutriment.

192. Paricchedarūpa:

Sắc hư không.

Space element.

Viññattirūpa - 2
2 Sắc Biểu Tri
Communicating Phenomena - 2

193. Kāyaviññatti:

Sắc thân biểu tri.

Bodily intimation.

194. Vacīviññatti:

Sắc khẩu biểu tri.

Vocal intimation.

Vikārarūpa - 3
3 Sắc Đặc Biệt
Mutable Phenomena

195. Lahutārūpa:

Sắc khinh.

Lightness.

196. Mudatārūpa:

Sắc nhu.

Malleability.

197. Kammaññatārūpa:

Sắc thích nghiệp

Wieldiness.

Lakkhanarūpa - 4
4 Sắc Tứ Tướng
Characteristic of Matter - 4

198. Upacayarūpa:

Sắc sinh.

Production.

199. Santatirūpa:

Sắc tiến.

Continuity.

200. Jaratārūpa:

Sắc dị.

Decay.

201. Aniccatārūpa:

Sắc diệt.

Impermanent.

202. Nibbāna:

Níp-bàn.

Nibbāna.

Paññatti
Pháp Tục Đế
(Pháp Chế Định)
Concepts

Nāmapaññatti - 6

6 Danh Chế Định
Name-concept - 6

203. Vijjamānapaññatti:

Danh chơn chế định.

Real concept.

204. Avijjamānapaññatti:

Phi danh chơn chế định.

Unreal concept.

205. Vijjamānena avijjamānapaññatti:

Danh chơn Phi danh chơn chế định.

Real and unreal concept.

206. Avijjamānena vijjamānapaññatti:

Phi danh chơn Danh chơn chế định.

Unreal and real concept.

207. Vijjamānena vijjamānapaññatti:

Danh chơn Danh chơn chế định.

Real and real concept.

208. Avijjamānena avijjamānapaññatti:

Phi danh chơn Phi danh chơn chế định.

Unreal and unreal concept.

Atthapaññatti - 7
7 Nghĩa Chế Định
Meaning-concept - 7

209. Santānapaññatti:

Hình thức chế định.

Formal concepts.

210. Samūhapaññatti:

Hiệp thành chế định.

Collective concepts.

211. Sattapaññatti:

Chúng sanh chế định.

Living being concepts.

212. Disāpaññatti:

Phương hướng chế định.

Local concepts.

213. Kālapaññatti:

Thời gian chế định.

Time concepts.

214. Ākāsapaññatti:

Hư không chế định.

Space concepts.

215. Nimittapaññatti:

Hình tướng chế định.

Sign concepts.

Sankhayā: Số
Number

Eka là 1.
One.

Dvi là 2.
Two.

Ti là 3.
Three.

Catu là 4.
Four.

Pañca là 5.
Five.

Cha là 6.
Six.

Satta là 7.
Seven.

Aṭṭha là 8.
Eight.

Nava là 9.
Nine.

Dasa là 10.
Ten.

Ekādasa là 11.
Eleven.

Dvādasa hay bārasa là 12.
Twelve.

Terasa là 13.
Thirteen.

Catuddasa hay cuddasa là 14.
Fourteen.

Pañcadasa hay paṇṇarasa là 15.
Fifteen.

Soḷasa là 16.
Sixteen.

Sattarasa là 17.
Seventeen.

Attharasa là 18.
Eighteen.

Ekūnavīsati hay Ūnavīsa là 19.
Nineteen.

Vīsa hay vīsati là 20.
Twenty.

Ekavīsati là 21.
Twenty one.

Dvāvīsati hay bāvīsati là 22.
Twenty two.

Tevīsati là 23.
Twenty three.

Catuvīsati là 24.
Twenty four.

Pañcavīsati là 25.
Twenty five.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU, 2
LỜI TRI ÂN, 5
HỒI HƯỚNG 7
SÁCH THAM KHẢO 8

CHƯƠNG I **12**

(BÀI 1) **12**
PHẦN CHIA PHÁP

CHƯƠNG II **32**

(BÀI 2) **32**
SƠ ĐỒ CHIA PHÁP
BẰNG CHỮ

CHƯƠNG III **42**

(BÀI 3) **42**
SƠ ĐỒ CHIA PHÁP
BẰNG SỐ

CHƯƠNG IV **52**
SƠ ĐỒ
CHIA PHÁP TRỐNG

CHƯƠNG V **63**

(BÀI 4) **63**
PHẦN GỒM PHÁP ABHIDHAMMA

CHƯƠNG VI **81**

(BÀI 5) **81**
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP
BẰNG CHỮ

CHƯƠNG VII **98**

(BÀI 6) **98**
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP
BẰNG SỐ

CHƯƠNG VIII **115**
SƠ ĐỒ GỒM PHÁP
TRỐNG

CHƯƠNG IX **132**

(BÀI 7) **132**
ĐỊNH NGHĨA
DANH TỪ ABHIDHAMMA

CHƯƠNG X **191**
280 ĐỊNH NGHĨA
BẰNG HÌNH
DANH TỪ ABHIDHAMMA

CHƯƠNG XI **292**
215 DANH TỪ ABHIDHAMMA
PALI-VIỆT-ANH